

F O R U M



Lũ lụt tại Huế, Đà Nẵng,
Hội An
(ảnh VNTTX)



Vĩnh Sinh

Cảm nghĩ về lũ lụt miền Trung

Hai tuần nay tin tức lũ lụt ở miền Trung, đặc biệt ở Huế – Thừa Thiên và Đà Nẵng – Quảng Nam, đưa về dồn dập. Trên đài truyền hình, qua internet, qua điện thoại của bà con, bè bạn. Từ Việt Nam, cháu tôi viết e-mail cho hay : “ *Cậu ơi, vào lúc cao điểm, cầu Trường Tiền mất hút trong dòng nước, mực nước lên đến chữ M ở khách sạn Morin đó cậu à !* ”. Đọc tin tôi chợt nghĩ : ở một địa điểm cao ráo như cầu Trường Tiền, hay khách sạn Morin bên “ phố Tây ” mà mực nước còn lên cao đến thế, huống hồ là những vùng cồn bãi hai bờ sông Hương, đôi bờ các nhánh sông An Cựu, Bao Vinh... hay ở những vùng đầm phá Phong Điền, Hà Trung, Cầu Hai....

Trước những dòng tin đau lòng về thiên tai ở quê nhà, một số anh chị em người Việt sống ở nước ngoài đã tự nguyện đứng lên quyên góp cứu trợ đồng bào bị lũ lụt. Cần nói rõ là các anh chị em này không chỉ là những người có gốc gác ở miền Trung như chúng tôi, mà có nhiều người vốn đi từ các miền từ Nam chí Bắc – trong đó tôi đoán cũng có người cho tới nay chưa có dịp đặt chân đến “ khúc ruột miền Trung ” của đất nước. Các anh chị em đã đứng lên phát động phong trào cứu trợ trong tình cảm “ máu chảy ruột mềm ”, “ lá lành đùm lá rách ” và đại nghĩa dân tộc. Quả đúng là “ Quê hương nghĩa nặng tình thâm ! ”. Tình cảm cao đẹp này – như đóm lửa hồng bùng lên giữa đêm trường giá buốt – xin được ghi lại nơi đây với hy vọng sẽ sưởi ấm và an ủi chút nào những đồng bào phải sống cảnh màn trời chiếu đất trong trận lũ lụt có sức tác hại chưa hề nghe thấy ở miền Trung.

Ôi những dòng sông quê hương hò hẹn, thơ mộng, tắm mát tuổi hoa niên ! Đối với người sống xa quê lâu năm như bản thân tôi (hơn 36 năm), những dòng sông quê hương thỉnh thoảng lại thoáng hiện chập chờn trước mắt với những con sóng nhỏ – khi trôi xuôi cùng những cánh bèo lạc, khi vỗ nhẹ vào mạn thuyền – là những hình tượng vừa sống động ướt át, vừa êm đềm sâu lắng khác nào những người mẹ dịu hiền có mặt trên khắp quê hương. Nhưng đồng thời, cũng những dòng sông ấy vào mùa nước lớn, bỗng nhiên trở thành những

(xem tiếp trang 16)

mục lục

2 Sách mới

miền trung lụt lớn

- | | | |
|----|-------------------|--------------|
| 1 | Cảm nghĩ | Vĩnh Sinh |
| 15 | Quỹ cứu trợ | Diễn Đàn |
| 17 | Một kiếp người | Phan Tâm Khê |
| 18 | Văn thơ và lũ lụt | Đặng Tiến |

thời sự & những vấn đề

- | | | |
|----|--------------------------|------------------|
| 3 | Tin / Thời sự | |
| 10 | Hội nghị Trung ương 8 | Hoà Văn |
| 11 | Toàn cầu hoá và hội nhập | Trần Việt Phương |

văn hoá & khoa học & nghệ thuật

- | | | |
|----|--------------------------|----------------|
| 20 | Con bọ Y2K | Hàn Thuỷ |
| 22 | Thơ | Ngô Tự Lập |
| 23 | Giai điệu, lời ca... | Văn Ngọc |
| 24 | Sổ tay | Kiến Văn |
| 25 | Vườn Maria (truyện ngắn) | Nguyễn Văn Thọ |

Tin buồn

Chúng tôi được tin

bà **Phạm Văn Nhân**
nhũ danh **Hà Thị Loan**

đã từ trần ngày 27 tháng 10 năm 1999 tại La Grande-Motte, thọ 87 tuổi. Lễ hoả táng đã cử hành ngày 2.11 tại Montpellier.

Diễn Đàn xin thành thực chia buồn cùng bác Phạm Văn Nhân, anh chị Trần Hải Hạc, Việt Linh cùng toàn thể gia đình.

Compagnie EA SOLA

11, rue Gît-le-Coeur, F-75006 PARIS
Tel : 33 (0)1 56 24 32 42, Fax : 33 (0)1 56 24 32 43
E-mail : easola@cybercable.fr

trình diễn vở múa mới

Voilà voilà

mùa xuân 2000 :

HONGKONG, *Trung Quốc* (HK Arts Festival) :

6-7 tháng 3

LISBOA, *Portugal* (Culturgest) :

14-15 tháng 4

BRUGES, *Bỉ* (Cultuur Centrum) :

4 tháng 5

UTRECHT, *Hà Lan* (Stadsschowburg) :

11 tháng 5

ECHIROLLES, *Pháp* (La Rampe/Le Cargo hors les Murs) :

23 tháng 5

DIỄN ĐÀN

trên mạng internet

<http://perso.wanadoo.fr/diendan>

tin tức, hình ảnh, văn nghệ,
lịch sinh hoạt
được cập nhật hoá đều đặn

DIỄN ĐÀN FORUM

Chủ nhiệm : Nguyễn Quang Đổ

Tổng biên tập : Hà Dương Tường

Ban chủ biên : Hà Dương Tường, Nguyễn Ngọc Giao,

Bùi Mộng Hùng (1932-1999), Văn Ngọc

Ban biên tập, kỹ thuật, quản lý :

Vũ An, Trần Đạo, Nguyễn Lộc, Hoàng Lệ,

Tuấn Linh, Nguyễn Trọng Nghĩa,

Thoại Phong, Nguyễn Quang, Phong Quang, Bảo Tâm,

Thanh Thanh, Vũ Thanh, Nguyễn Thắng, Hàn Thuỷ,

Đặng Tiến, Nam Trần, Hoài Văn, Kiến Văn,

Hải Vân, Hoà Văn

SÁCH MỚI

Vì bài vở số này quá nhiều, chúng tôi phải hoãn lại một số bài, trong đó có bài điểm sách. Để thông báo kịp thời, xin liệt kê vài cuốn sách mới nhận được :

📖 *Mùi hương*, tiểu thuyết của **Patrick Süskind**, bản dịch của **Lê Kim**, Nhà xuất bản Đà Nẵng, 1999, 328 trang.

📖 *Người chết mặc áo đầm*, tiểu thuyết của **Donna Leon**, bản dịch của **Lê Kim**, Nhà xuất bản Thanh Hoá, 1999, 352 trang.

📖 *Mông Phụ, un village du Delta du Fleuve Rouge (Việt Nam)*, Nguyễn Tùng chủ biên với sự cộng tác của **Nelly Krowolsky** và **Nguyễn Xuân Linh**, Nhà xuất bản L'Harmattan, Paris, 1999, 340 trang.

📖 *Quả đất Quê hương*, của **Edgar Morin** và **Anne Brigitte Kern**, bản dịch của **Nguyễn Hải Thủy**, Nhà xuất bản CMCT, Paris, 1999, 300 trang, giá bán 80 FF (địa chỉ nhà xuất bản : Mme NGUYEN, 106 Av. Jean Jaurès, 94110 ARCUEIL, Pháp ; Email : nhlt@aol.com).

📖 *Gió Lửa*, tiểu thuyết của **Nam Dao**, Nhà xuất bản Thi Văn, Qué bec, 1999, 494 trang, giá 20 USD (ngoài châu Mỹ : +2 USD). [Địa chỉ nhà xuất bản : Edition Thi Văn, P.O. Box 42045, suc. St Louis, ST-FOY, Qc, Canada G1W 4Y3 ; E-mail : thivan@videotron.ca, Website : <http://pages.infinit.net/thivan/home.htm>]

📖 *Nơi người chết mỉm cười*, tạp ghi của **Nguyễn Quốc Trụ**, Nhà xuất bản Văn Mới, California, 1999, 208 trang, giá 10 USD. [Nxb Văn Mới, 1528 S. La Cienega Blvd, Los Angeles, Ca 90035, tel : 310 559 0413, fax : 310 659 2627]

📖 *Kinh Thánh trọn bộ Cựu ước và Tân ước*, bản tiếng Việt do Nhóm Phiên dịch các giờ kinh phụng vụ thực hiện, Toà Tổng giám mục Thành phố Hồ Chí Minh, 1998 ; bản in tại Mỹ : Hội Thánh kinh Việt Nam Lê Bảo Tịnh, California, 1999, 2452 trang, giá bán tại Mỹ 30 USD.

📖 *Đại từ điển tiếng Việt*, do **Nguyễn Như Ý** chủ biên, Nhà xuất bản Văn hoá Thông tin, 1998, 1894 trang, khổ 19x27, nặng 3 kg, giá bán tại Việt Nam 250 000 đ.

📖 *Overtured Chariot, The Autobiobiography of Phan Bội Châu*, translated by **Vĩnh Sinh** and **Nicholas Wickenden**, Nhà xuất bản SHAPS, University of Hawaii Press, Honolulu, 1999, 298 trang.

N.Q.T. OPTIQUE

Melle NGUYEN QUANG

opticien diplômé

SPECIALISTE VARILUX

Remise 20 % : verres Essilor, lentilles jetables, montures & solaires de grandes marques, loupes jumelles thermomètres
Montures en promotion jusqu'à 50 % et autres remises non cumulables

Heures d'ouvertures : matin 9 h 30 à 13 h

après-midi 14 h 30 à 19 h 00

(fermé samedi après-midi & lundi matin)

137 Boulevard de Grenelle, 75015 PARIS, Tél 01 45 66 93 27

Métro : Cambronne ou La Motte Picquet Grenelle ; Bus : 49, 80.

TIN TỨC

Chính sách đối với Việt kiều : những câu hỏi còn lại...

Ngày 27.10 vừa qua, chính phủ Việt Nam đã ban hành quyết định số 210 về chính sách đối với người Việt Nam định cư ở nước ngoài, gồm một số điểm chính như sau :

- Bãi bỏ thị thực xuất nhập cảnh đối với người Việt Nam định cư ở nước ngoài mang hộ chiếu Việt Nam hợp lệ.

- Cấp hộ chiếu Việt Nam cho người Việt Nam định cư ở nước ngoài còn giữ quốc tịch Việt Nam.

- Áp dụng cho người Việt Nam định cư ở nước ngoài mang hộ chiếu Việt Nam thủ tục trình báo tạm trú của công dân ở trong nước.

- Áp dụng cho người Việt Nam định cư ở nước ngoài mang hộ chiếu Việt Nam các giá dịch vụ và vận chuyển như người ở trong nước.

- Cho người Việt Nam định cư ở nước ngoài mang hộ chiếu nước ngoài và đã có công trong sự nghiệp giải phóng dân tộc hoặc xây dựng đất nước (có giấy xác nhận của sứ quán Việt Nam hay của Ủy ban về người Việt Nam ở nước ngoài) được miễn lệ phí thị thực xuất nhập cảnh và hưởng các giá dịch vụ và vận chuyển của người ở trong nước.

- Giao cho các bộ xây dựng, tư pháp và ngoại giao nghiên cứu và trình chính phủ, trong quý 1 năm 2000, chính sách về nhà ở đối với người Việt Nam định cư ở nước ngoài.

Những qui định trên có hiệu lực từ ngày 11 tháng 11 vừa qua. Quyết định này đã được ông Nguyễn Phú Bình, phó chủ nhiệm Ủy ban về người Việt Nam ở nước ngoài, giải thích trên báo chí (**Tuổi Trẻ** 6.11 và **Thời báo Kinh tế Sài Gòn** 11.11.99), song vẫn còn một số điều mập mờ, thiếu rõ ràng tạo nên nhiều thắc mắc và câu hỏi :

- Bao nhiêu Việt kiều được miễn thị thực nhập xuất cảnh khi về nước ? Ông Nguyễn Phú Bình thú nhận là không biết rõ số lượng Việt kiều hiện mang hộ chiếu Việt Nam.

- Việc cấp hộ chiếu cho Việt kiều giữ quốc tịch Việt Nam là một quyền công dân ? Theo quyết định 210, Việt kiều còn giữ quốc tịch Việt Nam phải có đơn “ đề nghị ” sứ quán Việt Nam cấp hộ chiếu và cơ quan này sẽ “ xem xét ” và cấp sau khi có ý kiến của những cơ quan chức năng ở trong nước. Nghĩa là chính quyền vẫn có thể từ chối cấp hộ chiếu cho một công dân định cư ở nước ngoài vì lý do chính trị hay tư tưởng chẳng hạn. Đó là chính sách hiện đang áp dụng cho công dân ở trong nước : cùng với quyết định bãi bỏ thị thực xuất nhập cảnh đối với công dân ở trong nước, chính quyền đã ngăn chặn không cho một số công dân có tư tưởng không chính thống đi

ra ngoài nước bằng cách từ chối cấp hộ chiếu cho họ. Có thể nói rằng quyền tự do ra vào đất nước của mình chưa phải là một quyền công dân ở Việt Nam.

- Việt kiều mang hộ chiếu nước ngoài có được cấp thêm một hộ chiếu Việt Nam ? Theo lời của ông Nguyễn Phú Bình, tại những nước “ không có ràng buộc pháp lý ”, tức là không buộc người nhập tịch phải từ bỏ quốc tịch gốc, nhà nước Việt Nam “ có thể giải quyết cho bà con đã vào quốc tịch nước đó có thêm quốc tịch Việt Nam ”. Tất cả đối tượng này phải chăng sẽ được chính phủ cấp hộ chiếu Việt Nam nếu họ có đơn “ đề nghị ”, hay là quy chế hai hộ chiếu nêu lên ở đây sẽ chỉ được thực hiện đối với một đối tượng hạn chế mà nhà nước muốn ưu đãi ? Trong trường hợp đó, một qui định pháp lý lại sẽ được áp dụng một cách tùy tiện.

- Thời hạn lưu trú ở Việt Nam của Việt kiều mang hộ chiếu Việt Nam không có hạn định ? Nếu áp dụng thủ tục trình báo tạm trú của công dân ở trong nước (khi có việc tạm xa nhà) thì Việt kiều mang hộ chiếu Việt Nam phải có quyền gia hạn liên tục thời gian lưu trú ở trong nước. Bằng không quyết định 210 tạo ra một sự phân biệt đối xử và đi ngược lại luật quốc tịch (có hiệu lực từ ngày 1.1.1999) đã khẳng định công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài có quyền hạn và nghĩa vụ như công dân ở trong nước. Nhưng vấn đề chính ở đây dĩ nhiên vẫn là cái thủ tục (hủ tục !) buộc công dân mỗi lần ra khỏi lũy tre làng hoặc phường xóm nơi mình ở, tới một nơi khác là phải trình báo công an. Việt Nam vẫn là một nước công an trị.

- Bao giờ chính sách phân biệt giá cả đối với Việt kiều mang hộ chiếu nước ngoài sẽ chấm dứt ? Theo giải thích của ông Nguyễn Phú Bình, cơ chế hai giá phát xuất từ việc nhà nước Việt Nam trợ giá cho công dân trong một số lĩnh vực như vé máy bay chẳng hạn. Ông cho rằng đây chỉ là “ bước quá độ ” và “ đến một lúc nào đó ” (!) thì sẽ qui về một giá.

- Bao giờ Việt kiều sẽ được quyền mua nhà ở tại Việt Nam ? Ông Nguyễn Phú Bình cho rằng vấn đề “ rất phức tạp ”, có nghĩa là còn nhiều ý kiến khác nhau trong giới lãnh đạo chính quyền. Ông bật mí là phương án đề ra trong quý 1 năm 2000 sẽ công nhận quyền sở hữu nhà ở nhưng chỉ đối với Việt kiều có quốc tịch Việt Nam.

- Quyết định 204 sẽ được thực hiện như thế nào ? Theo ông Nguyễn Phú Bình, quan điểm của đảng cộng sản và chính phủ Việt Nam là “ xem cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài là một bộ phận không thể tách rời của dân tộc Việt Nam ”. Thế nhưng quan điểm này “ chưa thực sự lay chuyển được tất cả các cấp, các ngành ”. Có thể thêm rằng : vì chưa có quan điểm thật sự đồng nhất trong lãnh đạo của đảng và chính phủ.

Dân số : tỉ lệ phát triển giảm đáng kể song kết quả chưa ổn định

Cuộc tổng điều tra dân số ngày 1.4.1999 cho biết dân số nước Việt Nam là 76 324 753 người. Nếu tính thêm tỉ lệ bỏ sót trong điều tra là 1,23 %, dân số nước ta khoảng 77,3 triệu người, gồm 50,8 % nữ với tuổi thọ trung bình là 69 tuổi và 49,2 % nam với tuổi thọ trung bình là 64 tuổi. Điều đáng chú ý là, theo những dự báo trước đây, dân số Việt Nam phải vào khoảng 80 triệu người, cho nên kết quả tổng điều tra là một

bất ngờ vượt những mong đợi. Vào tháng 6, chính phủ Việt Nam có nhận giải thưởng dân số quốc tế năm 1999 của Liên hiệp quốc vì những cố gắng kiểm soát sinh đẻ.

Trong 10 năm 1979-1989, dân số nước ta tăng 11,6 triệu người, tỉ lệ phát triển hàng năm là 2,1 %. Còn trong 10 năm tiếp theo 1989-1999, dân số tăng 11,9 triệu với tỉ lệ phát triển 1,7 %/năm. Qua 10 năm này, số con trung bình của mỗi phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ đã giảm từ 3,8 con xuống còn 2,4 con. Hiện nay, ở Việt Nam, cứ 2 phút có 5 đứa trẻ được sinh ra, một ngày sinh ra số người bằng một xã, một tháng góp đủ thành một huyện và mỗi năm sẽ có thêm số người tương đương với một tỉnh.

Dù tỉ lệ sinh đẻ đã giảm mạnh và liên tục trong 10 năm qua, Ủy ban quốc gia về dân số và kế hoạch hoá gia đình nhận định rằng kết quả vẫn chưa ổn định, và có nguy cơ mức sinh sẽ tăng trở lại tại Việt Nam. Nếu nhà nước không có những nỗ lực đầu tư dứt điểm để kiểm soát dân số thì khoảng 5-7 năm sau sẽ phải đầu tư làm lại. Ủy ban báo động rằng, trong năm nay, số người mới thực hiện các biện pháp tránh thai chỉ bằng 89 % so với cùng thời kỳ năm 1998. Và hai biện pháp tránh thai có tác dụng lâu dài như đình sản và đặt vòng đã giảm đáng ngại. Những người công tác trong ngành kế hoạch hoá gia đình cho rằng, trước mắt, sẽ khó hoàn thành chỉ tiêu giảm tỉ lệ sinh 0,8 phần nghìn trong năm 1999 như quốc hội đã đưa ra. Cũng như không ai dám chắc rằng dự báo dân số Việt Nam năm 2004 không vượt con số 83,5 triệu người. (Lao Động 11 và 15.10.99)

Lúa gạo : được mùa lớn, xuất khẩu kỷ lục nhưng...

Theo ước tính của tổng cục thống kê, sản lượng lúa của cả ba vụ năm 1999 sẽ đạt trên 31 triệu tấn. Nếu tính thêm 2,8 triệu tấn màu qui ra thóc thì tổng sản lượng lương thực quy thóc sẽ đạt 33,8 triệu tấn, tăng 2 triệu tấn so với năm 1998, là năm có sản lượng cao nhất từ trước tới nay. Nhưng nỗi lo của người nông dân là xu thế thóc gạo mất giá trong khi giá cả vật tư nông nghiệp không hề giảm. Ở Hà Tây và Hà Nam chẳng hạn, giá thóc đã hạ đến mức 1600 đồng/kg, nghĩa là ở dưới mức giá mà nhà nước thu thuế nông nghiệp (1800 đ/kg).

Bộ thương mại ước tính, năm 1999 Việt Nam sẽ đạt mức xuất khẩu kỷ lục 4,2 triệu tấn gạo, tăng 12 % so với năm 1998 (3,75 triệu tấn). Tuy nhiên, kim ngạch dự kiến — 930 triệu USD — sẽ giảm khoảng 1 % so với năm trước (1,024 tỉ USD). Nguyên nhân là giá gạo trên thị trường thế giới giảm mạnh, bình quân chỉ còn 221,4 USD/tấn, mất đi 51,7 USD mỗi tấn. (Lao Động 7.10 ; Tuổi Trẻ 30.10.99)

Nhập cảng bột mì giảm

Theo báo Tuổi Trẻ, nhập cảng bột mì ở Việt Nam giảm 65 phần trăm so với năm ngoái, khoảng 125.000 tấn. Lý do là sản xuất bột mì trong nước tăng. Tờ báo cũng cho biết với đà này năm 2001 Việt Nam sẽ không nhập bột mì nữa.

Hiện Việt Nam có năm nhà máy xay bột với công suất 1.300-1.400 tấn mỗi năm. Bốn nhà máy khác sẽ được đưa ra hoạt động năm tới. Nhu cầu bột mì ở Việt Nam ngày càng tăng, và theo những người có trách nhiệm thì Việt Nam sẽ cần

600 000 tấn năm 2000. Bột mì được sử dụng phần lớn ở miền nam.

Hiện Việt Nam nhập bột mì từ Úc, Trung Quốc, Nam Hàn, Nhật và một số nước châu Âu. Lúa mì thì được nhập từ Úc, Gia Nã Đại và Mỹ. (Reuters 11.11.1999)

Tỷ lệ nghèo giảm

Chương Trình Phát Triển của Liên Hiệp Quốc đã khen ngợi Việt Nam đã đem được tỷ lệ nghèo từ 58% xuống 37% (dân số Việt Nam hiện là 79 triệu). Lời tuyên bố nêu : “ Trong khi ở nhiều nước mức nghèo đói ngày càng tăng, thì Việt Nam đã nỗ lực giải quyết tận gốc vấn đề và cho phép người dân nghèo khả năng nâng cao đời sống của mình ”.

Tuy nhiên Việt Nam còn phải tiếp tục đưa những thành phần còn lẩn quẩn trong vòng thiếu hụt lên, đặc biệt là người các dân tộc miền núi và phụ nữ. Ở những vùng núi, người dân tộc vẫn nghèo và thiếu ăn. Phụ nữ thì còn bị kỳ thị trong tìm việc làm và mượn vốn để làm ăn.

Tổ chức LHQ cũng nhấn mạnh còn 41 % trẻ em thiếu dinh dưỡng và ăn lương thực không thích hợp.

Việt Nam vẫn là một trong những nước nghèo nhất thế giới với thu nhập bình quân đầu người khoảng 300\$/năm. (Reuters 18.10.1999)

Cứu lụt

Rất nhiều chính phủ, tổ chức quốc tế đã huy động tiền bạc, lương thực, dụng cụ y tế, thuốc men gửi giúp nạn nhân bão lụt. Người Việt Nam ở nước ngoài cũng rất sốt sắng góp phần cùng đồng bào trong nước khắc phục hậu quả ghê gớm của trận bão.

Chính phủ Mỹ đã gửi 2 chiếc máy bay vận tải quân sự C130 chở mỗi chiếc 20 tấn chăn màn, vải plastic, bình nước và nhiều dụng cụ cấp cứu từ căn cứ Okinawa (Nhật) bay tới Huế ngày 11.11 góp phần cứu trợ. Bên cạnh đó, chính phủ Mỹ cũng đã bỏ ra 450 000 đôla để mua tặng các nạn nhân 5000 bộ trang bị trong nhà, nâng trị giá quà tặng của Mỹ lên 560 000 đôla. Tuy nhiên, đại sứ Peterson tiên đoán là đóng góp của các cơ quan chính phủ và từ thiện Mỹ sẽ vượt qua số 1,5 triệu đôla, là con số đạt được năm 1997 khi các tỉnh miền nam bị cơn bão Linda tàn phá.

Chính phủ Đức đã gửi tặng các nạn nhân 270 000 đôla qua các hội chữ thập và lưới liềm đỏ và các tổ chức từ thiện phi chính phủ khác. Tòa thánh Vatican đã trao cho tổng giám mục TP HCM Joseph Phạm Minh Mẫn 100 000 đôla để giao cho các giáo chức thuộc 7 tỉnh bị lụt nhằm mua lương thực thuốc men giúp đồng bào bị nạn.

Tới ngày 10.11, mười bốn tổ chức phi chính phủ đã huy động 600 000 đôla và đưa 16 tấn bột mì tới các nạn nhân. Tỉnh láng giềng Savanakheth (Lào) đã gửi một khối lượng lớn mì ăn liền trị giá 2200 đôla...(VNA 10.11, Reuters 11.11, AFP 23.11.1999)

Chu Dung Cơ thăm Việt Nam

Thủ tướng Trung Quốc Chu Dung Cơ (Zhu Rongji) sẽ đi thăm bốn nước ASEAN : Malaysia, Philippin, Singapore và

Việt Nam từ 22-11 đến 4-12. Đây là lần đầu tiên ông đi thăm các nước Đông nam Á từ lúc ông nhậm chức. Chuyến đi Việt Nam của ông là đáp lời mời của thủ tướng Phan Văn Khải, và sẽ bắt đầu ngày 1.12 tại TP HCM. Chu sẽ đi thăm Chợ Lớn trước khi bay ra Hà Nội ngày hôm sau để hội đàm với tổng bí thư Lê Khả Phiêu và chủ tịch quốc hội Nông Đức Mạnh.

Bên lề hội nghị thượng đỉnh của ASEAN, Chu sẽ tham gia các cuộc hội đàm không chính thức giữa ASEAN và các nước Trung Quốc, Nhật và Đại Hàn. Chuyến đi ông Chu nhằm tăng cường hợp tác hai bên giữa Trung Quốc và các nước ASEAN. Mặc dù đang tranh chấp với một số thành viên của ASEAN về quần đảo Trường Sa, Trung Quốc vẫn cố gắng gây lại lòng tin của các nước trong vùng về an ninh, nhất là khi Trung Quốc trở thành cường quốc nguyên tử tham gia thương lượng hiệp ước vùng phi vũ khí nguyên tử ở Đông nam Á.

Riêng đối với Việt Nam, kết quả chính của chuyến đi của ông Chu có thể là việc ký kết một thoả thuận về biên giới trên đất liền, mà hai bên đã từng thông báo là sẽ đạt tới trước cuối năm nay. Hai bên cũng tỏ ý muốn đạt thoả thuận trong năm tới về biên giới trên biển, một vấn đề phức tạp hơn nhiều. Mặt khác, hai bên sẽ thảo luận về việc tăng cường trao đổi thương mại. Năm nay, doanh số mậu dịch giữa hai nước ước tính đạt khoảng 1,3 tỷ đôla. (Reuters 2.11, Kyodo News Service 13.11, AFP 25.11.1999)

Khối ASEAN ủng hộ Trung Quốc vào Tổ chức mậu dịch quốc tế

Các nước ASEAN đã chào mừng việc Mỹ và Trung Quốc (TQ) đạt được thoả thuận trong cuộc thương lượng về quan hệ mậu dịch giữa hai nước. Thoả thuận này mở đường cho các cuộc thương lượng sắp tới giữa TQ với Cộng đồng châu Âu, và nhất là, mở đường cho việc TQ gia nhập Tổ chức Mậu dịch Quốc tế (viết tắt theo tiếng Anh : WTO). Trong một thông cáo được công bố ngày 16.11, ông Rodolfo Severino tổng thư ký ASEAN nhắc lại rằng ngay từ năm 1997, ASEAN đã ủng hộ Trung Quốc và các nước Việt Nam, Lào và Cam Bốt xin gia nhập WTO.

Ông Severino cũng nhắc lại là tháng mười qua, giữa cơn khủng hoảng kinh tế nặng, các nước ASEAN đã lên tiếng tán thành những chính sách cởi mở trong thương mại quốc tế, đặc biệt trong kỹ nghệ thực phẩm, nông phẩm và việc hạ thuế các sản phẩm cần nhiều nhân công.

Hiện WTO có 135 thành viên. Những nước đang xin gia nhập gồm có : Albani, Algieri, Andorra, Armenia, Azerbaijan, Belarus, Butan, Cam Bốt, Croatia, Jordani, Kazakhstan, Lào, Liban, Litva, Macedonia, Moldova, Nepal, Oman, Nga, Samoa, Arập Xê-ut, Seychelles, Soudan, Đài Loan, Tonga, Ukraina, Uzbekistan, Vanuatu và Việt Nam (AFP 16.11.1999).

Khởi công xây dựng một đoạn đường xuyên Á

Bộ Giao Thông Vận Tải (BGTVT) đã cho khởi công xây khúc đường “ xuyên Á ” đi từ thành phố Hồ Chí Minh. Đoạn đường “ xuyên Á ” nằm trong lãnh thổ Việt Nam dài 80 cây số và được chia ra làm ba lô xây dựng.

Lô thứ nhất xây đoạn nối liền Thủ Đức với Hóc Môn dài 29,6 cây số trị giá 207,6 tỷ đồng (15 triệu đô la). Lô thứ hai xây đoạn nối liền Hóc Môn với Mộc Bài (thuộc tỉnh Tây Ninh) ở biên giới Việt Nam - Cam Bốt, dài 50,1 cây số và trị giá 185 tỷ đồng (13,2 triệu đô la). Hai lô này do công ty Hàn Quốc Anam Group và Công ty kỹ thuật xây dựng số 8 thuộc BGTVT của Việt Nam lãnh. Lô thứ ba xây bảy chiếc cầu và tu sửa ba chiếc khác trị giá 190,5 tỷ đồng (13,6 triệu đô la) và cũng sẽ do Công ty kỹ thuật xây dựng số 8 đảm nhiệm.

Đường “ xuyên Á ” là một chương trình xây dựng lớn, liên quan tới nhiều quốc gia do Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) đầu tư vốn và dự định hoàn thành trong vòng 42 tháng. (VNA 15.11.1999)

Khu chế xuất Tân Thuận : đứng đầu châu Á

Khu chế xuất Tân Thuận (Thành phố Hồ Chí Minh) vừa được tạp chí Anh Corporate Location xếp hạng nhất trong danh sách các khu công nghiệp, khu chế xuất và khu công nghệ cao của châu Á năm 1999. Ngoài ra, Việt Nam còn có khu công nghiệp Nội Bài (Hà Nội) được xếp hạng 6 và khu công nghiệp Thăng Long (Hà Nội) xếp hạng thứ 12. Khu chế xuất Tân Thuận đã thu hút 148 doanh nghiệp và hiện có 93 nhà máy hoạt động với 20 000 lao động. Theo đánh giá của tạp chí nói trên, Tân Thuận được xếp hạng nhất nhờ vào giá cho thuê cơ sở vật chất thấp. Trong khi đó, tạp chí Anh Economist Intelligence Unit lại cho rằng, yếu tố hấp dẫn của Tân Thuận là việc bảo vệ các nhà thầu tránh được những phiền toái do nạn quan liêu và có cơ sở vật chất tốt. Hai năm 1997 và 1998, khu chế xuất Tân Thuận liên tục đứng hạng 3 trong bảng bình chọn và xếp hạng của tạp chí này.

Hiện nay, cả nước có 62 khu công nghiệp, 3 khu chế xuất (Tân Thuận, Linh Trung, Hải Phòng) và một khu công nghệ cao (Hoà Lạc). Tính đến tháng 9 vừa qua, đã có 850 doanh nghiệp được cấp giấy phép hoạt động với tổng số vốn đăng ký là 7,48 tỉ USD. Trong đó có 543 doanh nghiệp nước ngoài (vốn đăng ký 6,1 tỉ USD, đã thực hiện 2,7 tỉ) và 307 doanh nghiệp trong nước. (Thời báo Kinh tế Sài Gòn 21.10 ; Lao Động 14 và 25.10.99)

Giữ nguyên án trong mấy vụ xử buôn lậu

Một toà án ở miền nam đã giữ nguyên án tử hình hai người bị kết tội buôn lậu. Toà thượng thẩm thành phố Hồ Chí Minh cũng cho biết sắp lấy quyết định cho 26 người khác.

Phùng Long Thất, cựu trách nhiệm chống buôn lậu thành phố Hồ Chí Minh, và Trần Đàm chủ hãng Tân Trường Sanh bị kết án tử hình hồi tháng tư. Cả hai đã giữ vai trò mấu chốt trong việc buôn lậu hàng hoá trị giá 71,3 triệu đô la giữa những năm 1994-1997. Cả hai chống án và toà thượng thẩm đã giữ nguyên án.

Ngoài ra, như Diễn Đàn đã đưa tin trong số trước, trước áp lực của dư luận trong vụ Tân Trường Sanh, chính phủ đã buộc phải cách chức ông Phan Văn Dĩnh tổng cục trưởng tổng cục hải quan. Tuy nhiên, trong thông cáo của kỳ họp trung ương vừa qua, người ta không thấy tên ông trong số những uỷ viên trung ương bị cảnh cáo.

Trong vụ Tân Trường Sanh, có hơn 70 người bị xử án trong

đó có nhiều nhân viên hải quan, sĩ quan công an...(Reuters 12.11.1999)

Phụ nữ hút thuốc lá tăng ở châu Á

Tổ chức Quốc tế về Sức khỏe (WHO) đã báo động nạn hút thuốc sẽ đe dọa giới phụ nữ châu Á nếu không có những biện pháp tức thời để ngăn chặn.

Số phụ nữ hút thuốc lá tăng nhanh. Kỹ nghệ thuốc lá tập trung vào thành phần này với những khẩu hiệu đưa ngang hàng hút thuốc với “ bình đẳng ” và “ tự do ” hoặc cho hút thuốc là “ một ” và “ có khả năng giữ không bị mập ”.

Nạn phụ nữ hút thuốc nặng nhất là ở Nhật với tỷ lệ tăng từ 10,5% (năm 1986) lên 23,2%. Hiện tượng này nhẹ hơn ở những nước châu Á khác, 6% phụ nữ Trung Quốc và 4% phụ nữ Việt Nam hút thuốc. (AFP 15-11-1999)

Thái Bình mở cửa ?

Nhà báo Mỹ Mark McDonald, đại diện thường trú tại Việt Nam của tờ San Jose Mercury News, là nhà báo nước ngoài đầu tiên được phép đi thăm Thái Bình kể từ vụ bạo loạn nông dân bùng nổ vào mùa xuân năm 1997. Tuy nhiên ông cũng chỉ được gặp một số quan chức và không được đi thăm huyện Quỳnh Hoa, nơi nổ ra vụ bạo động lớn nhất. Theo McDonald, viên chức có nhiệm vụ ‘hướng dẫn’ chuyến đi của ông đã xác nhận là có 62 nông dân đã bị bắt giam sau những vụ bạo động, về phía những quan chức tham ô, cửa quyền, đối tượng của sự phản kháng của nông dân thì có 84 người bị trục xuất khỏi đảng và 30 người bị bắt giam. Bài báo của McDonald (trên San Jose Mercury News 31.10.1999) không cho biết thông tin nào về những phiên tòa, nếu có, đã được triệu tập để xử những người nói trên.

Rạp hát hiện đại

Công ty Mỹ Loews Cineplex International đã ký ngày 15.10.1999 một hợp đồng liên doanh với Công ty dịch vụ văn hoá Đại Nam nhằm xây dựng và kinh doanh rạp hát ở Hà Nội, TP HCM và một số thành phố khác. Hợp đồng đã được nộp cho bộ đầu tư xem xét để được thông qua. Theo liên doanh, để bắt đầu chương trình, một nhà hát tổng hợp 5 tầng, với 7 phòng chiếu phim trang bị hiện đại, 1821 chỗ ngồi, sẽ được khởi công ở địa điểm hiện nay của công ty Đại Nam tại trung tâm Hà Nội và dự trù sẽ được khai mạc vào mùa xuân năm 2001. Những phòng hát sẽ được thiết kế với những hàng ghế ngồi theo bậc thang, hệ thống âm thanh số, máy điều hoà không khí... Đây sẽ là những phòng chiếu phim và biểu diễn văn nghệ đầu tiên ở Việt Nam có những tiện nghi theo tiêu chuẩn quốc tế như thế. Đại sứ Mỹ tại Hà Nội Pete Peterson và thứ trưởng văn hoá Nguyễn Trung Kiên đã tới dự lễ ký kết. (Business Wires 18.10.1999)

Việt Nam muốn xây dựng một nhà máy điện nguyên tử

Theo tờ South China Morning Post ngày 29.10.1999, Hà Nội đã bắt đầu thương lượng với một số nước (Pháp, Canada, Nhật, Hàn Quốc) để tiến tới việc xây dựng một nhà máy điện nguyên tử. Tờ báo trích tuyên bố của ông Trần Hữu Phát, viện

trưởng Viện năng lượng hạt nhân Việt Nam, trên nhật báo tiếng Anh Saigon Times Daily hồi đầu năm nay. Theo ông Phát, nhu cầu điện năng của cả nước là rất lớn, vào khoảng từ 140 tới 180 tỷ kilowatt-giờ vào năm 2002, và những tính toán hiện nay cho thấy một thiếu hụt khoảng 15 % nếu không có điện nguyên tử. Cũng theo ông, những công tác chuẩn bị cho nhà máy điện nguyên tử đầu tiên tiến hành khả quan. Ấn Độ sẵn sàng giúp Việt Nam một trung tâm nghiên cứu hạt nhân, Nhật và Hàn Quốc có thể nhận giúp đào tạo chuyên viên và cả trợ giúp về tài chính. Sáu địa điểm ở bờ biển miền Trung đã được chọn có thể là nơi xây dựng nhà máy. Mặt khác, trong một phiên họp tại Hà Nội trong tháng 10, Cơ quan quốc tế về năng lượng nguyên tử (IAEA) đã lên tiếng ủng hộ dự án của Việt Nam.

Về phần mình, các cơ quan quốc tế tài trợ đa phương cho Việt Nam không mặn mà lắm về dự án này, nhưng đánh giá rằng Việt Nam có thể tìm được nguồn tài trợ qua những quan hệ song phương với một nhà nước hay một nhà đầu tư tư nhân. Theo những ước tính hiện nay, xây một nhà máy điện nguyên tử có công suất từ 600 đến 1000 megawatts để cho chạy vào năm 2017 như Việt Nam dự trù sẽ tốn từ 1,5 đến 2,5 tỷ đôla.

Những phát hiện mới của khảo cổ học VN

Trong hai ngày 29 và 30- 9-1999, tại Hà Nội, Viện khảo cổ học đã tổ chức **Hội nghị thông báo khảo cổ học lần thứ 34** với hơn 400 thông báo khoa học và những phát hiện mới có ý nghĩa quan trọng. Cuộc khai quật ở vùng núi Hà Giang đã cho phép tìm thấy hơn 2000 công cụ đá mang đặc trưng văn hoá Hoà Bình, và nhiều di chỉ hang động tiền sử. Ở Sa Thầy, Kontum, cũng đã phát hiện được một di chỉ cư trú tiền sử, với hơn 100 công cụ đá mới, và 5 mộ chum. Ở di chỉ Mán Bạc, Yên Mô, Ninh Bình, có niên đại cách đây khoảng 3.500 năm, đã phát hiện nhiều đồ gốm cổ và mộ táng thuộc nền văn hoá tiền Đông Sơn, trong đó di cốt người còn được bảo lưu tốt. Trong năm 1999, trên cả nước, đã phát hiện được hơn 30 chiếc trống đồng, trong đó có 10 trống Đông Sơn. Tại Bình Lục, Hà Nam đã phát hiện được 2 thạp đồng úp miệng vào nhau, với hoa văn trang trí Đông Sơn. Cuộc khai quật phế tích Chăm Pa trên đất Thừa Thiên đã làm lộ rõ cấu trúc của tháp cổ và những hiện vật Linga, Yoni. Về khảo cổ học lịch sử, hai cuộc khai quật ở di tích Thành Cổ và Văn Miếu, Hà Nội, đã cho phép tìm thấy dấu tích kiến trúc của các thời Lý, Trần, Lê. Hơn 100 tấm bia cổ đã được phát hiện ở nhiều nơi trong nước, trong đó có tấm bia chùa Diên Phúc (Bắc Giang), dựng năm 1651, có nói đến quốc hiệu “ Việt Nam ”, v.v... Năm 1999, khảo cổ học Việt Nam đã đạt được nhiều thành tích đáng kể, mặc dầu đã phải giải quyết nhiều vấn đề cấp bách đặt ra ở các di chỉ bị xâm hại như ở Làng Vạc (Nghệ An)- khu mộ táng Đông Sơn, do “cơn sốt ” đào tìm cổ vật gây nên, hoặc ở các di chỉ bị phá huỷ trước sức ép của việc xây dựng các nhà máy và khu chế xuất. (Thanh Niên, 5-10-99)

Chiếc khay cổ tìm được ở Nghệ An

Cũng trong tháng 9-1999, tại xã Phúc Thọ (huyện Nghi Lộc), cách thành phố Vinh 10 km, một nông dân đã đào được ở trong vườn nhà mình một chiếc khay đồng lớn, cân nặng 128

kg, hình vuông, mỗi bề 1,16 m, có bốn chân, mỗi chân cao 0,15 m, thành cao 0,13 m. Phía ngoài miệng khay trang trí hoa văn : hoa thị và hoa cúc dây. Hai bên thành mỗi bên có hai quai. Trên miệng khay có 7 chữ Hán, bên trái ghi : *Trọng nhĩ bách cửu cân* (nặng hai trăm lẻ chín cân ta), bên phải ghi : *nhất song* (một đôi). Cụ Nguyễn Hữu Lữ, 85 tuổi, và cụ Nguyễn Hữu Hiến 72 tuổi, hai vị túc nho, hậu duệ đời thứ 8 của Nguyễn Hữu Chỉnh (? - 1787), cho biết là khu vườn, nơi đào được chiếc khay, trước kia thuộc khuôn viên nhà thờ tộc của dòng họ Nguyễn Hữu, và bộ đồ tế khí xưa kia còn có cả giá y và bộ lư đồng bảy chiếc gọi là *thất lư*. Chiếc khay đồng này xưa được dùng để hoá vàng, gọi là cái *lò hoá vàng*. (Lao Động, 17-9-99)

Tam ca Áo Trắng biểu diễn ở Nhật Bản

Trong tháng 10-99, nhóm Tam ca Áo Trắng đã tham gia chương trình Âm nhạc ASEAN nhân dịp Liên hoan Hợp tác quốc tế tổ chức tại Tokyo, Nhật Bản. Tam ca Áo Trắng là ba chị em gái : Tuyết Ngân 25 tuổi, cùng hai cô em sinh đôi Minh Thư và Minh Tú 23 tuổi. Trong chương trình biểu diễn, ba nữ ca sĩ đã hát các bài *Phố xa* của Lê Quốc Thắng, *Con mọt gạo* của Nguyễn Ngọc Thiện, và một ca khúc Nhật Bản bằng cả hai thứ tiếng Nhật và Việt. Nhân dịp này, Tam ca Áo Trắng đã cho ra Album “ *Thiên đường châu Á, tập 1* ” (Paradise in Asia Vol. 1), do Sogo Yamaguchi sản xuất. Tam ca Áo Trắng là nhóm hát nữ ra đời sớm nhất trong số các nhóm nữ nổi tiếng hiện nay : Ba Con Mèo, Thế Hệ Mới, Tik Tik Tak, Tam ca 3A, Tam ca Con Gái, v.v... (Lao Động, 22-9-99 ; Thanh Niên 20-9-99 ; Tuổi Trẻ 4-7-99).

Phim Việt Nam ở các liên hoan phim

Việt Nam đã tham dự Liên hoan phim Fukuoka (từ 10 đến 19-9-99) với hai phim *Hải Nguyệt* của Trần Mỹ Hà và *Chung Cự* của Việt Linh. Nữ diễn viên Hồng Ánh, người giữ vai chính trong cả hai phim, cùng nữ đạo diễn Việt Linh đã được Đài truyền hình Nhật Bản NKH phỏng vấn, và cuộc phỏng vấn dài 45 phút này đã được phát trên sóng vệ tinh ngày 25-9-99.

Tại Liên hoan phim Cộng đồng Pháp ngữ tổ chức ở Namur, Bỉ, đạo diễn Việt Linh đã được ban giám khảo ACCT trao giải đạo diễn cho bộ phim *Chung Cự*. Trong năm 1999, bộ phim này đã lần lượt được giới thiệu ở các Liên hoan phim : Matxcova, Arcadia, Montréal, Fukuoka, Pusan, Mar Del Plata, Tuần phim phụ nữ tại Tokyo và liên hoan phim Châu Á - Thái Bình Dương tại Băng Cốc.

Tại Băng Cốc, đạo diễn Trần Văn Thủy đã đoạt giải phim ngắn với cuốn *Tiếng vĩ cầm ở Mỹ Lai*. (Tuổi Trẻ, 25-9-99 - TTCN, 16-10-99, AFP 27.11.1999)

Cầu Đuống xây không có cốt thép

Cầu Đuống mới, nằm trên quốc lộ 1A, cách cầu Đuống cũ 5km về phía hạ lưu, được khởi công xây từ tháng 10-1998 bằng bê-tông cốt thép, có tổng số vốn đầu tư 249 tỉ đồng, và dự kiến hoàn thành vào tháng 10-2000. Qua kiểm tra gần đây, Cục Giám định đã phát hiện ra nhiều cọc bê-tông đã chỉ có bê-tông mà không có thép ở phần đáy cọc, trên những đoạn dài tới 8m, nằm sâu dưới lòng đất 40m. Trong vòng mấy tháng

qua, ở một số cây cầu mới xây dựng ở nhiều nơi khác, đã xảy ra tình trạng sập, lún, nứt. Người ta cho rằng nguyên nhân của tình trạng này là do những người trách nhiệm công trường cố tình “ ăn bớt ” vật tư : mỗi mét khối thép trị giá khoảng 4 triệu đồng. Để ăn cắp thép, đơn vị thi công chỉ việc dùng cần cẩu nâng cốt thép lên cách đáy cọc chừng 10m, sau cho phun bê-tông vào cọc khoan nhồi. Do đó, phần đáy cọc không có cốt thép ! (Thanh Niên, 13-9-99)

TIN NGẮN

* Theo ban chỉ đạo phòng chống lụt bão trung ương, trong mười năm qua 1990-1999, số người bị chết do thiên tai ở Việt Nam là 7495 người ; 0,75 triệu ha lúa bị mất trắng, thiệt hại trên 2,3 tấn lương thực ; chìm 8823 tàu thuyền và gần 5,5 triệu nhà cửa bị phá huỷ. Ước tính các tổn thất vật chất lên đến hơn 2 tỉ USD.

* Thông qua chủ trương mới đặt tên ngôn ngữ các nước Tây Thái Bình Dương (28 quốc gia) cho các cơn bão hình thành trong khu vực này, Tổ chức khí tượng thế giới cho biết Việt Nam có đề nghị 4 tên bão sau đây : Trà My, Sông Đà, Sao La và Hạ Long. Bắt đầu từ năm 2000, các tên bão sẽ được chọn lần lượt theo thứ tự ABC, cho nên có thể một cơn bão mang tên Việt Nam lại xảy ra hoàn toàn ở quốc gia khác.

* Cục phát triển lâm nghiệp thuộc bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn cho biết diện tích rừng tính trên đầu người ở Việt Nam chỉ có 0,12 ha/người (bằng 1/5 tỉ lệ bình quân thế giới) và tỉ lệ mất rừng của Việt Nam là 1,4 %/năm (gấp 5 lần mức bình quân của thế giới). Trong 8,25 triệu ha rừng tự nhiên còn đến nay, có đến 2/3 đã trở nên nghèo kiệt (trữ lượng gỗ bình quân dưới 100 m³/ha) và hiện nay Việt Nam đã phải nhập khẩu từ 0,6 đến 0,8 triệu m³ gỗ hàng năm.

* Tham nhũng, Việt Nam trong những nước đội sổ. Đó là kết quả một cuộc thăm dò từ 19 công ty có hoạt động thương mại quốc tế lớn nhất thế giới, do tổ chức Transparency International tiến hành và công bố cuối tháng 10 vừa qua. Trong số 99 nước được kể tên, ít tham nhũng nhất là các nước Bắc Âu (Đan Mạch, Phần Lan...). Cuối bảng là một số nước châu Á, châu Phi và vài quốc gia thuộc Liên Xô cũ. Việt Nam xếp thứ 78, cùng cỡ với Ukraina, Venezuela, trước Armenia, Bolivia, Nga... Trong những nước ASEAN được kể, Singapore được đánh giá khá nhất (hạng 7), sau đó là Malaysia (33), Philipin (54), Thái Lan (69) rồi tới Việt Nam và cuối cùng là Indonesia (98).

* Số nợ khó “ khó đòi ” của các doanh nghiệp Việt Nam tính từ 1992 đến nay lên đến 18 000 tỉ đồng. Tính chung cả số nợ khó đòi từ năm 1992 trở về trước thì nhà nước Việt Nam phải gánh khoảng 30 000 tỉ đồng (tương đương 2,15 tỉ USD) nợ của các doanh nghiệp.

* Theo Cục công sản thuộc bộ tài chính, tổng số giá trị tài sản cố định của nhà nước trong khu vực hành chính sự nghiệp được ước tính lên đến 210 000 tỉ đồng (tương đương 15 tỉ USD) trong đó tài sản đất đai là 210 000 tỉ đồng. Trong tổng giá trị tài sản nói trên có tới 29 % không được phản ánh trong sổ sách kế toán.

* Theo một kế hoạch của chính phủ đề ra trong tháng 10 vừa qua, nhà nước sẽ tính giảm 15 % biên chế từ nay đến cuối năm 2000. Đối tượng bị cắt giảm biên chế gồm các cơ quan hành chính, sự nghiệp và các doanh nghiệp nhà nước.

* Hai chính phủ Nga và Việt Nam đã quyết định chấm dứt 22 hiệp định đã ký kết trong thời gian từ 1955 đến 1988. Ngoài ra, 39 hiệp định khác sẽ phải sửa đổi hay thay thế. Chỉ có 2 hiệp định tiếp tục còn hiệu lực : hiệp định hợp tác về dầu khí ở thềm lục địa phía Nam (1980) và hiệp định hợp tác về xây dựng công trình đặc biệt (1987).

* Những thống kê chính thức về đầu tư trực tiếp của nước ngoài tại Việt Nam cho biết, trong hơn 10 năm số dự án còn hiệu lực là 2290, vốn đăng ký lên đến 35,5 tỉ USD, vốn thực hiện đạt 15,1 tỉ USD. Từ năm 1997 đến nay, nhịp tăng của đầu tư nước ngoài liên tục giảm, vốn thực hiện năm 1997 đạt 3,25 tỉ USD, tăng 25 %, nhưng năm 1998 thì giảm 40 % và năm 1999 ước giảm 25 %.

* PetroVietnam vừa ký với 3 công ty Mỹ một hợp đồng chia sản phẩm để thăm dò và khai thác dầu khí trên thềm lục địa Việt Nam. Đây là hợp đồng thứ 37 và là hợp đồng thứ ba trong năm nay, được ký từ khi Việt Nam ban bố đạo luật về đầu tư nước ngoài năm 1988.

* Theo các tiêu chuẩn của Diễn Đàn kinh tế thế giới, Việt Nam đứng hạng thứ 48 trên 59 nước được xếp hạng về sức cạnh tranh của thị trường. Trong khi đó, Malaysia xếp hạng 16, Thái Lan hạng 30, Philippin hạng 33, Indonesia hạng 47.

* Ra đời tháng 10 vừa qua tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hiệp hội doanh nghiệp người Việt Nam ở nước ngoài hiện có 26 thành viên, và chủ tịch ban quản trị lâm thời là ông Nguyễn Trí Dũng, Việt kiều ở Nhật, giám đốc công ty Minh Trần chuyên sản xuất linh kiện điện tử xuất khẩu. Được biết Thành phố Hồ Chí Minh có hơn 200 doanh nghiệp Việt kiều thành lập theo luật đầu tư nước ngoài và luật khuyến khích đầu tư trong nước.

* Bộ công an đã phát lệnh truy nã đối với ông Trịnh Vĩnh Bình, một doanh nhân Việt kiều ở Hà Lan đã đầu tư hàng triệu đô la về nước. Bị toà phúc thẩm Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 11 năm tù về hai tội ' đưa hối lộ ' và ' vi phạm những qui định về quản lý đất đai ', ông Bình đã bỏ trốn từ đầu tháng 10.

* Với tài trợ của Ngân hàng Thế giới (158,5 triệu USD), quốc lộ 1 đoạn Thành phố Hồ Chí Minh — Cần Thơ (430 km) đã được nâng cấp xong sau ba năm thi công. Ngoài ra, tiến độ cầu Mỹ Thuận đã đạt hơn 80 % và dự kiến sẽ hoàn thành vào cuối tháng 4 năm 2000.

* Theo nghị định số 152 của chính phủ ban hành tháng 10 vừa qua, từ nay người lao động cá nhân được quyền tự ra nước ngoài làm việc nếu tìm được một hợp đồng lao động ở ngoài nước. Ngoài ra, những người lao động có thu nhập thấp sẽ được vay vốn của nhà nước để đi lao động ở nước ngoài.

* Trong một phóng sự về nạn ' quay cốp ' tại các trường đại học, báo Thanh Niên cho biết sinh viên quay bài lúc thi nhiều nhất là ở những môn triết học và kinh tế chính trị mác-lênin. Các sinh viên tự biện hộ : “ *mấy môn này học hoài mà không vô, không hiểu !* ”

* Theo tổng cục thống kê, tỷ lệ thất nghiệp tại thành thị cao nhất hiện nay là ở thủ đô Hà Nội : 10,3 %. Sau đó là Quảng Ninh (9,2 %), Thành phố Hồ Chí Minh (7%) và Đà Nẵng (6,6 %).

* Một cuộc triển lãm di động về đại học Mỹ của Viện giáo dục quốc tế (IIE), một tổ chức trao đổi giáo dục của Hoa Kỳ, đã được tổ chức tại Hà Nội và TP HCM, nhằm thu hút thêm sinh viên Việt Nam sang học tại Mỹ. Theo IIE, trong năm học 1998-1999, có 1284 sinh viên Việt Nam đang du học ở 351 trường đại học Mỹ, trong đó 69 % là bậc đại học, 18 % bậc sau đại học và 6 % các cấp khác. Chi phí du học trung bình ở Mỹ khoảng 20 000 USD/năm, trong đó gia đình các sinh viên gánh đến 68 %, chính phủ Việt Nam 6 % và chính phủ Hoa Kỳ dưới 1 %.

* Tại cuộc thi Olympic tin học quốc tế (IOI) lần thứ 11 tại Thổ Nhĩ Kỳ, bốn sinh viên Việt Nam dự thi đã giành hạng nhất toàn đoàn, trước các đoàn sinh viên Nga (hạng 2) và Trung Quốc (hạng 3). Nguyễn Trung Hiếu (Thành phố Hồ Chí Minh), Nguyễn Ngọc Huy (Hà Nội) và Lê Hồng Việt (Hà Tây) đã đoạt huy chương vàng, Nguyễn Hồng Sơn huy chương bạc.

* Theo một cuộc điều tra ở Thành phố Hồ Chí Minh, tỉ lệ trí thức phụ nữ trong các cơ quan quản lý nhà nước là 27 %, trong quốc hội là 26 %, trong các cơ quan lãnh đạo chính quyền là 10 % và trong cấp uỷ của đảng cộng sản là 8 %. Cuộc điều tra này cũng cho biết phụ nữ chỉ chiếm 32 % trong tổng số người có trình độ cao đẳng trở lên ở TPHCM.

* Số liệu của Tổ chức y tế thế giới cho biết Việt Nam đứng hàng thứ 3 trên thế giới về tỉ lệ nạo phá thai. Điều đáng quan tâm là khoảng 30 % số nạo phá thai hàng năm ở tuổi vị thành niên.

* Theo kết quả một cuộc điều tra năm 1999 của Viện dinh dưỡng, tỉ lệ trẻ em Việt Nam dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng là 39 %, và có đến 10 tỉnh mà tỉ lệ suy dinh dưỡng vượt 40 % (Cao Bằng, Lạng Sơn, Hà Giang, Thanh Hoá...). Tuy nhiên so với năm 1998, tỉ lệ suy dinh dưỡng có giảm từ 3 đến 5 % tùy tỉnh.

* Việt Nam sẽ giới thiệu phim Ba Mùa (Three Seasons) của đạo diễn người Mỹ gốc Việt Nam Tony Bùi dự tranh Oscar 2000 về giải phim nước ngoài hay nhất. Do hãng Mỹ Opencity sản xuất, bộ phim được quay tại Việt Nam, hãng phim Giải Phóng (TPHCM) cung cấp dịch vụ.

* Cuối tháng chín thông tấn xã VNA cho biết những khu vực kinh tế then chốt ở Việt Nam sẽ chuẩn bị xong việc chuyển thế kỷ (giải quyết con bộ Y2K, xem bài trong số này) vào cuối tháng 10. Những khu vực được nêu lên gồm điện, dầu khí, hàng không và hàng hải. Ủy ban chỉ đạo việc chuyển thế kỷ cho biết đã tốn khoảng 50 triệu đô la để sửa và kiểm soát các hệ thống máy tính.

* Việt nam sắp mua 12 chiếc máy bay tác chiến SU-30K, giá mỗi chiếc khoảng 30-35 triệu đô la. Ngoài ra Việt Nam muốn trang bị 12 chiếc máy bay chiến đấu khác (loại SU-27K và SU-27UBK) với những vũ khí tối tân và chính xác nhất. Hiện nay 75 phần trăm thiết bị quân sự của Việt Nam xuất xứ từ Nga.

* Bốn mươi lăm triệu người đã đi bỏ phiếu bầu 252.287 đại biểu hội đồng các cấp tỉnh, huyện và xã. Số người ứng cử lên đến 380.744, do Mặt Trận Tổ Quốc giới thiệu. Nhiệm kỳ của những hội đồng này là năm năm, và có nhiệm vụ giải quyết và quản lý những vấn đề kinh tế xã hội thuộc cấp mình. Ở những tỉnh vừa bị lũ lụt như Quảng Trị, Thừa Thiên, Huế và Quảng Trị, cuộc bầu cử đã được hoãn lại.

* Tổng bí thư đảng CSVN Lê Khả Phiêu đã hoãn chuyến đi thăm nước Pháp được dự trù vào cuối tháng 11. Theo một số nguồn tin, Việt Nam tỏ ý bất bình về việc chính phủ Pháp đã cử sang Việt Nam một bộ trưởng ‘ có vấn đề’. Người bị nhắm là ông Dominique Strauss-Kahn, nguyên bộ trưởng tài chính của chính phủ Jospin, vừa sang tới Hà Nội ngày 29.10 để chuẩn bị ký kết một số văn kiện hợp tác thì phải vội vã bay về để từ chức vì dính líu tới một vụ giả mạo giấy tờ.

* Bảo tàng tỉnh Thái Nguyên vừa công bố một phát hiện mới, đó là cuốn *Thần tích thượng tướng quân Phạm Cuống thời Lê Sơ*. Cuốn sách in chữ Hán trên giấy dó, khổ 16x26 cm, gồm 9 trang, nội dung ghi chép về tướng quân Phạm Cuống, quê ở xã Yên Lãng, Đại Từ, Thái Nguyên, đã cùng Lưu Nhân Chú phò Lê Lợi đánh đuổi giặc Minh ra khỏi bờ cõi. Cuốn Thần tích được chép vào đời Lê Quang Thuận thứ 10 (1469).

* Một hũ sành đựng 9000 đồng tiền cổ được phát hiện tại xã Cát Minh, huyện Phú Cát (Bình Định) ngày 16-9-99. Phần lớn số tiền cổ này là những loại tiền có khắc tên như : Cảnh Hưng Thông Bảo (1740-1786, đời Lê Hiển Tông), Thái Đức Thông Bảo (1778-1793, do Nguyễn Nhạc cho đúc), Quang Trung Thông Bảo (1788-1792, do vua Quang Trung cho đúc), Cảnh Thịnh Thông Bảo (1793-1801, do Nguyễn Quang Toản, con Nguyễn Huệ cho đúc). Số tiền cổ này đã được giao cho Bảo tàng Tổng hợp Bình Định quản lý.

* Nhà xuất bản Đà Nẵng vừa cho ấn hành một bản Kiều với tựa đề *Truyện Kiều tập chú*, kèm theo một bản chữ Nôm viết tay của Tam nguyên Trần Bích San (1840 -1877). Bản Kiều chữ Nôm này trước kia vẫn nằm trong tủ sách của ông Hoàng Châu Hoạch, cháu ngoại của Tam nguyên Trần Bích San, sau được Giản Chi tiên sinh, một học giả uyên bác, em rể của ông Hoàng Châu Hoạch lưu giữ cho đến ngày nay. *Truyện Kiều tập chú* còn có một phần chú giải diễn cố và ngôn từ khá súc tích và nhiều minh họa phong phú. (Thanh Niên, 8-9-99)

* Lần đầu tiên, một “ Liên hoan bình chọn thời trang - người đẹp ASEAN và thế giới ”, đã được tổ chức tại TPHCM và Hà Nội vào trung tuần tháng 11-99. Phía Việt Nam có 3 người đẹp tham dự (ba người này được chọn từ cuộc bình chọn “ Người đẹp Việt Nam 1999 ”). Người đoạt vương miện của Liên hoan sẽ được nhận danh hiệu “ Hoa hậu hữu nghị thế giới ”, kèm theo giải thưởng 8000 USD. (Thanh Niên, 15-9-99)

* Vào giữa tháng 9-1999, đã diễn ra tại Hà Nội một cuộc thi mẫu thời trang mở rộng cho các thí sinh từ 17 đến 24 tuổi, và cho khắp các miền đất nước. Vũ Thu Thủy, một sinh viên năm thứ ba trường Đại học Dân lập Đông Đô Hà Nội, cao 1,75m, với các số đo 84-60-91, đã đoạt giải nhất. Giải nhì, thuộc về Hồ Thị Ngọc Hà (Quảng Bình). Giải ba, Nguyễn Hải Yến (Hà Nội), cao 1,76m, các số đo 83-61-90.

* Tại Giải vô địch Judo Đông Nam Á tổ chức ở Singapore

đầu tháng 9 vừa qua, Nguyễn Thị Kim Vui, 29 tuổi đã đoạt Huy chương vàng (hạng 48 kg). Trước đây, ở Sea Games 19, cô đã từng đoạt HCV ở hạng cân 48 kg. Ngoài ra, tất cả các vận động viên của đoàn Việt Nam đều đã đoạt huy chương : 7 bạc và 6 đồng.

* Tại Giải vô địch WUSHU Đông Nam Á lần thứ 2, tổ chức tại Yanson City, Mianma, đội tuyển Việt Nam đã giành được 18 HCV, 7 HCB và 3 HCD. Nổi bật nhất là 4 HCV của Nguyễn Phương Lan (nam quyền, nam đao, nam côn, toàn năng) ; Đàm Thanh Xuân 3 HCV (trường quyền, côn thuật, toàn năng); Nguyễn Thuý Hiền 2 HCV (đao, thương) ; Nguyễn Anh Minh 3 HCV (thái cực quyền, thái cực kiếm và toàn năng). (Tuổi Trẻ, 5-10-99)

* Hai cầu thủ bóng đá Việt Nam, trung phong Lê Huỳnh Đức (đội Công an TPHCM) và trung vệ Phạm Như Thuận (đội Thể Công), sẽ khoác áo đội tuyển các ngôi sao châu á thi đấu giao hữu ở Bangkok nhân dịp kỷ niệm ngày sinh của quốc vương Thái Lan. Trước năm 1975, các cầu thủ miền Nam Nguyễn Ngọc Thanh, Phạm Văn Rạng, Đỗ Thời Vinh, Phạm Huỳnh Tam Lang đã từng được chọn vào đội tuyển châu á.

* Tại Giải vô địch thế giới wushu 1999 tổ chức tại Hồng Kông tháng 11 vừa qua, ba nữ võ sĩ Nguyễn Thuý Hiền, Đàm Thanh Xuân và Nguyễn Phương Lan đều giành được huy chương vàng. Với 3 huy chương vàng, 4 huy chương bạc và 4 huy chương đồng, đoàn Việt Nam đứng hạng thứ 3 sau Trung Quốc và Hồng Kông (năm 1997, Việt Nam xếp hạng 5).

* Theo ông Viktor Kaluzynyi, bộ trưởng năng lượng Nga, người đã từng làm tổng giám đốc liên doanh dầu khí Vietso-Petro, công trình xây dựng nhà máy lọc dầu Dung Quất có khả năng bị chậm khoảng hai năm so với kế hoạch, vì lý do tài chính.

* Chủ tịch Trần Đức Lương sẽ đi thăm hữu nghị Ấn Độ từ ngày 1 tới 5.12, theo lời mời của tổng thống Ấn K.R. Narayanan. Đây là lần đầu tiên một chủ tịch nước Việt Nam đi thăm Ấn Độ sau chuyến đi của cố chủ tịch Hồ Chí Minh năm 1958. Ấn Độ từ lâu là một đồng minh về chính trị của Việt Nam.

Tìm đọc

HỢP LƯU

tập san văn học nghệ thuật biên khảo

P.O.Box 277, Garden Grove, CA 92842 USA
Tel (714) 265-1394 • Email : tchl@aol.com

♦ *nơi quy tụ những cây bút nổi tiếng
của trong nước và ngoài nước*

♦ *nơi gặp gỡ những tấm lòng tha thiết
với văn học Việt Nam*

đại diện tại Âu châu : M&Mme Lê Tất Luyến
15 place Souham, F-75013 PARIS
Tel : 33 (0)1 45 83 19 12

Hội nghị trung ương 8

Hội nghị trung ương lần thứ 8 của đảng CSVN, họp kín như thường lệ từ ngày 4 tới 11.11 tại Hà Nội, đã tập trung thảo luận về các vấn đề kinh tế và về đợt phê bình, tự phê bình được phát động từ hơn một năm nay trong đảng. Đó là những nội dung người ta đọc được qua bản thông cáo dài hơn hai trang được Việt Nam thông tấn xã phổ biến ngày 11.11. Bản thông cáo viết bằng thứ ngôn từ trù tượng, cứng nhắc, quên không nói gì tới tình cảm của những người tham dự hội nghị đối với nạn lụt lớn chưa từng có vừa bắt đầu tàn phá các tỉnh miền trung vài ngày trước và kéo dài cho tới giữa cuộc họp.

Về kinh tế, theo bản thông cáo, những vấn đề lớn và những yếu kém được hội nghị nêu ra là : nền kinh tế chưa ngăn chặn được sự giảm sút của đà tăng trưởng ; chất lượng của phát triển và của hiệu năng cạnh tranh còn thấp ; còn tồn tại nhiều khía cạnh không hợp lý trong cơ cấu đầu tư và nhiều giới hạn cho môi trường đầu tư ; các khu vực giáo dục, văn hoá, xã hội còn phải giải quyết nhiều vấn đề cấp bách. Những nguyên nhân chủ quan được nêu ra gồm : không xác định được một cách đồng bộ và có hiệu quả những điểm then chốt trong công tác điều chỉnh cơ cấu của nền kinh tế, công tác nâng cao tính hiệu năng kinh tế, công tác ổn định môi trường đầu tư và những cân bằng chủ yếu ; những cơ chế, chính sách trong một số khu vực chưa được thay đổi kịp theo tình hình ; thị trường chưa mở rộng như mong đợi ; các xí nghiệp địa phương tiến bộ chậm và tính cạnh tranh thấp ; các nguồn lực, nhất là nội lực chưa được huy động đầy đủ vào phát triển ; bộ máy quản lý và điều hành còn nặng nề, chồng chéo, không có hiệu lực và hiệu quả, có nhiều biểu hiện tiêu cực và trì trệ ; nạn tham nhũng chưa được ngăn chặn ; nhiều biện pháp, chính sách đúng chưa được thực hiện kịp thời (dịch ngược từ bản tiếng Anh của VNA)... Không có một dòng nhắc tới những cải cách cần thiết trong từng khu vực, từng vấn đề cụ thể như ngân hàng, tiền tệ, xí nghiệp quốc doanh, môi trường pháp lý, v.v... mà không chỉ các đối tác nước ngoài của Việt Nam mà cả những nhà kinh tế trong nước cũng đang chờ đợi (xem trang đọc báo trong nước, ĐĐ số trước). Những mục tiêu, phương hướng được đưa ra là thực hiện chiến lược phát triển và ổn định của các đại hội 7 và 8, hoàn thành kế hoạch năm năm 1996-2000... Với những nhiệm vụ lớn là ‘ đẩy mạnh sản xuất kết hợp với nhu cầu của thị trường, phát triển toàn diện nông nghiệp và nông thôn...’ Theo ông Đào Duy Quát, phó ban tư tưởng và văn hoá, trong cuộc họp báo khi hội nghị vừa kết thúc, những chi tiết về các biện pháp được thông qua sẽ được công bố sau. Chỉ khi đó, và thông qua một số phát biểu, tuyên bố hay trả lời câu hỏi của các đại biểu quốc hội trong kỳ họp cuối năm (bắt đầu ngày 18.11), người ta mới có thể đoán biết một phần những cuộc thảo luận đã diễn ra như thế nào trong cấp lãnh đạo của đảng cầm quyền !

Dễ hiểu là các hãng thông tấn nước ngoài có mặt ở Hà Nội (Reuters, AFP) khi đưa tin về hội nghị chỉ lấy 3, 4 dòng cuối của bản thông cáo, theo đó hai uỷ viên trung ương giữ những nhiệm vụ cao trong chính phủ đã bị hội nghị cảnh cáo về những tội danh cũng không được đưa ra : ông Ngô Xuân Lộc, phó thủ tướng phụ

trách các lĩnh vực công nghiệp, xây dựng và giao thông vận tải, và ông Cao Sỹ Kiêm, nguyên thống đốc ngân hàng quốc gia và phó ban kinh tế của trung ương đảng. Trung ương cũng sẽ “ đề nghị ” với quốc hội bãi nhiệm chức vụ của ông Lộc trong chính phủ nhưng không nói có cách chức phó chủ nhiệm ban kinh tế của ông Kiêm hay không. Theo một số nguồn tin, ông Lộc dính líu trong một vụ tham nhũng liên quan tới dự án xây dựng khu giải trí “ thủy cung ” gần Hà Nội. Còn ông Kiêm đã bị bãi chức thống đốc ngân hàng quốc gia từ năm 1998 vì quản lý tồi. Tại sao hơn một năm sau, ông Kiêm mới bị lôi ra cảnh cáo ? Câu hỏi này có liên quan gì không tới những đầu đá và dàn xếp giữa các ô dù của ông và ông Lộc ? Ngoài việc cảnh cáo trong đảng, những vụ việc mà hai người phạm phải liệu có được đưa ra toà xử, chí ít có được đưa ra công khai trên báo chí ? Người ta còn nhớ, một uỷ viên trung ương khác, ông Phan Văn Dĩnh, vừa mất chức tổng cục trưởng hải quan vì liên quan tới vụ buôn lậu và tham nhũng Tân Trường Sanh (xem ĐĐ số trước), một thời gian khá dài sau tên tuổi đã bị đưa ra dư luận. Kỳ này, thông điệp mà đảng cộng sản muốn đưa ra rõ là việc chống tham nhũng và tiêu cực không nề vì ai, kể cả những người ở cấp cao trong đảng và chính phủ. Song, e rằng nó khó được dư luận trong nước (chưa nói tới dư luận ở ngoài nước) nuốt trôi với kiểu thông tin lưỡi gươm đang được đảng khôi phục, mà bản thông cáo của hội nghị trung ương là một điển hình mẫu mực.

Điểm thứ ba trong chương trình nghị sự của hội nghị trung ương 8 là sự chuẩn bị các văn kiện cho đại hội 9 của đảng cộng sản (giữa năm 2001, nếu họp đúng thời hạn). Bản thông cáo của hội nghị chỉ cho biết là đã thông qua những phương hướng cho các vấn đề lớn sẽ được đề cập tới trong báo cáo chính trị, báo cáo tình hình kinh tế- xã hội và báo cáo sửa đổi nội quy của đảng, và chỉ định các tiểu ban chuẩn bị văn kiện. Song người ta không thể không đặt ra các câu hỏi về tình hình nhân sự lãnh đạo của đảng, một vấn đề luôn luôn là then chốt của các đại hội, quan hệ mật thiết với vấn đề xác định các phương hướng, chiến lược của 5 năm nhiệm kỳ sau đó.

Đã gần hai năm kể từ ngày ông Lê Khả Phiêu được cử làm tổng bí thư đảng CSVN thay ông Đỗ Mười. Một vài cử chỉ ban đầu của ông, như hai cuộc gặp ông Hoàng Minh Chính, đã khiến cho có người những tưởng rằng bên ngoài cái vỏ quân đội và bảo thủ, ông Phiêu có thể là người có ý muốn tìm lối thoát cho tình hình chính trị bế tắc ở Việt Nam. Phản ánh mong ước ấy trong bài bình luận đăng trên ĐĐ số tháng 2.1998, Phong Quang đã cho rằng còn quá sớm để có thể trả lời. Song cái đề tựa của bài viết (‘ Khả năng phiêu lưu của sức ỳ ’) thì hình như lại biểu lộ quá rõ ràng mối lo hơn là niềm lạc quan của tác giả. Tình hình thực tế đáng tiếc lại diễn ra gần đúng như mối lo ấy, hơn là sự mong ước kia. Những đòi hỏi bức bách của dân chúng, những sức ép đổi mới của các đối tác nước ngoài của nền kinh tế Việt Nam rõ ràng đã bị đảng cầm quyền tìm cách vòng qua hoặc đối đầu hơn là đáp ứng một cách nghiêm chỉnh : tạm lui trước cơn bão nông dân ở Thái Bình để rồi sau đó âm thầm trấn áp những người cầm đầu ; trả tự do cho một số tù chính trị kèm theo sự tăng cường phong toả mọi tiếng nói phản kháng (mà nạn nhân tiêu biểu nhưng không phải duy nhất là các ông Trần Độ, Nguyễn Thanh Giang, Hà Sĩ Phu, Bùi Minh Quốc, Tiêu Dao Bảo Cự...) ; và vòng vo lui bước trước những cải tổ cấp bách của nền kinh tế như cải tổ hệ thống các xí nghiệp quốc

(xem tiếp trang 14)

Toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế

Trần Việt Phương

LTS : Quyết định của bộ chính trị đảng cộng sản Việt Nam dành lại vô hạn định việc ký kết hiệp định thương mại Việt-Mỹ như một cú sét đánh trong bầu trời Việt Nam tháng 9 vừa qua (xem Diễn Đàn số 90). Thật ra, nó là mặt nổi của một cuộc tranh chấp khá gay gắt và chưa ngã ngũ trong nội bộ đảng và liên quan đến tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam - chủ đề trung tâm của đại hội 9 năm 2001 của đảng. Trong phiên họp thường kỳ tháng 9 của chính phủ, thủ tướng Phan Văn Khải có khẳng định hội nhập kinh tế quốc tế là “xu thế tất yếu và đòi hỏi khách quan”, cho nên vấn đề đặt ra không phải là hội nhập hay không hội nhập, mà là “hội nhập thế nào?” và “ai là người chuẩn bị hội nhập?”. Câu trả lời mà chính phủ đề ra: “Không phải chỉ là chính phủ mà phải huy động cả xã hội, huy động toàn dân, trước hết là các nhà doanh nghiệp, các nhà khoa học chung vai gánh vác”. Vì vậy mà - ông Khải nhấn mạnh - “một số vấn đề cần thống nhất quan điểm” khi tiến hành công cuộc hội nhập.

*Trong những quan điểm được phép trình bày trên báo chí, Diễn Đàn chọn giới thiệu dưới đây một bài phân tích đăng trên **Tạp chí Cộng sản** (Nhân Dân điện tử ngày 23.10.1999 đăng lại) vì cách đặt vấn đề khá toàn diện của nó. Tác giả **Trần Việt Phương** hiện là thành viên ban nghiên cứu chính sách kinh tế của chính phủ.*

I. Toàn cầu hóa là gì và có những đặc điểm ra sao?

Nói vắn tắt, toàn cầu hoá kinh tế là những mối quan hệ kinh tế vượt qua biên giới quốc gia, vươn tới quy mô toàn thế giới, đạt trình độ và chất lượng mới, khác quá trình quốc tế hoá từ nửa đầu thế kỷ 20 về trước, do những đặc điểm chính như sau:

1. Liên Xô và các nước Đông Âu sụp đổ, Mỹ với cương vị siêu cường mạnh nhất thế giới công bố công khai tham vọng và chiến lược làm bá chủ toàn cầu, thực hiện thế giới một cực, trong tình thế Mỹ đang tiếp tục sa sút một cách tương đối, xu thế đa cực hoá của thế giới đang phát triển, vài siêu cường khác đang ráo riết tìm cách giành vị trí càng lớn càng tốt, đồng thời hàng trăm nước đang phát triển đều ra sức vươn lên, cất cánh hiện đại hoá.

2. Kinh tế thị trường nhiều kiểu, nhiều mức khác nhau lan tràn khắp toàn cầu, kéo theo nó sự tăng cường tự do hoá kinh tế và xu thế vừa hợp tác vừa cạnh tranh, trong một nền kinh tế thế giới đang chuyển thành nền kinh tế tri thức, mà phần phi vật thể vượt xa gấp rất nhiều lần phần vật thể, mà sự quay vòng và biến đổi sở hữu của các luồng vốn lớn tính bằng giây chứ không chỉ bằng giờ, bằng phút, mà nhân lực, rộng hơn nữa là con người với tổng thể khả năng và nhu cầu của con người, ngày càng hiện rõ là nguồn lực chính yếu và mục tiêu cao nhất, mà sự phát triển bền vững, gìn giữ môi trường sống cho các thế hệ mai sau trở thành lo toan hàng đầu của các quốc gia.

3. Cách mạng khoa học và công nghệ, làm bùng nổ những thành quả lạ lùng mà chỉ ít lâu trước đây khó tưởng tượng đến, đặc biệt là cách mạng tin học và cách mạng sinh học, tạo ra lực đẩy to lớn và phương tiện cực kỳ nhanh chóng cho toàn

cầu hoá.

4. Các mối quan hệ kinh tế ngày càng mở rộng và vươn đến toàn diện, chứ không chỉ hạn chế trong thương mại xuất - nhập khẩu. Đặc biệt quan trọng là sự toàn cầu hoá tài chính bằng nhiều hình thức phong phú, với quy mô và tốc độ vượt xa mọi thời kỳ trước, mang lại những vận hội lớn lao và những thách thức nặng nề đối với mọi quốc gia, đồng thời tăng thêm độ bất định và tính dễ bị tổn thương của hệ thống tài chính, tiền tệ quốc tế, làm xuất hiện những "nền kinh tế bong bóng" có thể nổ tung với những hậu quả khốc hại.

Từ thương mại, toàn cầu hoá đang lan sang đầu tư, dịch vụ (150 loại), sở hữu trí tuệ, và còn tiếp tục mở rộng, vào sâu.

5. Toàn cầu hoá được thúc đẩy bởi một loạt những tác nhân mới:

- Đó là những doanh nghiệp cực lớn, lớn, vừa, nhỏ và cực nhỏ (đến từng cá nhân), từ doanh nghiệp tài chính, ngân hàng, doanh nghiệp đầu tư, doanh nghiệp sản xuất đến doanh nghiệp xây dựng, doanh nghiệp vận tải, doanh nghiệp thương mại, doanh nghiệp dịch vụ các loại. Trong hàng trăm, hàng chục triệu doanh nghiệp như vậy, một vai trò có ý nghĩa quyết định thuộc về chừng 50.000 công ty xuyên quốc gia.

- Đó là chính phủ của các nước.

- Đó là các tổ chức phi chính phủ đang ngày càng đông đảo, đa dạng và hoạt động rất tích cực, có khi rất hiệu quả trong toàn cầu hoá.

- Đó là các tổ chức kinh tế, tài chính, thương mại khu vực, đã hình thành ở khắp các châu lục, với những mức độ và cách thức hoạt động khác nhau.

- Đó là các tổ chức kinh tế, tài chính, thương mại toàn cầu như WTO, IMF, WB, các cơ quan kinh tế của Liên hợp quốc, đang cố gắng tự điều chỉnh và thích nghi với tham vọng đóng vai trò những đầu tàu thúc đẩy và những trung tâm điều phối toàn cầu hoá.

Tất cả những tác nhân trên đây tạo thành một mạng lưới khá dày đặc, không thuần nhất, nhiều mâu thuẫn, vừa hợp tác, vừa cạnh tranh, và từng việc, từng nơi, từng lúc mà nổi trội lên mặt hợp tác hay mặt cạnh tranh.

6. Như đã có thể thấy qua sự trình bày về các tác nhân trên đây, một đặc điểm của toàn cầu hoá là đi đôi với khu vực hoá và bao gồm cả các quan hệ kinh tế song phương. Chính vì vậy, toàn cầu hoá kinh tế và hội nhập kinh tế quốc tế là hai mặt của cùng một hiện tượng; tham gia toàn cầu hoá và thực hiện hội nhập quốc tế là hai cách nói khác nhau để diễn đạt một công việc, một tiến trình thống nhất.

Bộ ba toàn cầu hoá, khu vực hoá và quan hệ song phương trong điều kiện thuận lợi sẽ bổ sung và tăng cường cho nhau, song không phải bao giờ cũng vậy. Có khi toàn cầu hoá và khu vực hoá hoặc toàn cầu hoá và quan hệ song phương trái chiều nhau, trở thành đối trọng và đối thủ của nhau. Đó là trường hợp trước mối lo bị vi phạm hoặc thu hẹp chủ quyền quốc gia, các nước trong cùng khu vực hoặc hai nước vốn có quan hệ hữu nghị liên kết lại để tự bảo vệ trong một quá trình toàn cầu hoá phức tạp.

7. Toàn cầu hoá như hiện nay phải chăng có thể coi là một quá trình đã định hình, đã trưởng thành, hay mới đang ở mức sơ khai và còn đang biến chuyển?

Như đã biết, trình độ cao và chất lượng mới của quốc tế hoá kinh tế, nay được gọi là toàn cầu hoá, chỉ mới xuất hiện từ hai thập kỷ nay. Xét đến các nguyên nhân tạo thành và các động lực thúc đẩy của toàn cầu hoá, hầu hết các nhà nghiên cứu trên thế giới đều cho rằng tiến trình toàn cầu hoá mới ở những bước đầu, và có đến mấy kịch bản biến chuyển khác nhau trong những thập niên sắp tới đều có thể trở thành hiện thực. Như vậy, toàn cầu hoá là một hiện tượng "mới" đang vận động và sẽ còn trải qua những chặng đường dài.

Về các đặc điểm của toàn cầu hoá, còn có thể kể thêm nữa. Song 7 điểm vừa kể trên là những điểm quan trọng nhất và nổi bật nhất.

II. Bản chất của toàn cầu hóa là gì ?

1. Toàn cầu hoá là một xu thế lớn của thời đại, song xu thế ấy có khách quan đến mấy thì cũng vẫn do con người tạo ra, nó là kết quả phức hợp của nhiều yếu tố, mà mỗi yếu tố đều là sản phẩm của con người, trong đó 3 yếu tố chính là cách mạng khoa học và công nghệ, nền kinh tế thị trường hiện đại và chính sách rất có tính toán của Mỹ, của các cường quốc khác, của mọi quốc gia lớn nhỏ trên thế giới (chứ không phải chỉ riêng chính sách của Mỹ). Toàn cầu hoá là những quy tắc của nó trong từng thời kỳ phản ánh một sự so sánh lực lượng giữa các tác nhân vừa hợp tác vừa đấu tranh với nhau, và biến đổi cùng với những biến đổi trong so sánh lực lượng giữa các tác nhân ấy. Toàn cầu hoá hoàn toàn không nhất thành bất biến. Người ta thường dùng thuật ngữ "toàn cầu hoá" trống không, nghĩa là không có thêm bất cứ một trạng từ hay tính từ nào để xác định phạm vi và nội dung toàn cầu hoá rõ hơn. Nói "toàn cầu hoá" trống không như vậy là một sự lạm dụng, dễ gây hiểu lầm, khiến cho toàn cầu hoá như mang ý nghĩa phổ biến về không gian và vĩnh cửu về thời gian. Vì thế, nhiều nhà nghiên cứu muốn đúng đắn và chặt chẽ, đã nói là : "toàn cầu hoá hiện nay". Nói như thế hàm ý rằng có "toàn cầu hoá khác hiện nay", hoặc "toàn cầu hoá sẽ tới".

Sự thật là việc đẩy mạnh tự do hoá kinh tế và mở rộng toàn cầu hoá từ thương mại sang nhiều lĩnh vực khác là do Mỹ khởi xướng từ những lợi ích và mưu đồ của Mỹ. Song nếu Mỹ quả thật chỉ phớt lờ dễ dàng được thế giới thì Vòng đàm phán Uruguay đưa đến diện mạo ngày nay của toàn cầu hoá đã không chặt vật, nhiều khi căng thẳng, kéo dài đến 8 năm, mà còn để lại nhiều vấn đề dở dang hoặc chưa được bàn đến, và chung quy kết quả có phần lợi nhiều hơn cho Mỹ cùng các nước phát triển, song phần có lợi giành được cho các nước đang phát triển, các nước có nền kinh tế đang chuyển đổi và các nước kém phát triển nhất không phải là nhỏ.

Quả thật, một mối quan hệ thương mại phát triển với Mỹ thường được xem như một thứ "giấy thông hành" để quan hệ thuận lợi với cộng đồng thương mại và tài chính quốc tế. Quả thật, trong quá trình một nước xin gia nhập WTO, những câu hỏi vận vẹo phần lớn là do Mỹ đưa ra. Thế nhưng không phải Mỹ dễ dàng áp đặt ý định của Mỹ. Nhiều lần Mỹ đã phải lùi, phải nhân nhượng. Một thí dụ cụ thể nhưng có ý nghĩa là đã từng có trường hợp tranh chấp về thương mại giữa Mỹ với một nước nhỏ, kiện ra WTO, cuối cùng Mỹ thua kiện. Thua thật sự chứ không phải "mẫu mè" cho ra vẻ dân chủ.

2. Một nét bản chất rất quan trọng nữa của toàn cầu hoá hiện nay, được nhiều nhà nghiên cứu thuộc những khuynh

hướng chính trị khác nhau vạch rõ, là không đối xứng.

Bản chất không đối xứng ấy thể hiện ra chủ yếu như sau:

- Toàn cầu hoá hiện nay phân phối thành quả rất bất công. Người giàu, nước giàu được lợi, người nghèo, nước nghèo bị thiệt. Từng mảng lớn dân cư thế giới bị loại trừ ra ngoài tiến trình toàn cầu hoá.

- Toàn cầu hoá hiện nay không hài hoà, không đồng bộ, các lĩnh vực toàn cầu hoá so le, chênh lệch nhiều, cả về chiều rộng và chiều sâu. Đặc biệt tai hại là sự khập khiễng, mất cân đối lớn : một là, toàn cầu hoá kinh tế không đi đôi với sự quan tâm đúng mức về xã hội và con người, khiến cho phần thua thiệt về xã hội và con người rất nặng nề; hai là, toàn cầu hoá kinh tế không đi đôi với một cơ cấu và cơ chế quản lý toàn cầu tương xứng và có hiệu quả, khiến cho toàn cầu hoá có vẻ như một con tàu không người lái.

- Toàn cầu hoá hiện nay không coi trọng đầy đủ 3 nhân tố cột trụ của xã hội hiện đại, là thị trường, Nhà nước và xã hội (mà có lẽ Việt Nam gọi là nhân dân và phương Tây gọi là xã hội dân sự). Toàn cầu hoá hiện nay chỉ thiên về thị trường mà xem nhẹ Nhà nước và nhất là xem nhẹ xã hội, như thế nó vì lợi nhuận thị trường hơn là vì lợi ích con người.

Toàn cầu hoá, có thể nói là một trận đấu, trong đó, cùng với các yếu tố thế và lực, ai thông minh, sáng suốt thì được nhiều hơn mất, ai dại khờ, sơ hở thì mất nhiều hơn được, có thể được, mất rất to, nhưng hầu như không thể được hết hoặc mất hết. Chỉ có một tình huống chắc chắn là thua thiệt, đó là khi co mình lại, đóng cửa vào, cự tuyệt toàn cầu hoá, khước từ hội nhập.

III. Hệ quả và triển vọng của toàn cầu hóa

A. Hệ quả của toàn cầu hoá

Đặc điểm và bản chất phức tạp của toàn cầu hoá như phân tích trên đây cho thấy hệ quả của toàn cầu hoá cũng phức tạp, có cả mặt tích cực và mặt tiêu cực, mang lại những cơ hội lớn đồng thời đặt ra những thách thức lớn đối với mọi quốc gia.

Một tích cực

1. Toàn cầu hoá thúc đẩy rất mạnh, rất nhanh sự phát triển và xã hội hoá các lực lượng sản xuất, đưa lại sự tăng trưởng kinh tế cao (nửa đầu thế kỷ 20, GDP thế giới tăng 2,7 lần, nửa cuối thế kỷ, tăng 5,2 lần). Toàn cầu hoá góp phần chuyển biến cơ cấu kinh tế thế giới, đặc biệt tăng mạnh tỷ trọng các sản phẩm chế tác (hiện chiếm 21,4 %) và các dịch vụ (hiện đã chiếm đến 62,4 %) trong cơ cấu kinh tế thế giới.

Như vậy, toàn cầu hoá tạo thêm những tiền đề rất quý cho xã hội mới, hiện đại của con người.

Xét từ góc độ này, ngay những khiếm khuyết và sai hỏng của toàn cầu hoá hiện nay, đương nhiên là tai hại, song cũng góp phần đặt ra những vấn đề lớn của tương lai, và thậm chí hé mở cả giải pháp. Sự phát triển bền vững, với sự tôn vinh của con người là nguồn lực chính, với mối quan tâm đặc biệt đến môi trường xã hội và môi trường sinh thái, đã nổi bật lên từ thập niên 80, chính là do tiến trình toàn cầu hoá.

2. Toàn cầu hoá truyền bá và chuyển giao trên quy mô ngày càng lớn, tuy chưa được như mong muốn, những thành quả mới mẻ, những đột phá sáng tạo về khoa học và công nghệ, về tổ chức và quản lý, về sản xuất và kinh doanh, đưa

kiến thức và kinh nghiệm đến với các dân tộc, tại nhiều nước, đã đến từng gia đình, từng người dân, dọn đường cho công nghiệp hoá và hiện đại hoá.

3. Toàn cầu hoá tạo thêm khả năng phát triển rút ngắn và mang lại những nguồn lực rất quan trọng, rất cần thiết cho các nước đang phát triển, từ các nguồn vốn vật chất đến các nguồn tri thức và kinh nghiệm, cả về chiến lược dài hạn và về tổ chức tiến hành, cả ở tầm vĩ mô của quốc gia và ở tầm vi mô của từng doanh nghiệp và từng hộ.

Toàn cầu hoá một mặt gây sức ép mãnh liệt và gay gắt về cạnh tranh, đòi hỏi tiến hành những cải cách sâu rộng để nâng cao sức cạnh tranh và hiệu quả của mỗi nền kinh tế, mỗi doanh nghiệp, chỉ rõ vị trí hàng đầu của yếu tố chất lượng, yếu tố thời gian, yếu tố nâng cao giá trị gia tăng để có sức cạnh tranh và hiệu quả, mặt khác toàn cầu hoá mở ra những địa bàn và cách thức hoạt động mới, những thị trường mới, những đối tác mới cho từng nước, nhất là các nước đang phát triển.

Có thể nói rằng đó là thời cơ lịch sử.

4. Toàn cầu hoá thúc đẩy sự xích lại gần nhau của các dân tộc, kích thích các luồng và các dạng giao lưu, làm cho con người ở mọi châu lục ngày càng hiểu biết nhau hơn, nắm được tình hình cập nhật ở mọi nơi và có thể góp phần tác động nhanh chóng đến mọi sự kiện.

Bằng cách đó, toàn cầu hoá góp phần vào sự nâng cao dân trí và sự tự khẳng định của các dân tộc, của con người.

Một tiêu cực

1. Toàn cầu hoá làm trầm trọng thêm sự bất công xã hội, đào sâu hố ngăn cách giàu, nghèo trong từng nước và giữa các nước.

Điều này chỉ viết trong một câu, song nó làm phá và gây phần nọ không sao kể xiết, nó tăng thêm đau khổ của hơn 4 tỷ người, trên 2/3 dân số thế giới.

2. Toàn cầu hoá làm cho mọi mặt hoạt động và đời sống của con người thêm phần kém an toàn, từ an toàn kinh tế tài chính, văn hoá, xã hội, môi trường đến an toàn chính trị, từ an toàn của từng con người, từng gia đình đến an toàn quốc gia và an toàn của hệ thống kinh tế, tài chính, tiền tệ toàn cầu.

Trong thế bất an như vậy, những bất trắc và nguy cơ khó lường trước được, khủng hoảng có thể đột ngột nổ ra, với những tác hại dây chuyền khốc liệt.

3. Toàn cầu hoá có phần thu hẹp quyền lực, phạm vi và hiệu quả tác động của các nhà nước - dân tộc, làm rung chuyển một nền tảng cực kỳ quan trọng của đời sống các quốc gia, đặt ra một vấn đề rất nhạy cảm và gây nên những phản ứng quyết liệt.

Trong trường hợp chính sách quốc gia phạm sai lầm, thì tác hại của sự tranh chấp và xung đột quyền lực này càng nặng nề, nghiêm trọng.

4. Toàn cầu hoá đặc biệt đặt các nước đang phát triển trước những thách thức, mà vượt qua thắng lợi thì cái được rất lớn, còn ứng phó thất bại thì cái mất rất to.

Điều này nếu chỉ coi là mặt tiêu cực của toàn cầu hoá hẳn có phần không thỏa đáng. Tuy nhiên, cái lý của việc xếp đặt như vậy là ở chỗ trong cuộc vận động vừa hợp tác vừa đấu tranh của toàn cầu hoá, từng nước đang phát triển bắt đầu với

Giá biểu quảng cáo và rao vặt

Rao vặt : từ 1 đến 3 dòng : 50 F, từ dòng thứ 4 trở đi, mỗi dòng thêm 10 F (mỗi dòng chiều ngang 5,9 cm, khoảng 15 ký hiệu).

Quảng cáo : 1/8 trang : 180F, 1/4 trang : 300F, 1/2 trang : 550 F trang, 1 trang : 1000F (giá này chưa tính thuế TVA 20,6 %).

Đăng liên tiếp nhiều số báo : lần thứ hai : bớt 10 %, từ lần thứ ba trở đi : bớt 20 %.

Chứng từ đăng tải : sau khi báo ra, toà soạn sẽ gửi hoá đơn và bản sao chụp trang có đăng quảng cáo hay rao vặt. Nếu muốn nhận nguyên số báo, xin thêm 25 F (tiền số báo + cước phí bưu điện).

Phiếu mua báo *Diễn Đàn*

Họ và tên.....
.....
.....

mua một năm báo *Diễn Đàn* kể từ tháng..... (số.....).

Kèm theo đây là ngân phiếu FF

Giá mua 1 năm báo (11 số) :

Pháp (kể cả các tỉnh & lãnh thổ DOM TOM : 250 FF, tức là 40 €) ; Châu Âu ngoài Pháp : 280 FF = 45 € ; Các nước ngoài châu Âu : 330 FF = 50 €).

Ngân phiếu xin đề tên DIENDAN FORUM và gửi về : DIEN-DAN FORUM, B.P.50, 92340 BOURG-LA-REINE (France).

Bạn đọc ở **Pháp** có thể chuyển thẳng vào CCP 4.416.14 W Paris

Bạn đọc ở **Châu Âu** thuộc khối Liên hiệp kinh tế UE có thể ra bưu điện chuyển thẳng số tiền tương đương với 280 FF vào trương mục CCP số 30041 00001 0441614 W 020 76 của *Diễn Đàn*. Như vậy tránh được cho chúng tôi hơn 80 FF lệ phí các loại mỗi lần nhận được Eurocheque hoặc Money Order.

Bạn đọc ở **Hoa Kỳ** xin ký séc 60 USD đề tên ông HOANG NGUYỄN và gửi về toà soạn (*xem trên*).

Bạn đọc ở **Canada** và **Úc** xin gửi money order 60 USD đề tên ông HOANG NGUYỄN và gửi về toà soạn (*xem trên*).

Bạn đọc ở Ba Lan, giá đặc biệt : số tiền zloti tương đương với 15 USD/năm, séc đề tên P. Le Duc, tài khoản PKO S.A., IV O. W. Warszawie, 12401053-40149879-2700-201112-001-0000 (for Forum).

Bạn đọc ở **Thụy Sĩ** có thể thanh toán (70 FS/năm) vào trương mục Journal diendan, CCP 12-83273-3, 1211 GENEVE 1 : xin viết thư về toà soạn để chúng tôi gửi phiếu chuyển ngân (*bulletin de versement virement*).

Bạn đọc ở **Đức** có thể gửi séc 80 DM cho ông TRAN, Am Stadtpark 6, 92237 SULZBACH-ROSENBERG hoặc chuyển khoản vào trương mục (Überweisung) DIENDAN-FORUM (Bank : SPARKASSE AMBARG-SULZBERG, Konto : N° 380 48 94 76 : blz 752 500 00).

thực trạng cả thế và lực đều yếu hơn hẳn các nước phát triển.

Có thể tóm tắt mọi thách thức trong một câu: Với chỗ xuất phát yếu hơn hẳn, làm cách nào để tham gia toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế có hiệu quả, khiến cho phần thu lợi lớn hơn phần bị mất tranh thủ được mặt tích cực, phòng và chống được mặt tiêu cực của toàn cầu hoá ?

Với những mặt tích cực và tiêu cực như trên, có thể giả định rằng có một câu hỏi : Vậy thì nên chăng tham gia toàn cầu hoá ?

Đó chỉ là giả định, vì trong thế giới ngày nay, thực tế không có một quốc gia nào, không có một nhà hoạch định chính sách nào lại đặt câu hỏi ấy. Đi ngược lại một xu thế của thời đại, dẫu đó là một xu thế phức tạp chứa đựng cả những mưu đồ đen tối của siêu cường này, cường quốc khác, không bao giờ là dấu hiệu của sự sáng suốt. Cự tuyệt toàn cầu hoá, ngỡ rằng có thể đóng cửa tự lực tự cường, nhưng sự thật lại bị mặt tiêu cực của toàn cầu hoá chi phối, mà tự tước của mình điều kiện và khả năng chống trả. Như thế đúng là chưa đánh đã chịu thua, không vào trận tương yên thân, nhưng thật ra lại gánh chịu sự thất bại nặng nhất, tức là bị loại trừ và cô lập.

B. Triển vọng của toàn cầu hoá

Trong những thập niên tới, chắc chắn toàn cầu hoá, khu vực hoá và quan hệ song phương giữa từng cặp nước sẽ phát triển, và có lẽ phát triển nhanh.

Điều đáng chú ý nhất là hai tổ chức tài chính - tiền tệ quốc tế lớn, tác nhân quan trọng của toàn cầu hoá, là IMF và WB đang chịu sức ép mạnh từ các đối tác cũng như từ trong nội bộ, đòi hỏi hai tổ chức ấy phải thay đổi, thậm chí phải cải tổ sâu sắc, để thích ứng với giai đoạn mới và sửa chữa những sai lầm, yếu kém gần đây bị chỉ trích nhiều.

Trung ương 8 (tiếp theo trang 10)

doanh, cải thiện môi trường pháp lý cho mọi hoạt động kinh tế (cũng như xã hội). Về đối ngoại, là sự thụt lùi trong cuộc thương lượng mậu dịch với Mỹ... Những ví dụ không thiếu cho thấy rằng hai năm qua chủ yếu là hai năm hãm thắng những cải cách về kinh tế và xã hội. Những nhà đầu tư nước ngoài, với sự nhạy cảm nghề nghiệp của hoạt động doanh nghiệp quốc tế, đã nhiều lần cảnh báo về tình hình đó, một số không nhỏ đã rút ra khỏi Việt Nam và nguy cơ tụt hậu so với các nước láng giềng lại được nhiều người, kể cả các nhà kinh tế trong bộ máy cầm quyền, nhắc lại. Suy thoái về kinh tế không thể đổ mãi là do ảnh hưởng tiêu cực của cuộc khủng hoảng tài chính trong khu vực, khi các nước láng giềng bị khủng hoảng nặng nhất đã vượt qua được cơn bão tố ấy và đang lấy lại đà phát triển lớn hơn Việt Nam.

Còn hơn một năm cho đảng chuẩn bị đại hội tới. Trong giả thuyết lạc quan nói trên kia về người đứng đầu đảng hiện nay, liệu ông Chiêu có thể minh chứng rằng cái sức ì của bộ máy là vượt qua được, và sau một thời gian khó khăn, ông đã đưa được con thuyền vào một quỹ đạo mới, năng động hơn, với một chân trời sáng sủa hơn ? Và cũng vẫn trong giả thuyết lạc quan ấy, những nhân vật nào sẽ xuất hiện, đủ sức đánh bại đi cái cảm giác đen tối toát ra từ bức tranh nhân sự lãnh đạo của đảng hiện nay ? Những câu hỏi mà với cơ chế chính trị hiện nay, những người nhiều thiện chí nhất cũng khó có thể trả lời.

H.V.

Mặt khác, một tác nhân quan trọng nữa của toàn cầu hoá là tổ chức thương mại thế giới, ra đời do kết quả Vòng đàm phán Uruguay, không chỉ vận hành theo những quy tắc chung về thương mại, nó còn bao gồm đến 30 hiệp định quốc tế về những lĩnh vực và những loại sản phẩm khác nhau, vậy mà vẫn còn nhiều việc tồn đọng chưa được xử lý. Cuối năm nay, tổ chức thương mại thế giới bắt đầu một Vòng đàm phán mới được gọi là Vòng đàm phán thiên niên kỷ, về một loại vấn đề cơ bản và cấp bách. Mỹ tỏ ra muốn hoàn tất vòng đàm phán này trong chừng 3 năm, chứ không kéo dài 8 năm như Vòng đàm phán Uruguay. Đây sẽ là dịp đụng đầu sát phạt của những quyền lực và lợi ích khác nhau, mà kết quả sẽ vẽ ra khuôn mặt của toàn cầu hoá trong những thập niên sắp tới.

Triển vọng thế nào ? Nói giản lược, có thể có 3 phương án :

Một là, Mỹ sẽ áp đặt được nhiều hơn mưu đồ của Mỹ, do đó sẽ Mỹ hoá nhiều hơn tiến trình toàn cầu hoá. Đó là phương án xấu.

Hai là, toàn cầu hoá tiến triển đại thể như hiện nay, có thêm một số cải tiến để tăng độ an toàn của các hệ thống kinh tế, tài chính, thương mại quốc tế, một số biện pháp xã hội để giảm nhẹ các hậu quả xấu đối với con người, và một số điều có lợi hơn cho các nước đang phát triển. Tuỳ mức độ thành quả, đó là phương án trung bình hoặc trung bình khá.

Ba là, toàn cầu hoá có một biến chuyển cơ bản, hạn chế rõ sự chi phối của Mỹ, nâng cao vai trò của các nước đang phát triển chiếm hơn 2/3 số thành viên, kết hợp tốt xã hội, Nhà nước và thị trường, giảm mặt tiêu cực và tăng mặt tích cực của toàn cầu hoá. Đó là phương án tốt.

Trong 3 phương án ấy, thì phương án 2 có nhiều khả năng hơn cả trở thành hiện thực, song không thể loại trừ phương án 1 và phương án 3.

Xét riêng về mặt quản lý tiến trình toàn cầu hoá, loài người đã có và còn có thể lập thêm những định chế ở các quy mô khác nhau, từ doanh nghiệp, địa phương, ngành, quốc gia, khu vực, liên khu vực đến toàn cầu, song định chế ở quy mô nào, tầm cỡ nào là chủ yếu, có vai trò lớn nhất và quyết định nhất?

Một số nhà nghiên cứu nêu ra 3 phương án:

Một là, hình thành một cơ cấu quyền lực quản lý toàn cầu có hiệu lực và hiệu quả.

Hai là, củng cố quyền lực của các nhà nước dân tộc, qua sự phối hợp giữa các nhà nước ấy mà quản lý tiến trình toàn cầu hoá.

Ba là, thiết lập những cơ cấu quản lý ở từng khu vực (như kiểu Cộng đồng châu Âu hoặc Hiệp hội các nước Đông - Nam Á) giữ vai trò vừa bảo vệ các chủ quyền quốc gia vừa thúc đẩy tiến trình toàn cầu hoá.

Cố nhiên, còn có thể có phương án hỗn hợp cả 3 phương án nói trên.

Theo ý kiến của một số nhà nghiên cứu đã nêu ra những phương án này, thì phương án 3 là khả thi và có hiệu quả hơn cả.

Quả thật, toàn cầu hoá có một triển vọng "mở".

Trần Việt Phương (Tạp chí cộng sản)

(đăng lại trên Nhân Dân điện tử ngày 23.10.1999)

Cảm nghĩ về lũ lụt...

(tiếp theo trang 1)

dòng nước bạc giập dữ, hung hãn không hề kiềm chế, đã và đang mang lại biết bao niềm bất hạnh, khổ đau cho cuộc sống của người dân trong vùng !

Nói đến lũ lụt không thể không nhắc tới sông Hoàng Hà ở Trung Quốc. Là cội nguồn của văn minh Trung Hoa, Hoàng Hà – dài 5464 km – bắt nguồn từ Thanh Hải, chảy qua các tỉnh Tứ Xuyên, Cam Túc, khu tự trị dân tộc Hồi Ninh Hạ, khu tự trị Nội Mông Cổ, Sơn Tây, Thiểm Tây, Hà Nam, Sơn Đông, rồi cuối cùng đổ ra Bột Hải với lưu lượng trung bình mỗi năm là 480 ức mét khối, mang theo 16 ức tấn đất bùn băng qua Tam Môn Hiệp trước khi đổ về hạ lưu. Dòng nước mênh mông màu đỏ gạch chảy cuộn cuộn không bao giờ ngưng như thể từ trên trời tuôn xuống đã được ngòi bút của Lý Bạch ghi lại trong bài *Tương tiến tửu* (mà sau này nhà thơ Cao Bá Quát của ta có trích lại trong thơ ông) : “ *Quân bất kiến Hoàng Hà chi thủy thiên thượng lai, bốn lưu đảo hải bất phục hồi* ” (Anh chẳng thấy Hoàng Hà nước nọ / Tự trên trời chảy đổ ra khơi / Ra khơi thôi thế là thôi / Về nguồn trở lại có ngày nào đâu – Quên tên người dịch). Ruộng đồng màu mỡ cũng nhờ sông, mà niềm bất hạnh của cư dân trong lưu vực cũng tại vì sông. Bởi thế Hoàng Hà mới có biệt danh là “ nỗi sầu đau của Trung Quốc ” (China's sorrow) và cư dân trong lưu vực mới có lời kêu than : “ Thập niên cữu bát thu ! ” (Trong mười năm đã có chín năm mất mùa !). Vì vấn đề chống lũ lụt, xây dựng đê điều, và việc mở mang mạng lưới sông ngòi có liên hệ trực tiếp đến sự phồn vinh của đất nước, nên người Trung Quốc có câu : “ Ai chế ngự được lũ lụt thì chế ngự được thiên hạ ”.

Lịch sử trị thủy ở Trung Quốc bắt đầu từ thuở xa xưa. Theo truyền thuyết, việc trị lụt khởi đầu từ đời vua Vũ nhà Hạ. Rút kinh nghiệm của cha là Cỗn vì muốn cưỡng lại dòng nước mà thất bại, vua Vũ cho đào các sông đào nhằm tháo nước nương theo thủy lưu nên trị được lũ lụt. Các vương triều thành lập sau khi Trung Quốc thống nhất đều đặt ra chức “ Hà quan ”, tức viên quan đặc trách về sông Hoàng Hà. Nhưng nạn vỡ đê xảy ra khá thường xuyên : trong khoảng 2000 năm trước khi nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa ra đời (1949), có hơn 1500 lần vỡ đê và 26 lần đổi hướng. Tính đồ đồng, cứ 3 năm đê vỡ 2 lần, và cứ mỗi 100 năm sông lại đổi hướng 1 lần. Năm 1117, dưới đời vua Chính Hoà nhà Tống, đê vỡ ở gần Thương Huyện (Hà Bắc) khiến một triệu người bị nước cuốn trôi. Năm 1938, quân đội Tưởng Giới Thạch khi tháo chạy về Từ Châu, nhằm ngăn cản đường truy kích của quân đội Nhật, đã bí mật phá vỡ đê sông Hoàng Hà ở Hoa Viên Khẩu (Hà Nam). Lũn vỡ đê nhân tạo có-một-không-hai này đã làm 80 vạn người thiệt mạng và gây thiệt hại cho hơn 20 triệu người.

Dưới khẩu hiệu “ Súc tiết kiêm trừ ” (trừ cả hai đường : vừa trừ nước vừa tháo nước), nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa một mặt cho xây đập ở thượng lưu và trung lưu, nạo vét đáy sông xây những hồ điều tiết thủy lượng ; một mặt cho đào thêm nhiều thủy lộ trên đường từ đó ra cửa biển. Nhờ tổng hợp

cả hai mặt trị thủy và sử dụng nước trên nhiều mặt – đặc biệt là tưới ruộng đất, tức “ tưới tiêu ” (irrigation) – nạn lũ lụt do Hoàng Hà vừa được giải quyết trên căn bản, vừa đáp ứng với nhu cầu dùng nước ngày càng nhiều trong kế hoạch canh tân của Trung Quốc.

Người viết bài này rời Việt Nam sang Nhật du học năm 1963 nên không chứng kiến trận lụt lịch sử ở Huế năm 1964. Tôi chỉ còn nhớ vào trận lụt năm 1953, nhà tôi ở vùng Ô Hồ, nước ngập đến mái nhà, may thay chẳng bao lâu sau đó nước bắt đầu rút. Nhưng trận lụt 1953 so với cơn lũ lụt lần này thì hình như cũng chưa thấm vào đâu. Theo lời của những người quen biết ở Thuận An (nơi sông Hương đổ ra biển) vừa thuật lại, trận lụt 1953 đã dời cửa sông đến một địa điểm mới cách cửa sông cũ mấy trăm mét, và trận lụt lần này lại dời cửa sông về địa điểm cũ, cuốn ra biển đến cả mấy chục gia đình...

Làm thế nào để đề phòng và ngăn ngừa lũ lụt ? Mặc dầu những hiểu biết của tôi rất hạn chế, tôi mạnh dạn đưa ra một số ý kiến vì nhận thấy đây là một vấn đề bức thiết mà từ trước đến nay ít được thảo luận trong chiều hướng tìm một giải pháp tích cực. Trước hết, lũ lụt là một vấn đề mà con người không thể kiểm soát hoàn toàn, nên việc ngăn chặn tất cả những hư hại do lũ lụt cũng là một chuyện không thực tế. Điều quan trọng trong khuynh hướng trị thủy trên thế giới ngày nay, theo ý kiến của các chuyên gia trong ngành, là cần phải chấp nhận lũ lụt đến một mức độ nào đó, và nhằm đạt mục tiêu đó, cần nắm vững vấn đề sử dụng đất đai, cách sinh hoạt của dân chúng, vị trí của các vùng nông nghiệp và công nghiệp, hệ sinh thái, cảnh quan của sông nước, ý thức đề phòng lũ lụt của dân chúng trong lưu vực, v.v... , mới có thể đưa ra những biện pháp thích đáng. Ở Nhật, ngay từ thời Minh Trị, người ta xây nhà tránh lụt ở những khu đất cao ráo để bảo vệ sinh mạng của dân chúng, hoặc trồng những hoa màu mà cho dầu bị nước lũ cũng không đến nỗi thiệt hại lớn quá. Nhật Bản có thể nói là một trong những nước có hệ thống đề điều hoàn chỉnh nhất trên thế giới. Ở những vùng không đắp đê, người ta trồng rừng chống lụt, hoặc ngay những nơi có đê, nhằm phòng ngừa trường hợp đê vỡ, người ta cho xây cả đê thứ hai, và đê thứ ba. Trình độ kỹ thuật bảo vệ đề điều hay chống lụt của những tổ chức địa phương ở Nhật cũng rất cao.

Thiết nghĩ Việt Nam cần có kế hoạch với quy mô quốc gia nhằm đề phòng lũ lụt (cũng như hạn hán). Trước mắt, nên gấp rút đào tạo nhiều chuyên gia về trị thủy cùng các ngành liên hệ. Vì Nhật Bản là một trong những nước có nhiều kinh nghiệm và kỹ thuật tiên tiến trong lãnh vực này, thiết tưởng nên gửi nhiều sinh viên, nghiên cứu sinh, hoặc chuyên gia sang Nhật Bản du học, thực tập, hay tu nghiệp. Ai cũng thấy rõ là trước mắt, những đồng bào bị lũ lụt cần được trợ giúp tức thời và hữu hiệu nhằm sớm có thể trở lại cuộc sống bình thường. Nhưng đi lâu về dài, cần có những biện pháp tích cực để đề phòng và đối đầu với vấn đề lũ lụt, bởi lẽ vì xã hội ngày càng phát triển và đa dạng, vấn đề lũ lụt đang đòi hỏi những giải pháp tổng hợp ở ngoài tầm tay của chính quyền và dân chúng địa phương.

Vĩnh Sinh

Lũ lụt ở miền Trung

Từ 01/11 đến 07/11 cơn lũ lụt nghiêm trọng nhất từ một thế kỷ nay đã đổ ập xuống miền Trung nước ta, trên một dải đất dài hơn 550 km, từ Quảng Bình đến Bình Định, và đặc biệt tàn phá vùng Thừa Thiên-Huế.

Mưa lớn kéo dài 6 ngày liên kể từ 01/11, lượng mưa phổ biến mỗi ngày trên 100 mm, nhiều nơi trên 300 mm và có chỗ gần 700 mm, lượng mưa trung bình ở Quảng Nam từ 500 mm đến 550 mm. Mức nước sông khắp nơi lên rất nhanh, đến trưa 02/11 thì lũ lụt đã lan tràn, trong khắp một vùng rộng từ Quảng Bình tới Phú Yên, nổi chung mực nước cao hơn mức báo động nguy hiểm nhất từ 0,5 tới 1,5 mét, và tiếp tục dâng. Hầu hết các xã, phường, phố xá ở vùng Thừa Thiên-Huế bị ngập lụt, sâu từ 1,5 tới 4 mét. Trên khắp miền Trung các vùng đất trũng, thấp, ven sông đều bị ngập lụt.

Tối ngày 06/11 thì mưa nhẹ đi và mức lũ bắt đầu xuống chậm, 17 giờ ngày 07 thì hết mưa, nhưng dự báo thời tiết vẫn còn phức tạp, và có khả năng mưa to trở lại.

Tổn thất

Theo các tổng kết trong hai ngày 07 và 08/11 của Ban chỉ đạo phòng chống lũ lụt trung ương thì lũ lụt đã làm chết và mất tích trên 600 người, trong đó ở Thừa Thiên Huế có 341 người chết và 71 người mất tích. Các tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị, Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên đều có hàng chục nạn nhân chết và mất tích. Đó là thiệt hại về người lớn nhất trong lịch sử thiên tai ở miền Trung. Hàng triệu người bị mất trắng nhà cửa và tài sản.

Trên 650 000 nhà cửa, trụ sở, trường học đã bị cuốn trôi hoặc sụp đổ, cùng với 115 cầu cống. Nhiều thuyền bè bị cuốn trôi. Nhiều nhóm đồng bào tránh lũ lụt trên những mỏm đất cao, trên mái nhà, bị cô lập. Hàng nghìn hành khách và hàng nghìn tấn hàng hoá bị tắc trên các tuyến vận chuyển đường bộ và đường sắt. Các tuyến đường bộ và đường sắt Bắc Nam đều bị cắt nhiều đoạn, hư hại nặng vì sạt lở và vì bị nước cuốn trôi, các sân bay không dùng được trong nhiều ngày, điện, điện thoại bị cắt trong nhiều ngày, khiến cho việc cứu trợ thêm khó khăn.

Hơn 63 nghìn hecta lúa và 24 nghìn hecta hoa màu bị ngập và hư hại ; hơn 5000 tấn thóc giống bị ướt, trôi ; Hàng nghìn trâu bò bị chết, xác gia súc, gia cầm thối rữa khắp nơi, gây ô nhiễm nghiêm trọng và đe dọa các bệnh dịch có thể xảy ra.

Theo một ước tính chính thức, thiệt hại vật chất trong đợt thiên tai này lên tới gần 4000 tỉ đồng (300 triệu USD).

Cứu trợ và khắc phục hậu quả

Từ ngày 03/11 công việc cứu trợ đã được tổ chức khẩn trương, các lực lượng công an và quân đội được huy động tối đa để dùng mọi phương tiện, bằng máy bay, trực thăng và thuyền bè, đưa lương thực và quần áo tới những người bị nạn, đồng thời di dời dân tới những nơi an toàn. Công binh đã khẩn trương dựng cầu tạm và khôi phục các đoạn đường bị phá huỷ để mở đường cho các đoàn xe tiếp tế. Ngành y tế địa phương, trung ương, sinh viên các trường Y phân tán đi các nơi để chữa bệnh, phát thuốc, tiêm chủng, phòng ngừa bệnh dịch.

Văn phòng Hiệp hội chữ thập đỏ - lưới liềm đỏ quốc tế đã quyết định cứu trợ khẩn cấp cho chín tỉnh miền Trung, gồm : Thừa Thiên-Huế, Quảng Ngãi, Quảng Trị, Bình định, Quảng Nam, Quảng Bình, Đà Nẵng, Thanh Hoá, Hà Tĩnh. Tổng số tiền cứu trợ là 660 triệu đồng.

Hoàng gia và Hội chữ thập đỏ Thái Lan đã chở thẳng tới các vùng bị nạn 500 thùng thuốc. Chính phủ Nhật Bản đã đề nghị một dự án cứu trợ trị giá 80 000 US \$. Tổ chức không chính phủ Malteser Hilfsdienst tại Cộng Hoà Liên Bang Đức đang triển khai, cùng với báo Thanh Niên ở VN, một dự án cứu trợ trị giá 110 000 Đức Mã. Công ty Thương Mại Bến Thành, một doanh nghiệp của người Vn tại Nga đã ủng hộ 135 triệu đồng. Nhật bản đang kêu gọi dân chúng ủng hộ cứu trợ bão lụt tại VN trên đài phát thanh.

Các tỉnh miền Bắc đã có kế hoạch huy động 4000 tấn lúa giống để đưa vào miền Trung cho vụ lúa đông xuân sắp tới. Dân chúng Việt Nam tại khắp nơi trong nước đang thu góp tiền, lương thực và quần áo để cứu trợ đồng bào miền Trung.

Cho đến ngày 08/11 thì phần lớn mạng lưới điện và điện thoại đã được khôi phục ; đoạn đường bộ Đà Nẵng Huế đã thông xe. Ngành đường sắt đang khôi phục từng đoạn và dự kiến tới 16/11 mới thông được toàn tuyến đường.

Khó khăn trước mắt trong những ngày tới vẫn còn là việc phân phát lương thực cho trên một triệu người, cũng như việc giải quyết thuốc men và ngăn chặn khả năng dịch bệnh. Ngắn hạn trong vài tháng tới là làm sao khôi phục lại mùa màng, trường học, bảo đảm cung cấp những vật dụng thiết yếu như chăn màn, quần áo, soong nồi, dầu thắp đèn, thu dọn lại môi trường sống. Rồi sau đó là việc xây dựng lại nhà cửa, các công trình dân dụng sẽ kéo dài nhiều năm.

Quỹ cứu trợ bão lụt miền Trung

Để góp phần vào cố gắng khắc phục hậu quả thiên tai, *Diễn Đàn* mở quỹ cứu trợ bão lụt. Số tiền của bạn đọc và ban biên tập gom góp sẽ trực tiếp tham gia tài trợ phương án **xây dựng lại trường phổ thông cơ sở của xã Điện Dương** (huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam).

Trường sẽ có 4 lớp học. Chi phí dự trù cho mỗi lớp học là 40 triệu đồng Việt Nam.

Bạn đọc ở các nước thuộc **Liên hiệp châu Âu** có thể chuyển khoản (bằng FF hay Euro) vào trương mục số 30041 00001 0441614 W 020 76 của báo *Diễn Đàn*

Riêng bạn đọc tại **Pháp**, xin chuyển khoản vào CCP 4 416 14 W Paris của *Diễn Đàn*

Tại **Thụy Sĩ** : Journal DIENDAN, CCP 12-83273-3, 1211 GENEVE 1

Tại **Đức** : Hrn TRAN, Am Stadtpark 6, 92237 SULZBACH-ROSENBERG hoặc chuyển khoản vào trương mục DIENDAN-FORUM (Bank : SPARKASSE AMBARG-SULZBERG, Konto : No 380 48 94 76 : blz 752 500 00)

Tại **Hoa Kỳ** : séc đề tên HOANG NGUYỄN và gửi về toà soạn ; **các nước khác** : money order bằng USD, đề tên HOANG NGUYỄN và gửi về toà soạn :

Journal DIENDAN

BP 50

92340 BOURG LA REINE (France)

Mọi ngân phiếu xin ghi chú : *quỹ cứu trợ bão lụt*.

Một kiếp người

Phan Tam Khê

*Nàng gửi con về nương xóm cũ
Nghẹn ngào trở lại đẩy xe nôl...*

Tố Hữu

Tôi choàng dậy vì chuông điện thoại đổ liên hồi. Năm giờ sáng, ai mà sớm vậy nhỉ ?

– Allo, thì ra là Bertrand đấy à ? Đang ở đâu đấy ? Sao đêm qua ngủ trên taxi à ? Ở đoạn đường nào vậy ? Quê Sơn à ? Thế thì nên quay lại Nha Trang đi. Cũng không được, ghê thế kia à ?

Hai người bạn Pháp của tôi về giúp Việt Nam, từ Sài Gòn ra bị nhằn lại gần cầu Hương An. Tinh thần họ xuống thật thấp. Sau khi đã liên lạc với một ngôi chùa gần đấy, tìm cho họ một chỗ “ ẩn thân ” yên ổn, an ủi họ vài câu, tôi mở truyền hình xem tin tức.

Đúng 6 giờ sáng ngày 3-11-99 Chủ tịch Ủy ban Nhân dân thành phố ban bố lệnh báo động khẩn cấp. Khoác vội áo mưa, tôi xuống đường. Đà Nẵng, Huế, Hội An bị cô lập. Thành phố bị chia cắt ra thành nhiều khu khó liên lạc nhau. Đặc biệt một điều là không bị mất điện – Hoan hô sở điện lực ! Nơi nơi chỉ có nước và nước. Ai bảo những thành phố sát biển thì không bị lụt ? Hai tháng chín, Đông Tây, Nam Bắc, cầu cống tất tất đều ngập nước. Tôi “ chạy vòng quanh ”. Thấy cảnh nhà cửa chìm trong biển nước “ đau lòng tôi muốn khóc ”. Trời vẫn không ngớt mưa và nước vẫn không ngớt dâng. Cái khó bó cái khôn, nhiều nghề mới được dàn dựng : để đi lại trên những quãng đường ngập nước, các bác xe ba bánh đã thay thế cho các bác cyclo và xe Honda ôm : 5000 đồng một cuộc ngắn, 1000 đồng một cuộc dài, nghe đâu ở Hội An, các thuyền độc mộc rất phát tài. Bên bờ sông Hàn, người ta vớt củi, vớt mọi thứ, vớt tất cả gì có thể vớt được. Nhưng ấn tượng nhất vẫn là nghề bắt rắn. Eo ơi ! Nào rắn lục, rắn mai gầm, rắn muông, đủ loại bơi lờ dờ, thiếu hẳn cái nhanh nhẹn bẩm sinh. Tha hồ mà bắt, các bác lái rắn “ phen này chắc hẳn kiếm ăn to ”. Thế mới biết, trong bất cứ hoàn cảnh nào cũng vẫn có những người tìm được hạnh phúc của mình trong cái đau khổ của kẻ khác. Họ cười la nhí nhố, xem ra thế thì đã sao ?

Ngày 4-11-99 tin tức được ban bố trên truyền hình từng nửa giờ một. Lụt càng lúc càng lớn. Các tổ chức cứu trợ nhân dân bắt đầu hoạt động : nhất là các hiệp hội, chùa chiền và nhà thờ. Nam Bắc, mọi người đều hướng về miền Trung ruột thịt. Ấy là cái khí thế luôn luôn sẵn có của người Việt Nam trong những thời điểm khốn khó. Những hình ảnh của chợ Bến

Thành thật vô cùng xúc động : bác tiểu thương, những người qua lại vừa khóc vừa móc ví. Ở thủ đô, nhà nhà đều không rời màn ảnh TV để theo dõi biến chuyển của thời tiết.



Người ta chia sẻ cái đau khổ của anh em miền Trung một cách bình tĩnh hơn. “ Bá nhân bá tánh ” – Nhưng “ nhiều điều ” lúc nào cũng sẵn sàng “ phủ lấy giá gương ”, đó là điều quan trọng.

Nhìn những chiếc ghe nhỏ bé xú, chất đầy lương thực, nước uống chòng chành trên sóng cả, tôi thì thâm cầu nguyện

Báo chí tới tập đưa tin với những tit lớn “ Miền Trung Đại hồng thủy ” – Huế bị cô lập hoàn toàn, đến cả máy bay trực thăng cũng không thể hạ cánh nổi, có nhiều người chết nhưng chưa có con số chính thức vì chưa thống kê được. Lụt lớn hơn năm Thìn (1964), người ta bình luận. Năm Thìn là đỉnh cao nhất và là cái mốc cho người ta so sánh với những trận lụt khác.

Ngày 5-11-99 nước rút chậm nhưng cứu trợ của các nơi đã được đổ về. Ở quận Non nước người ta cho biết không có thiệt hại về sinh mạng nhờ những chiếc máy điện thoại di động. Có thể chứ, ít ra thì cũng có cơ hội để cho các chiếc máy tốn kém kia được sử dụng đúng chức năng của nó chứ. Xin cảm ơn những phát minh mới của nhân loại.

Tình hình thật nguy ngập. Lúa tháng 8 được phơi phóng xong, người ta cất lên tận khu đi vì tưởng rằng bà thủy không tài nào trào lên đến đó được, nào ngờ bà trở chứng chơi ngông, mò lên tận nóc. Tất cả đều mọc mọng. Tôi buột miệng : gởi người vào Quảng Ngãi học làm mạch nha. Một bà cụ nguyệt tôi một cái thật dài, tôi chợt thấy mình vô duyên là vì thiếu thực tế. Làm sao ra khỏi Đà Nẵng trong tình hình này được ? Vùng này người ta đã bắt đầu sạ cho mùa tháng 10. Thế là đi đông cho cả hai mùa. Dân cư chẳng vớt vát được tý gì, chỉ lo thoát thân vì nước lên nhanh và vào ban đêm. Mà cũng lạ thực, nước lúc nào cũng lên vào ban đêm, cứ như là đánh du kích vậy. Một ông cụ thở dài : “ Chỉ tội nghiệp cho đàn gia súc ”. Và còn khổ hơn thế nữa, vùng này là vùng người ta nuôi nhiều tôm thịt tôm giống, cá thịt cá giống, thế là hết sạch sành sanh. Bà Hồng thủy đã làm một cuộc cách mạng giải phóng cho cả họ nhà tôm lẫn nhà cá.

Đường vào Hội An vẫn lưu thông chưa được. Đám đông đứng chờ xe dưới mưa tuy biết là vô vọng.

– Mua cho bà tám vé số con !

Một cụ già lưng còng, bé tí xú, chìa tập vé số mời tôi. Tôi đã để ý đến cụ từ nãy đến giờ vì trên khuôn mặt méo mó kia luôn luôn dính một nụ cười nhiều thiện cảm. Cụ chẳng rên rĩ rên xiết như những người bán vé số thường làm. Chẳng ai mua cả nhưng cụ vẫn cứ nán nã như chờ đợi một cái gì ngoài

chuyện bán vé. Tôi lân la ga chuyện :

– Vào quán núp tí đi cụ. Mưa gió thế này mà ai còn ruột gan nào mua vé. Sao cụ không về quách đi cho nó xong ?

– Đợi thử xem đường có thông không để lấy xe về quê. Nóng ruột quá không biết tụi nhỏ có hề chi không, và bàn thờ ông bà có ngập không ?

– Thế quê cụ ở đâu ?

– Diêu Phong.

– Năm nay cụ được mấy mươi rồi ?

– Mới có 76 tuổi.

Trời đất ơi ! Cụ đùa chăng, chữ “ mới có ” sao nghe mà nao lòng đến thế. Mặt cụ vẫn nghiêm trang.

– Cụ được bao nhiêu anh chị ?

– Sáu đứa.

– Sao không ở với con ?

– Thấy tụi hần thiếu thốn quá. Mấy đứa cháu không đóng nổi tiền học mà mình còn quây lặt được...

– Cụ đi bán đã được bao nhiêu năm rồi ?

– Bảy năm.

– Thế thường ngày cụ đã đi qua những con đường nào ?

Nghe cụ kể, tôi nhẩm tính, mỗi ngày cụ thất thủ có đến 20 km. Trời đất ơi, còn chi là chân cẳng.

– Cụ lời được bao nhiêu một ngày ?

– Nhờ ông bà có ngày cũng kiếm được mười lăm, hai chục ngàn, có ngày không đủ ăn.

– Thế cụ ăn mất bao nhiêu một ngày ?

– Năm ngàn. Thiệt ra thì ăn ít nhưng uống thì nhiều, đi nhiều nên khát hơn là đói. Tiền còn lại đem về đóng tiền học cho mấy đứa, còn thì để dành cho ngày đơm tháng kỵ, cũng đỡ bớt cho tụi hần.

– Thế ngày trước cụ làm gì ?

– Chu cha thôi thì đủ thứ nghề ! Bắt đầu là đi ở vú, rồi bán xoa xoa, đậu hủ, bánh đúc, bánh canh, kể không xuể.

– Thế thì trong suốt cuộc đời lúc nào là cụ thấy sung sướng nhất ?

Chẳng chút đắn đo cụ trả lời :

– Bảy năm bán vé số. Vùng tôi có nhiều bà mẹ Việt Nam anh hùng, giả dụ như chồng tôi dừng chết quá sớm, biết đâu tôi cũng là một bà mẹ Việt Nam anh hùng, như rứa thì cũng đỡ bớt. Cụ lai cười, nhưng lần này tôi bắt gặp được một thoáng buồn mỗi một trên đôi khoé mắt của cụ.

Tôi cười, cũng buồn :

– Cụ ơi, mẹ Việt Nam nào mà chẳng anh hùng ?

Không có xe cụ rời bến. Nhìn theo chiếc lưng còng sắp ngửa của cụ trên vùng nước bạc bao la, tôi bỗng thì thầm :

– Nhiều lắm là được 5 năm nữa. Một kiếp người.

Đà Nẵng những ngày lũ lụt

Phan Tam Khê

Trong thượng tuần tháng 11 dương lịch 1999 năm nay, nhiều trận lũ lụt nghiêm trọng nhất chưa từng thấy từ một thế kỷ nay đã đổ ập xuống miền Trung, đặc biệt đã tàn phá vùng Thừa Thiên - Huế. Các tỉnh khác, từ Quảng Bình đến Phú Yên, đã bị thiệt hại nặng nề về nhân mạng cũng như tài sản.

Việt Nam từ xa xưa đã có câu ca dao tang tóc :

Ông tha mà bà chẳng tha

Vẫn làm cơn lụt mồng ba tháng mười.

Tháng Mười Âm lịch, ứng đúng vào kỳ lũ lụt tàn khốc năm nay, cũng như trận lụt năm Giáp Thìn 1964 đã phá hại miền Trung thân yêu của nhà thơ Tường Linh, qua những hình ảnh bi thảm :

Biết thừa nào quên

Một tối nước lên, nước tràn lên khủng khiếp

Cả trăm người cả ngàn người không chạy kịp

Nước réo âm âm, át tiếng kêu la

Chối vơi, ngửa nghiêng, người cuốn theo nhà,

Nhà theo sóng, người không thấy nữa

...

Những kẻ sống không nhà không cửa

Không áo cơm, không cả lệ thông thường

Cần vành môi nhìn lại một quê hương

Bỗng run sợ, tưởng đây là địa ngục

Thảm nạn quê hương

Lũ lụt là một tai họa thường xuyên ám ảnh tâm thức Việt Nam từ bộ tộc Văn Lang thời kỳ Hùng Vương dựng nước, mà truyền thuyết Sơn Tinh Thủy Tinh là một biểu tượng.

Núi cao sông hãy còn dài

Năm năm báo oán, đời đời đánh ghen

Thủy Tinh hàng năm dâng nước lên đánh nhau với Sơn Tinh là hình ảnh những trận lũ lụt thường niên tàn phá đồng bằng sông Hồng, cái nôi của bộ tộc Âu Lạc tự ngàn xưa. Chiến thắng của Sơn Tinh là hy vọng của một dân tộc thường xuyên chiến đấu với thiên nhiên.

Về sau, khi Lý Thái Tổ dời đô từ Hoa Lư về Thăng Long, đã giải thích là chọn địa điểm cao ráo để dân cư không còn sợ nạn lũ lụt, trong Chiếu dời Đô (1010).

Như vậy bão lụt đã là mối đe dọa đời đời, phản ánh qua truyền thuyết cũng như văn học thành văn.

Phòng vệ lũ lụt, xây dựng và bảo vệ đê điều là nhiệm vụ hàng đầu của quốc gia, là nhiệm vụ sống còn của dân tộc. Từ ngàn xưa, văn thơ đã đánh dấu những thiên tai như bài thơ của Nguyễn Húc thời Lê Thái Tổ, năm 1429 :

Gió thu nổi trận ào ào

Phập phồng mái lá, rào rào mặt sông,

... Trận mưa ập xuống, hãi hùng

Tràn khe ngập suối, mịt mùng trời mây

Phong Vũ Thán, (1429), ĐT phỏng dịch

Không cứ gì châu thổ sông Hồng là vùng đất trũng, cả miền Trung từ thời xa xưa đã là nạn nhân của Thủy Tinh, như trận lụt ở phủ Triệu Phong (Thừa Thiên ngày nay) giữa thế kỷ XVIII đã được nhà thơ Nguyễn Cư Trinh ghi lại :

Triệu Phong đợt đợt sóng dồi

Nát lòng Châu Định, cuốn trôi nghìn nhà

Đặng Tiến

THƠ VĂN VÀ LŨ LỤT

*Nghìn nhà dạt tạt châu xa
Sông sâu sấu đoạ, rừng già rầu hăm
Đại Phong Kỷ Hoài (1751), ĐT phỏng dịch*

Khi chữ Nôm phát triển, nhà thơ Nguyễn Khuyến gắn bó với nông thôn, đã để lại nhiều bài thơ lục xuất sắc, mô tả nhiều trận lũ đã tàn phá đất Hà Nam nhiều năm liên tiếp từ năm Canh Dân (1890) sang Quý Tị (1893) đến Ất Tị (1905).

Năm Canh Dân, mưa lớn vùng Nam Định đã phá vỡ con đê quai làng Mễ Tràng, huyện Thanh Liêm, và nước sông Đáy đã tràn ngập quê hương Nguyễn Khuyến.

NƯỚC LỤT HÀ NAM

*Quai Mễ Thanh Liêm đã lở rồi,
Vùng ta thời cũng lụt mà thôi.
Gạo dăm ba bát cơ còn kém,
Thuế một vài nguyên đáng vẫn đòi.
Tiếng sáo vo ve chiều nước vọng,
Chiếc thuyền len lỏi bóng trắng trôi,
Đi đâu cũng thấy người ta nói.
Mười chín năm nay lại cát bồi.*

Bốn bài thơ lục của Nguyễn Khuyến có giá trị nghệ thuật cao, nhưng hôm nay, ở đây, không phải là chỗ để chúng ta phân tích hay thảo luận về nghệ thuật thi ca.

Đầu thế kỷ XX, Phan Bội Châu đã có bài Văn Tế đồng bào Nghệ Tĩnh đồng hương chết vì bão lụt, giọng văn bi tráng :

*Sông vàng máu đỏ, chết đã quá oan ;
Nước mặn đồng chua, sóng càng thêm cực.
Chật làng xóm chứa đầy là oan quỷ, tha hồ
khóc khóc rên rên ;
Thây trâu bò cũng sạch với Diêm vương, vắng ngắt
rì rì tắc tắc,
Thương những kẻ mất vợ mất chồng, mất anh em cha mẹ,
bối đất tìm nhưng sợ ngục nhiều tầng ;
Xót vì ai không cơm không cháo, không nhà cửa
ruộng vườn,
kêu trời hỏi biết chồng thang mấy bậc !*

Nhà văn Ngô Đức Kế trên báo Hữu Thanh, năm 1924, có lời kêu gọi Cứu Lụt hôm nay vẫn còn thời sự :

« Đến hôm nay mà nói cứu nước lụt thì chẳng chậm lắm ru ? Phải, vẫn khi chậm thiệt, song đã là một việc tai nạn trời làm, mà lại nghĩa anh em đồng chủng, không thể khoanh tay ngồi nhìn mà không cứu, vậy thì dù chậm cũng còn cứu được, mà đã cho là chậm rồi thì trong lúc cứu này, lại phải làm sao cho chóng, cho mau, nghĩa là làm sao cho có tiền có gạo ngay,

bây giờ, chứ nếu để lại chậm hơn nữa thì thương thay » !

« Cứu dân nước lụt ! dân nước lụt nghĩa phải cứu, mà cứu thì phải cứu cho mau, đã có món tiền để cứu rồi thì phải làm sao cho trong mười đồng phát đến dân không sót tay ai đồng nào, lại làm sao cho dân được lĩnh món tiền cứu tế ấy chỉ là những kẻ chân bần tay lấm, áo manh khổ một mà thôi, đó là điều chúng ta rất nên chú ý ».

Nhà thơ Tản Đà cũng có lời kêu gọi tương tự :

*Này những ai, này những ai
Ai có nghe rằng việc thủy tai
Tỉnh Bắc, tỉnh Đông, cùng tỉnh Thái,
ruộng ngập nhà chìm, thây chết trôi*

Các nhà văn quốc ngữ đã đặc biệt quan tâm đến cảnh lũ lụt và những lầm than của con người.

Một trong những thành tựu đầu tiên của văn chương quốc ngữ là truyện ngắn **Vỡ Đê** của Phạm duy Tố hồi đầu thế kỷ. Truyện ngắn đầu tay của Tô Hoài là **Nước Lên** tả cảnh hộ đê, Vũ Trọng Phụng, Ngô Tất Tố và nhiều nhà văn khác đã để lại những trang văn xuôi xuất sắc về cảnh lũ lụt.

Trong thơ văn hiện đại, bão lụt vẫn còn là một đề tài lớn lao, bài thơ « **Thảm nạn quê hương** » của Tường Linh tả cảnh lụt năm Giáp Thìn 1964 tại Quảng Nam là một ví dụ. Ví dụ khác là tiểu thuyết **Mãn và Tôi** của Phan Tứ (1972) đã nhập đề bằng một chương tả cảnh lụt tại Quảng Nam-Quảng Ngãi trong thời kỳ chiến tranh. Tiểu thuyết **Thời Xa Vắng** (1980) của Lê Lựu được cấu trúc trên một chuyện tình xảy ra một đêm trăng lũ lụt, khoảng 1956, tại Hà Nam quê hương Nguyễn Khuyến.

Ở một Miền văn học khác, tuy bút **Thư Nhà** (1961) một trong những thành công đầu tay của Võ Phiến đã nhập đề bằng một cảnh lụt ở Quy Nhơn. Nhà thơ Tô Thùy Yên, nổi tiếng với bài thơ **Qua Sông** (1971) tả cuộc hành quân trong cảnh trời nước mênh mông của đồng bằng sông Cửu Long :

*... Giặc đánh lớn, mùa mưa đã tới
Mùa mưa như một trận mưa liên
Châu thổ mang mang trời nước sát
Hồn chùng hiu hắt nỗi không tên
... Người chết mấy ngày không lấy xác
Thây sinh, mặt nát, lạch mương tanh*

Trang văn học kỳ này, chúng tôi dành cho đề tài lũ lụt, là một thâm tình, đặc biệt hướng về đồng bào nạn nhân của tai trời ách nước, vừa mới ập xuống trên quê hương. Để chứng tỏ rằng văn học, dù ở xa Tổ Quốc, vẫn gắn bó với số phận điều linh của đồng bào trong nước. Và để kêu gọi tinh thần **lá lành đùm lá rách** của mỗi độc giả đối với bà con ruột thịt nạn nhân của thiên tai, vọng lại lời kêu gọi trước đây của Tản Đà :

*Hỡi ai ai ! Là những người
Ông ở trong nước, bà ngoài nước ¹
Có nhiều cho nhiều, ít cho ít,
Cứu kẻ bần dân lúc thủy tai.*

Đặng Tiến

23/11/1999

(1) Nguyên văn của Tản Đà : Ông trên mạn ngược, bà vùng xuôi

Y2K, câu chuyện một con bọ

Hàn Thuỷ

Vâng, nói chuyện về con bọ này ngày hôm nay cũng là đúng lúc, nó xứng đáng được nhắc nhở, vì đó là một con bọ vô hình vô tướng mà vô cùng ác độc, để tiêu diệt nó cả thế giới đã tiêu một số tiền khổng lồ, thế mà...

Y2K là gì, và tại sao lại gọi nó là con bọ ? Chắc là số đông bạn đọc đã biết nên xin ngắn gọn : 'Y2K' rút ra từ cái tên 'năm 2000', Year 2000, tức là Y 2 Kilô. Biệt hiệu của một lỗi lầm không vẽ vang gì cho ngành tin học, trong ngành này mọi lỗi lầm đều được gọi là 'bọ' (bug). Thuật ngữ 'bọ' đã có từ những ngày đầu tiên của tin học, nó thừa kế những con bọ có thực bằng thịt, mặc dầu không xương, chui vào các thiết bị điện tử, đặc biệt là radar, để làm nhiễu loạn các thiết bị này. Từ đó các lỗi lầm trong các chương trình, mặc dù đó là do con người viết ra, cũng được gọi là bọ, cứ làm như thể là nó ở đâu chui vào. Nếu không chỉnh lý, lỗi lầm Y2K sẽ gây ra những hậu quả vô cùng tai hại vào đầu năm hai nghìn.

Ngày ngày, tháng tháng, năm năm.

Con bọ Y2K từ đâu ra, và vì sao nó sẽ chỉ tác quái vào đầu năm 2000 ? Số là trong máy tính từ trước cho tới gần đây người ta ghi nhớ ngày tháng theo kiểu NN/TT/NN (ngày ngày, tháng tháng, năm năm) tức là dùng hai số cho ngày, hai số cho tháng, và cũng chỉ hai số cho năm. Nếu xử lý những ngày tháng trước năm 2000 thì chẳng có vấn đề gì, vì thí dụ năm 98 đúng là trước năm 99 ; nhưng tới năm 2000 thì than ôi ! thời gian bị lộn tung phèo bởi những so sánh trong máy tính, vì rõ ràng 00 nhỏ hơn 99. Từ đó sẽ có những kết quả sai lầm. Người ta kể rằng năm ngoái một công ty siêu thị lớn bên Anh đã đổ đi hàng tấn đồ hộp vì máy tính quản lý kho cho biết rằng đã quá hạn lưu trữ. Máy tính in ra rất chính xác và gọn lỏn thứ nào trong kho, ở đâu, phải đổ đi, thì nhân viên cứ việc đổ đi. Trước khi phát hiện rằng đến năm 2002 mới quá hạn. Nhưng với máy tính thì đồ hộp đã tồn kho quá hạn 96 năm (02 nhỏ hơn 98 mà !). Chuyện khó tin nhưng rất có thể có thật.

Trong tin học không ai biết những sai lầm trong máy tính sẽ dẫn đi tới đâu, vì nếu biết nó ở đâu thì đã sửa ngay rồi. Thường thì thiệt hại tương đối nhỏ, một trường hợp nào đó bị loại không xử lý vì chương trình (nếu viết tốt) coi như đã phát hiện dữ liệu ở đâu vào không chỉnh ; nặng hơn thì máy chết hay phải ngưng lại và báo động có sự cố... Một hai máy chết, chẳng làm sao, đó là chuyện xảy ra hàng ngày trên thế giới. Nhưng nếu cứ để nguyên ngày tháng dưới cái dạng NN/TT/NN thì hầu hết mọi máy tính trên thế giới sẽ gặp sự cố đầu thiên niên kỷ, và hầu hết các dữ liệu (dữ liệu nào chẳng có ghi ngày tháng) đưa vào máy tính sẽ dẫn đến sai lầm. Do việc ngày nay mọi ngành hoạt động đều liên kết chặt chẽ với nhau và đều dựa trên các hệ thống máy tính điện tử, hậu quả sẽ nghiêm trọng không lường được.

Nếu chúng ta đã chứng kiến sự kiện một vài điểm đen đủ

làm cho xe cộ bị tắc nghẽn trong một thành phố thì có thể suy ra trong trường hợp này không phải chỉ xe cộ, mà cả ngành vận tải sẽ có thể tắc nghẽn trên khắp thế giới. Và không chỉ riêng ngành vận tải, cả hệ thống truyền thông và thông tin thế giới, cả hệ thống tiền tệ thế giới (và có lẽ cả mọi tổ chức chính trị, quân đội, công an thế giới) sẽ đều có thể lâm vào tình cảnh tắc nghẽn như thế. Phản ứng dây chuyền xảy ra trong các ngành và giữa các ngành với nhau khiến cho mọi hoạt động đều sẽ có thể bị tê liệt trong một thời gian dài, một thứ bom nguyên tử không làm bằng vật chất mà khi nổ ra có thể giết hết mọi phương tiện kỹ thuật hiện đại trên thế giới. Thật những nhà viết truyện giả tưởng giỏi nhất cũng không nghĩ ra. Phải loại trừ tình huống này với bất cứ giá nào, thế là người ta đã phải nường đi...

Một nghìn tỷ đôla.

Xin đưa một hình ảnh khác : vài con châu chấu trong vườn, quả là vô hại ; nhưng dịch châu chấu thì rất khủng khiếp, có thể gây nạn đói cả lục địa. Con bọ Y2K có tiềm năng ấy.

Bởi vì giống châu chấu này đã đổi dạng và trở thành dịch châu chấu. Tìm diệt từng con một thì dễ nhưng diệt cả một đàn châu chấu hàng tỷ con lại là một vấn đề khác, may mắn là chúng tuy đã sinh đẻ nhiều nhưng vẫn còn ngủ yên cho tới năm 2000. Người ta đã có chưa tới 4 năm, vì chủ yếu chỉ từ 1996 ngành tin học thế giới mới bắt đầu tiêu trừ loại dịch này, và khi đó trên thế giới đang sử dụng khoảng 180 tỷ đồng chương trình có khả năng có bọ Y2K nấp trong đó, thế là phải đọc lại hết để chỉnh lý, dĩ nhiên với sự giúp đỡ của những chương trình tự động đọc và phát hiện. Thêm nữa, nhiều máy móc trong đó có bộ vi xử lý phải được kiểm tra lại hay phải thay thế, chứ không phải chỉ lo về các máy làm quản lý. Giữa năm 1996 ước lượng chi phí sẽ là 600 tỷ đôla. Nhưng bây giờ khi phân lớn công việc đã xong (hy vọng thế), tính lại thấy nó đã là khoảng 1000 tỷ đôla.

Chẳng hạn, riêng ngành hàng không trên thế giới đã tốn 2,3 tỷ US \$ để rà lại tất cả các loại máy bay của tất cả các hãng làm máy bay, tất cả các hệ thống tin học quản lý và điều khiển của tất cả các công ty hàng không và các phi trường trên thế giới (tuyên bố của chủ tịch hiệp hội không vận quốc tế (IATA) Piere J. Jeannot ngày 24/02/99). Công ty quốc tế về viễn thông AT&T đã tiêu 900 triệu US \$ vài năm sau khi ước lượng ngân quỹ cho việc này là 300 triệu US \$. Các công ty và các cơ quan lớn tương tự trên thế giới đều đã chi những khoản 9 số bằng US \$ cả. Và còn hàng triệu những công ty nhỏ và vừa trên thế giới, tuy tốn ít hơn nhưng gộp lại thành một số tiền khổng lồ. Đó là chưa kể ngân quỹ sau 2000 sẽ phải chi để tiếp tục chỉnh lý những sai sót chưa phát hiện, hoặc mới gây ra do sai lầm mới, của đợt chỉnh lý toàn cầu trong bốn năm qua ; cộng với việc thanh toán những hậu quả do chúng gây ra : thiệt hại về người và của, và phí phạm thời gian 'time is money'. Ngân quỹ này sẽ phải tính bằng phần mười (từ 20% tới 40% tùy tác giả), chứ không thể ít hơn, số nghìn tỷ kia. Người ta không thể biết chắc thiệt hại sẽ như thế nào, chỉ có thể hy vọng là sẽ không có hoặc rất ít thiệt hại sinh mạng.

Vì sao nên nổi ?

Tại sao để đến nông nổi này ? hiện nay bộ nhớ trong máy tính cá nhân đã có vài chục triệu chữ, chưa biết bao điều lầm nhảm, thế thì xá gì mà tiết kiệm hai chữ ! Ở đây có lý do lịch sử, nhưng nặng hơn là những lý do tâm lý-xã hội. Nếu xác định được rõ thủ phạm, và nếu phí phạm về kinh tế được coi là một tội ác thì cũng nên thành lập toà án để xử.

Năm 1957, ngôn ngữ lập trình trong quản lý COBOL (COmmon Business Oriented Language) ra đời, đó là một bước tiến vượt bậc trong ngành quản lý, cho phép viết các chương trình dễ dàng hơn trước nhiều, và góp một phần đáng kể trong việc tin học hoá thế giới. Người sáng tạo chủ chốt của COBOL, trong đó có ngày tháng kiểu NN/TT/NN, là bà Grace Hopper, làm về tin học cho hải quân Mỹ, về hưu khi đã là phó đô đốc. Bà có cái tên tiền định, vì nếu đọc liền thành 'grasshopper', thì chính là ... con châu chấu! Của đáng tội, chắc là bà và những nhà tin học tiên phong thời ấy cũng thừa hưởng NN/TT/NN từ những cái bìa đục lỗ của ông Hollerith, trong đó chỉ có 80 chữ cho mỗi dữ liệu vào, về khách hàng hay sản phẩm gì đó, và không ai nghĩ rằng con châu chấu nhỏ bé để thương đó lại còn sống tới ngày nay để trở thành dịch.

Vào cuối những năm 70 đầu 80 các điều kiện đã hội đủ để không còn lý do gì giữ lại cái việc mã hoá tên năm bằng hai số nữa : bìa 80 chữ không còn ai dùng, điện tử đã rẻ, bộ nhớ các máy tính trong quản lý đã lên tới hàng trăm ngàn chữ... nhưng lúc đó năm 2000 còn xa, và cái đà quán tính vẫn tiếp tục. Từ đầu những năm 80 trong bộ phận giảng dạy và nghiên cứu tin học đã có vài người cảnh báo về cái chuẩn NN/TT/NN, nhưng chỉ là những tiếng nói lạc lõng, còn trong công nghiệp thì... người ta biết việc một người trách nhiệm tin học trong một công ty lớn đã bị sa thải năm 1984 vì nhất định đòi giải quyết ngay trong nội bộ vấn đề năm 2000. Đó là một người kiên quyết. Còn số đông, nếu sáng suốt thì cũng : "*em đã báo cáo xếp việc này nhé, còn bây giờ xếp bảo sao, em làm vậy*" ... hoặc : "*bạn bảo coi chừng năm 2000 à ? Năm đó tôi sẽ đâu còn ở cương vị này nữa !*". Thế giới ngày nay bao nhiêu người nhìn tương lai quá 5 năm?

Sai lầm mới và trầm trọng không lý do bào chữa

Nói giả dụ để mà chơi, mà cũng phần nào cho thấy cái trách nhiệm tập thể của ngành tin học. Giả dụ rằng từ đầu năm 85 các tổ chức ngành nghề tin học trên thế giới quyết định thực hiện ngay cái chuẩn mới về ngày tháng mà đến nay mới quyết định, tức là NN/TT/NNNN, thực đơn giản, và hạn định sửa đổi dần các chương trình cũ cho đến 1995 phải xong. Thì đã tiết kiệm được 1000 tỷ đôla là ít, và đó là chỉ riêng khoản tiền nong ; vì có chương trình nào giữ nguyên 10 năm không phải chỉnh lý hoặc nâng cấp, trong dịp đó ta lợi dụng sửa luôn ngày tháng, chi phí phụ trội sẽ không đáng kể. Cũng không nên quên rằng với sự phát triển vũ bão của công nghệ thông tin thì số chương trình phải chỉnh lý lúc đó rất ít hơn hiện nay.

Nhưng sự việc đã không xảy ra như thế, mà ngược lại. Năm 1971 hãng Intel cho ra đời bộ vi xử lý đầu tiên Intel-4004, và dần dần người ta đưa các bộ vi xử lý vào nhiều loại thiết bị kỹ thuật, để tự động hoá một cách linh hoạt và càng ngày càng rẻ tiền hơn trước, rẻ đến nỗi hai chục năm sau trong đồng hồ, máy ảnh đều có các bộ vi xử lý, không nói chi đến các thiết bị quan trọng khác như điều khiển vũ khí, máy công cụ, xe hơi, xe lửa, máy bay, đến nay ước lượng đã quá một tỷ bộ vi xử lý được dùng trong điều khiển. Trong các bộ phận điều khiển này đều có đồng hồ, tuy đại bộ phận chỉ làm những việc lật vật ngăn hạn không cần đếm thời gian quá vài giờ, nhưng cũng không ít công việc điều khiển cần quản lý thời gian trong nhiều năm. Thế mà các đồng hồ này trong suốt thập kỷ 80 đều được sản xuất với dạng NN/TT/NN. Đó là một lỗi lầm nguy hiểm không có gì bào chữa của cả một tập thể toàn thế giới những người làm công nghệ thông tin trong ngành điều khiển thiết bị. Nguy hiểm vì những thiết bị này có thể tự

lấy quyết định theo tham số thời gian mà không cần ai ra lệnh. Thí dụ người ta đã phát hiện nhiều thang máy (nếu không sửa) sẽ ngừng hoạt động lúc 0 giờ ngày mừng một năm 2000, vì bộ phận điều khiển '*thông minh*' sẽ phát hiện là '*đã quá hạn bảo trì từ lâu*', theo cái kiểu quá hạn như những đồ hộp đã nói ở trên, vì vậy phải ngừng chạy, báo động và chờ người tới bảo trì ! Ai biết được là tiềm năng có bao nhiêu báo động kiểu đó. Rồi các bộ phận điều khiển những hệ thống điện thoại, truyền hình, giao thông, đều '*biết*' mình phải làm gì theo một lịch thời gian đã định trước ; thế mà thời gian tính sai thì sẽ ra sao ? Người ta đã tìm thấy trong các nhà thương hiện đại có nhiều thiết bị có vấn đề năm 2000 cần phải chỉnh lý.

Không chỉ có các thiết bị điều khiển 'theo thời gian thực' như trên mới biết tự động quyết định theo tham số thời gian. Các hệ quản lý lớn và hiện đại cũng vậy, các hệ quản lý trong các ngân hàng cũng biết quản lý khách nợ hoặc chủ nợ theo thời gian cả đấy chứ ! Nếu không diệt được con bọ Y2K thì đầu năm 2000 sẽ báo động và báo động.

Muộn còn hơn không

Kể ra thì giới chuyên gia tin học đã nhất trí rộng rãi về vấn đề Y2K từ khoảng đầu thập kỷ này. Nếu từ đầu 90 bắt tay làm ngay thì cũng chưa muộn, nhưng phải đâu họ là những người quyết định, còn phải thuyết phục cả một tập thể lãnh đạo kinh tế và chính trị từ trên xuống dưới. Người ta cho rằng tiếng kêu gọi có tác dụng nhất, được coi như phát súng khởi đầu của chiến dịch Y2K là 2 trang của ông Peter Jager viết trong báo Computerworld vào tháng 9 năm 1993. Trong ấy chủ yếu Jager giải thích ngắn gọn (cho các xếp hiểu được) các nguy hiểm có thể xảy ra và nói rằng : '*bây giờ đã quá trễ*'. Khi đi tìm lại những thông tin trong lưới nhện ta có thể thấy những con số như sau : trong năm 94 vẫn chưa có gì, trong năm 1995 có được vài ba trang Web nói đến Y2K, trong năm 1996 con số ấy lên đến hơn 100, và từ 96 tới nay đã có trên 720 000 trang Web bàn về Y2K.

Và thế là, trừ những chỗ sáng suốt đi trước một vài năm, kể như bốn năm liền ngành công nghệ thông tin bù đầu sốt vó. Tốn tiền bạc để bằng mọi cách tận diệt con bọ Y2K, ít ra là ở những nơi nguy hiểm nhất. Công việc không khó khăn gì về mặt tri thức, khó khăn chỉ là phải dọn một đồng rác khổng lồ.

Một ngày thường đầu năm 2000

Tình hình bây giờ ra sao, có ảnh hưởng gì tới đời sống thường ngày của chúng ta sau giao thừa 1999-2000 ? Rõ ràng có một nguy cơ được báo trước, và rõ ràng là người ta đã làm tối đa để tránh nguy cơ đó, tuy rằng quá tốn kém chỉ vì hơi muộn. Nhưng với tương lai không ai có thể biết chắc không có rủi ro nên tùy người mà bi quan hay lạc quan mà thôi. Đó đều là những thái độ tiên quyết không căn cứ. Tuy nhiên có thể nghĩ rằng những người quá bi quan chịu ảnh hưởng của hiện tượng tâm lý cuối thiên niên kỷ, cũng như đầu năm 1000. Có lẽ thái độ tốt nhất là giữ một niềm lạc quan có cảnh giác. Đây là nói về cái nguy cơ lớn thực sự về sự sụp đổ của cả hệ thống thông tin và vận chuyển toàn cầu vì phản ứng giầy chuyên.

Điều này chắc chắn sẽ không xảy ra, vì rất nhiều công sức đã đổ ra để chỉnh lý, thử trước, và sắp đặt sẵn những phương án phòng hờ, nếu vạn nhất có một vài sự cố. Với những dịch vụ của các công ty lớn tại các nước đã phát triển và trong các ngành có liên quan toàn cầu như hệ thống điện thoại, hệ thống hàng không... ta có thể tin là bảo đảm. Người ta có thể an tâm mà mở hội ăn mừng đêm giao thừa 1999-2000. Nhưng không

thể loại trừ một vài sự cố lớn cục bộ có thể xảy ra tại những nước đang phát triển, nơi mà công nghệ thông tin được sử dụng như những hộp đen, và cán bộ lãnh đạo các ngành nghề thiếu cảnh giác, nhất là trong các ngành ít liên hệ với thế giới. Còn những ai đang uống nước mưa, ở nhà lá, không có điện chứ đừng nói gì điện tử, thì dĩ nhiên là bình an thoải mái.

Nhưng còn một vài ngày sau giao thừa thiên niên kỷ ? Ở đâu thì cũng phải chuẩn bị là sẽ có thể (với xác suất nhỏ nhưng lớn hơn bình thường) có những bức dọc vô lý mất thì giờ : trực trặc trong hoá đơn mua bán, trực trặc trong việc giao hàng hoá, trả tiền lương... Bạn nên giữ kỹ các giấy tờ và hoá đơn ngay từ bây giờ. Nếu bạn ở trong một khu chung cư lớn và hiện đại có một vài công việc dùng máy tính như tính tiền điện nước, điều khiển thang máy... nên hỏi ban quản lý vài câu cho yên tâm. Cũng như nếu trong gia đình có người dùng những máy đeo trợ tim hay trợ thận, nên hỏi bác sĩ theo dõi, tuy rằng trên nguyên tắc các máy này không dùng đến thời gian dài ngày.

Đến giờ này chưa phải là 100% các công ty vừa và nhỏ tại Pháp đã làm xong công việc chỉnh lý năm 2000 của mình, và những nơi nghĩ rằng mình đã giải quyết xong vấn đề thì cũng không chắc đã giải quyết đúng. Theo điều tra của chính phủ Pháp tháng 9 vừa qua thì lúc đó 44% các công ty dưới 200 nhân viên chưa làm gì hết cho năm 2000, và nếu kể trong đó các công ty trên 50 nhân viên thì cũng còn 7% chưa làm gì. Nếu bạn phải đi xa, đừng lo về xe lửa máy bay, mà nên đề chừng việc quản lý khách và phòng tại các khách sạn nho nhỏ bạn thường đến ngụ. Những cơ sở làm ăn loại này thường dùng một máy tính nhỏ cho công việc, với một hệ mềm mua sẵn, chẳng biết ai làm ra, và tự bao giờ. Còn về các máy tính cá nhân, các máy thu hình trong nhà... nếu mua trước 96 hoặc 97 thì nên chờ đợi có vài trục trặc.

Về việc giữ nhiều tiền mặt để phòng hờ hay tích trữ đồ hộp thì, theo người viết bài này, nếu bạn đã làm nên làm cho nhiều nhiều. Khả năng khủng hoảng xảy ra là rất rất nhỏ, nhưng nếu xảy ra sẽ không phải là chuyện ngắn ngày.

Ký ức và tương lai

Tóm lại, đầu năm hai nghìn sẽ không có sự cố gì lớn xảy ra, những con bọ sẽ biến mất như bong bóng, người ta sẽ tự hỏi : chúng đã bao giờ có thực ? Những người trách nhiệm sẽ thổi kèn thắng lợi mừng vui, tự vỗ vai khen ngợi nhau và quên đi rằng *những thiệt hại về kinh tế đã xảy ra rồi*. Bạn và tôi thật chẳng biết mặt mũi một nghìn tỷ đôla là cái gì cả, cũng chữ viết, cũng bong bóng mà thôi. Nhưng có lẽ nếu thế giới không phải tiêu vào đó thì có biết bao nhiêu điều khác có thể làm ? Thiệt hại, nói cho cùng, là những điều không làm được trong các ngành khác, chỉ vì sự thiếu cận của các lãnh đạo kinh tế và của ngành công nghệ thông tin nói chung.

Có lẽ chúng ta không nên quên điều ấy, và nên coi hiện tượng bộ Y2K là một bài học cho những vấn đề toàn cầu khác. Vì nhiều tiềm năng tai họa toàn cầu lớn hơn đòi hỏi cảnh giác và thận trọng : hiệu ứng nhà kính do ô nhiễm thán khí làm mất cân bằng khí hậu và sinh thái, thay đổi di truyền các thảo mộc có thể đi đến một hình thức mất cân bằng sinh thái khác... Cũng như tin học hoá, đó là những việc không thể không làm, vì vẫn phải dùng năng lượng hoá thạch để phát triển kinh tế và vẫn phải nâng cao năng suất nông nghiệp để giải quyết miếng ăn. Vấn đề là càng nhận thức sớm để chỉnh lý các sai lầm thì giá phải trả càng nhẹ hơn.

Hàn Thuý

Đường miền Flandres ¹

*Đến từ chân trời và đi về một chân trời khác
Có phải đó là đường miền Flandres ?*

Không một bóng người

*Vắng những cây cọ cụt đầu, những vạt đồi
nham nhở khóc*

Ở đây tôi đã biết

Máu trinh trắng đàn bà tưới lên cỏ xanh nở ra hoa vàng

Và cát bỏng hút kiệt, vắt kiệt

Tiếng khóc âm thầm khao khát, đêm đen.

Không lẽ đó là đường miền Flandres ?

Ở đây tôi đã biết

*Những con chim đen, những trái bom lác lác rơi
xuống sân trường đất đỏ*

Có thể mũ rơm vẫn vàng nguyên đó

Lũ học trò vẫn bay liệng trong không gian.

Không lẽ đó là đường miền Flandres ?

Tôi chỉ biết, tôi còn có một miền quê khác

Một tuổi thơ khác, những người đàn bà khác.

Tôi đã không sao thoát được sự giả dối của ngôn từ

Đường miền Flandres -

*Tôi đặt tên cho miền quê, tuổi thơ và những
người đàn bà ấy.*

Vâng, sự giả dối của ngôn từ

Một con đường, một cái tên.

Đến từ chân trời, tôi đi về một chân trời khác.

Ngô Tự Lập

Bài thơ này được trích từ tập thơ *Thế giới và tôi* của Ngô Tự Lập, Hà Nội, 1997.

(1) *La route des Flandres* — Tên cuốn tiểu thuyết của nhà văn Pháp Claude Simon (Giải Nobel văn học năm 1985).

Miêng

Miêng là bút hiệu của Nguyễn Thị Xuân Sương, cây bút nữ rất quen thuộc đối với độc giả Diễn Đàn. Miêng cũng là tên tuyển tập truyện ngắn của chị, do nhà xuất bản Văn mới vừa ấn hành (tổng phát hành : Văn Nghệ, California). Tại Bắc Mỹ, giá bán là 12 USD (tại các tiệm sách), tại châu Âu : 90FF (kể cả cước phí).

Bạn đọc có thể đặt mua qua 2 địa chỉ điện tử :

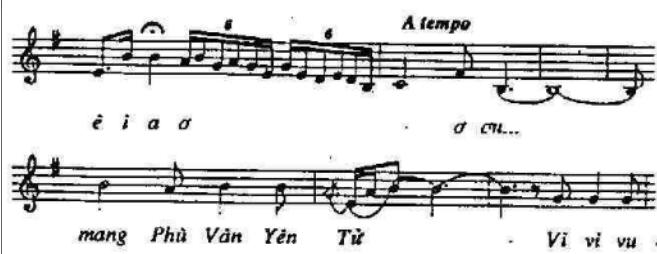
nvk9@aol.com và xsnguyen@hotmail.com

hoặc qua số điện thoại 01 48 27 13 45 (gọi từ Pháp), tức là 33 1 48 27 13 45 (quốc tế) sau 20 giờ (giờ Paris = GMT+1)

giai điệu, lời ca, và giọng hát

trong những khúc
tình ca

Ôn Ngọc



Tôi lắng nghe những giọng hát nữ tươi trẻ cất lên từ chiếc đĩa CD. Đó là những bài hát về Hà Nội, về mùa thu, về tình yêu lời ca trong sáng, giản dị. Đó là những giọng hát của Hồng Nhung, Mỹ Linh, Thu Phương,... với những chất giọng khác nhau, cách hát khác nhau, song đầy tình cảm và đầy sức quyến rũ. Những nét nhạc, những giai điệu như chấp cánh cho những câu thơ. Từng câu, từng chữ như thổi vào hồn tôi, rót vào tim tôi :

*Hà Nội mùa này / vắng những cơn mưa
Cái rét đầu đông / khăn em hiu hiu gió lạnh
Hoa sữa thôi rơi / em bên tôi một chiều tan lớp
Đường Cổ Ngự xưa / chậm chậm bước ta về
Hà Nội mùa này / trời không buồn nắng
Phố vắng / nghiêng nghiêng cành cây khô
Quán cóc / liêu xiêu một câu thơ
Hồ Tây / hồ Tây / tìm mờ
Hà Nội mùa này / lòng bao nỗi nhớ
Ta nhớ chiều nao / lạnh đôi tay
Hơi ấm em trao / tuổi thơ ngây
Tưởng như / tưởng như / còn đây...*

(Hà Nội mùa vắng những cơn mưa,
nhạc Trương Quý Hải, dựa thơ Bùi Thanh Tuấn)

*Có phải em / là mùa thu Hà Nội
Nghìn năm sau / ta níu bóng quay về
Ơi / mùa thu / của ước mơ...*

Có phải em là mùa thu Hà Nội,
nhạc và lời Trần Quang Lộc)

Tôi chợt nhận ra cái ma lực của Tiếng Hát.

Tại sao, cũng là tiếng nói, cũng là câu chữ, mà hát lên lại có thể làm cho lòng người ta xao động được đến thế ? Tôi nghĩ, một trăm bài thơ về tình yêu, hay về một nỗi nhớ nào đó, cũng chưa chắc đã làm cho người ta xúc động được bằng một lời hát, đặt vào đúng chỗ, đúng lúc, trong một khúc tình ca.

Tôi không nghĩ rằng sự xúc động của riêng tôi, hay của người nào khác, nói chung, là hoàn toàn do cảm tính, do trực giác và hoàn toàn chủ quan. Không lẽ không có một cơ sở lô gích nào để thẩm định cái hay, cái đẹp của những bài hát ấy, hay sao ? Đương nhiên, một người chưa hề sống ở Hà Nội, chưa hề có một kỷ niệm nào về Hà Nội, cũng như một người không quen với cách phát âm của người Hà Nội, chắc chắn sẽ không bị xúc động bằng những người gốc gác ở thành phố này, như tôi.

Nhưng tôi đã bị xúc động vì cái gì ? Vì **giọng hát** ? Vì **lời ca** ? Vì **giai điệu** của những bài hát ? Hay vì **cả ba yếu tố** kết hợp lại ?

Đúng, là người ta có thể mê một giọng hát như một thứ ma túy. Đã có một thời tôi đã từng say mê giọng hát của Khánh Ly. Tôi đã từng nghe đi nghe lại hàng trăm lần những gì mà Khánh Ly đã hát, từ Trịnh Công Sơn đến Phạm Duy. Tiếng hát Khánh Ly đã rên vang vào tận đáy hồn tôi. Song, những bài hát của Trịnh Công Sơn, cũng như của Phạm Duy thời đó quá buồn, và chưa bao giờ làm cho tôi xúc động thực sự, có lẽ vì ít khi chúng nói đến những điều đáp ứng tâm trạng của tôi, cũng như gắn bó với những ước vọng thời trai trẻ của tôi. Đặc biệt, Trịnh Công Sơn, trong những khúc tình ca, hay thích dùng ngôn ngữ trừu tượng, đượm một thứ triết lý mà tôi ít khi cảm thông được :

*Bao nhiêu năm rồi / còn mãi ra đi
Đi đâu loanh quanh / cho đời mỗi mệt
Trên hai vai ta / đôi vòng nhật nguyệt
Rơi xuống trăm năm / một cõi đi về
Lời nào của cây / lời nào cỏ lá
Một chiều ngồi say / một đời thật nhẹ / ngày qua...*

(Một cõi đi về, nhạc và lời Trịnh Công Sơn)

Điều kỳ lạ là giai điệu trong các ca khúc của Trịnh Công Sơn nói chung, mặc dầu về mặt âm nhạc thuần túy, không có một chút gì là Việt Nam cả (tôi muốn nói không có sắc thái của nhạc truyền thống và của dân ca Việt Nam), song, dường như người nghe vẫn bị quyến rũ bởi những hợp âm êm dịu, những nốt nhạc ăn khớp với lời ca, những giai điệu không quá nghèo nàn, đủ để dễ hát, và dễ nhớ. Phải công nhận rằng Trịnh Công Sơn là một trong những người đầu tiên đã biết khai thác hiệu quả của sự kết hợp lời ca với giai điệu, với nốt nhạc, và sự lặp lại những câu, chữ đúng chỗ, đúng lúc, để tác động tối đa lên sự nhạy cảm của người nghe, nhất là trong những khúc tình ca. Mặt khác, Trịnh Công Sơn đã biết khai thác cái chất giọng và phong cách hát của Khánh Ly như không một ai khác đã làm được.

Phạm Duy không phải là không biết cái bí quyết kết hợp lời với nhạc để đạt những ấn tượng tối ưu. Lời những bài tình ca của ông hát lên nghe cũng rất đẹp, rất ăn với nhạc, đôi khi lại còn có hơi hướng dân ca nữa, song cái tình yêu, hoặc những cuộc tình mà ông ca hát, cũng dường như còn thiếu một cái gì cụ thể để có thể thấm vào hồn người nghe. Hoạ chăng, thi thoảng có một vài ca khúc trong đó có một cái tên, một hình

ảnh được nhắc đến, gọi lên một kỷ niệm, một nỗi nhớ :

*Nha Trang / ngày về
Mình tôi / trên bãi khuya
Tôi đi / vào thương nhớ
Tôi đi / tìm cơn gió
Tôi xây / lại mộng mơ / năm nào...*

(**Nha Trang ngày về** (1969), nhạc và lời Phạm Duy)

*Trả lại em yêu / khung trời đại học
Con đường Duy Tân / cây dài bóng mát
Buổi chiều khuôn viên / mây trời xanh ngắt
Vết chân trên đường / vẫn chưa phai nhạt...*

(**Trả lại em yêu** (1971), nhạc và lời Phạm Duy)

Với giọng hát Khánh Ly, những bài hát này đã từng có một thời được giới trẻ, không chỉ ở các đô thị miền Nam, yêu thích. Khánh Ly có một chất giọng đặc biệt, hơi rạn vỡ, đủ để khiến cho giọng hát như chứa đựng một sự xót xa, đau đớn, một nỗi buồn mang mang. Nó cuộn cuộn như một dòng chảy, lạnh lùng chuyên chở nhạc và lời, đi thẳng vào tim người nghe. Vô tình, hay cố ý, Khánh Ly đã có một phong cách hát giống hệt như Joan Baez, một giọng hát nữ hát tiếng Mỹ nổi tiếng thế giới vào thời ấy. Tôi vẫn tự hỏi, không biết Trịnh Công Sơn có chịu ảnh hưởng nào của Joan Baez không, trong cấu trúc các bài nhạc của anh, đôi lúc cũng cuộn cuộn không ngừng nghỉ, như một dòng chảy ? Những bài Khánh Ly đã hát, của Trịnh Công Sơn, hay của Phạm Duy, ít ai ngày nay có thể hát được hơn thế, hoặc bằng như thế, ngay cả một giọng hát điêu luyện như Lê Dung (**Nắng Thủy Tinh**), họa chăng chỉ có Mỹ Linh đã đem lại thêm một cái gì đó cho một vài bài như **Rừng Xưa Đã Khép** của Trịnh Công Sơn.

Dường như mỗi thời đều có những bài hát và những giọng hát gắn liền với nó, với cảm quan của quần chúng yêu thích nhạc ở thời đó. Nếu ngày đó Khánh Ly có hát những bài như **Thiên Thai**, **Trương Chi** của Văn Cao, thì chưa chắc đã đạt. Cũng như giờ đây, nếu còn hát được như xưa, chưa chắc Khánh Ly đã hát nổi những bài cần nhiều vốn dân ca, hoặc cần giọng vừa trầm, vừa lên được thật cao như **Trên Đỉnh Phù Vân** của Phó Đức Phương. Một thực tế, có lẽ cũng thuộc qui luật tồn tại của bất cứ ngành nghệ thuật nào, đó là : một giọng hát, một lúc nào đó, trong một bối cảnh xã hội nào đó, chính phục được quần chúng, chính là vì nó đáp ứng đúng nhu cầu của xã hội, của cảm quan, và trình độ thẩm mỹ của quần chúng vào lúc đó. Khi nhu cầu xã hội và sở thích của quần chúng thay đổi, thì không những chỉ các giọng hát mà thôi, mà ngay cả cái nền nhạc mà chúng tùy thuộc, cũng phải dựa vào đó mà thay đổi, nếu không sẽ bị quần chúng bỏ rơi ngay.

Thương Huyền xuất hiện vào năm 45, nhằm đúng lúc giới trẻ đương khao khát nghe những bài hát lãng mạn Việt Nam đầu tiên thời tiền Cách mạng của Đặng Thế Phong, Lê Thương Văn Cao, Phạm Duy, v.v... Thương Huyền có vốn hát dân ca (ả đào), lại có một giọng trầm, ấm, và uyển chuyển đặc biệt. Chỉ trong vòng có mấy tháng, chị đã bước từ nhạc ả đào sang nhạc cải cách một cách dễ dàng. Thời ấy, giọng nữ trong tân nhạc chưa có mấy ai thật sự là chuyên nghiệp, trừ vài giọng ca nữ hiếm hoi của mấy cô nữ sinh trường Đồng Khánh, những người đã diễn vở kịch **Tục Lụy** của Thế Lữ và Lưu Hữu Phước năm 1943 (tôi chỉ còn nhớ có chị Châu đóng Nhã tiên, có giọng trầm, ấm). Thương Huyền đã chinh phục ngay dân

chúng thủ đô và cả nước với giọng hát vừa điêu luyện, vừa giản dị của mình. Chị phát âm rõ ràng, và ít lạm dụng luyến láy Tôi vẫn cho rằng không ai hát **Thiên Thai**, **Trương Chi**, hoặc **Suối Mơ** hay bằng Thương Huyền ngày đó. Không biết có ai còn giữ được một dấu vết nào của giọng ca Thương Huyền ? Không biết có nơi nào còn lưu trữ được những đĩa hát, hay những băng thâu ở Đài phát thanh hồi ấy ?

Thời kỳ 48-49, ở Hà Nội có Minh Đỗ, có giọng hát cũng rất hay. Minh Đỗ có căn bản nhạc cổ điển, nên hát nhạc cải cách rất thuần thực. Répertoire của chị khá rộng, từ Đặng Thế Phong, Hoàng Quý, Dương Thiệu Tước đến Văn Cao, Phạm Duy. Tôi vẫn còn nhớ tiếng hát của Minh Đỗ (và của Ngọc Bảo) vang lên trong trưa nắng từ chiếc loa đặt ở chỗ gần phòng Thông tin Bờ hồ. Ngày ấy Minh Đỗ hay hát **Kiếp Hoa**, **Tiếng Xưa** của Dương Thiệu Tước, **Dứt Đường Tơ** của Dzoãn Cảnh, VV ở miền Nam, vào những năm 50-60 (lúc đó tôi đã đi Pháp rồi), có Minh Trang hát **Đêm Tàn Bến Ngự**, **Bóng Chiều Xưa** của Dương Thiệu Tước, Thái Thanh hát những khúc tình ca của Phạm Duy với Ban nhạc Thăng Long, Hà Thanh hát **Các Anh Đi**, **Ai ra xứ Huế**, **Gửi Gió Cho Mây Ngàn Bay**, v.v... Hà Thanh có giọng hát gợi cảm, thơ mộng, và đầy nữ tính, nhưng đáng tiếc là quá mỏng manh, ẻo lả. Giọng hát Thái Thanh là một giọng hát cao, có cá tính, song cũng có một nhược điểm là hay bị vỡ giọng khi lên xuống, một nhược điểm thường hay gặp, nhất là ở các giọng nữ miền Bắc.

Sau này, vào những năm 70, trong khi ở các thành thị miền Nam có một số giọng hát hay như Khánh Ly, Lệ Thu, Julie Quang, v.v... thì ở miền Bắc một loạt tài năng cũng đã ra đời ngay trong chiến tranh. Đó là những giọng hát đơn ca được đào tạo có bài bản trong các trường nhạc, họ vừa thành thạo cả về tân nhạc lẫn dân ca, trong số đó nổi bật nhất có : Tường Vi, người gốc Quảng Nam, năm 1955 ra Bắc, lúc 16 tuổi. Tường Vi hát trong quân đội, cũng như Lê Dung sau này, nổi tiếng với những bài hát có hơi hướng dân ca dân tộc ít người, như **Bóng Cây Kơ-nia** của Phan Huỳnh Điểu. Ngoài ra, còn có : Thanh Huyền, Bích Liên, Kim Định, Tâm Trùng, Lệ Thu, Mạnh Hà, mỗi người có một sở trường, một cá tính riêng biệt.

Từ sau 75, xuất hiện nhiều giọng hát xuất sắc khác : Lê Dung, Ái Vân, Thanh Lan, v.v. . . Vào những năm 80 lại có Cẩm Vân, Hồng Hạnh, . . rồi bước vào những năm 90 lại có : Hồng Nhung, Mỹ Linh, v.v...

Đây là lớp ca sĩ tuy tuổi đời còn trẻ, song kỹ thuật hát đã khá điêu luyện, và có khả năng trình diễn những bài hát tương đối khó hát, ví dụ như Mỹ Linh đã hát **Trên Đỉnh Phù Vân** của Phó Đức Phương, hoặc **Chị Tôi**, nhạc của Trọng Đài, thơ của Đoàn Thị Tảo. Đó là những ca khúc được sáng tác với một sự kết hợp khá nhuần nhuyễn giữa tân nhạc và dân ca, đòi hỏi một kỹ thuật luyến láy thuần thực, một giọng ca khỏe, có hơi, và có thể lên cao được.

Mỹ Linh luôn luôn tìm sự *tương phản* và sự *sinh động* cho tiếng hát của mình, khi nhấn mạnh, lúc nâng niu, nửa như đùa cợt song bao giờ cũng *trau chuốt* từng câu, từng chữ, dù cho đó là những ca khúc của Phó Đức Phương, Trọng Đài, Trịnh Công Sơn, hay Trần Tiến. Đường như Mỹ Linh muốn *vượt xa* hơn cái giọng tự nhiên trời phú cho của mình, và muốn cho nó một dấu ấn nghệ thuật riêng biệt, một phong cách độc đáo.

Hồng Nhung có một giọng hát đẹp tự nhiên, thanh thoát, vừa ấm, lại vừa vui, phong cách hát của cô cũng tự nhiên, phát

âm rõ ràng (**Hà Nội Mùa Vắng Những Con Mưa, Gửi Người Em Gái, Em ơi ! Hà Nội Phố**, v.v...).

Thu Phương có phong cách hát khá lảng, theo kiểu hát rock, hay soul, nghĩa là rất... Tây. (**Hoa Tím Ngày Xưa, Vãn Hát Lời Tình Yêu, Dòng Sông Lơ Đàng**, v.v...). Hình như lúc này có một số nữ ca sĩ đang đua nhau hát như vậy, không biết có phải là gu thời thượng không ? Song, hát như vậy thì về mặt phát âm, coi như khó bảo đảm. Có những người hát một cách sần sỏ, trong khi những lời ca thì lại dịu dàng, thơ mộng, có người lại vừa hát vừa rên xiết !

Còn biết bao nhiêu giọng hát nữ khác, ở trong cũng như ở ngoài nước, mà tôi không thể kể hết ra đây được. Cũng như tôi đã không nói đến những giọng hát nam, vì thấy cũng không cần thiết lắm cho nội dung và mục đích của bài báo này. Bằng ấy thí dụ về những giọng ca nữ và những ca khúc, chủ yếu là những bản tình ca, cũng đủ để cho ta thấy rằng nền ca nhạc Việt Nam, thuộc dòng tân nhạc, không thiếu gì **giọng hát** hay, cũng như không thiếu gì **lời hát** hay. Khâu cần xem lại nhất vẫn là khâu **nhạc**, mà cụ thể là cái quan niệm chung về **cấu trúc** của một bài hát, **giai điệu** của nó, cùng là phần **hoà âm** và **nhạc đệm**.

Ở đây chúng ta sẽ gặp một số vấn đề lý thuyết khá phức tạp và một số mâu thuẫn, mà trong suốt gần hai phần ba thế kỷ nay nền tân nhạc Việt Nam đã không giải quyết được, không phải chỉ do sự thiếu tài năng, hay thiếu ý thức của các nhạc sĩ, mà còn do nhiều lý do khác : bối cảnh lịch sử, xã hội, trách nhiệm của những người cầm trịch trong lãnh vực văn hoá, nghệ thuật, trình độ và sở thích của quần chúng, v.v...

Ngay từ buổi bình minh của nhạc cải cách, vào giữa những năm 30, một vấn đề đã được đặt ra là : **lấy nhạc gì để chuyên chở những lời hát** ? Nhạc cổ điển và ca nhạc nhẹ dân gian phương Tây, hay nhạc cổ truyền và dân ca Việt Nam ? Nhạc Âu với thang bảy âm (âm giai thất cung — gamme) : Do, Ré, Mi, Fa, Sol, La, Si, hay nhạc truyền thống Việt Nam với thang năm bậc (âm giai ngũ cung) : Hồ, Xù, Xang, Xê, Cống (Do, Ré, Fa, Sol, La) ?

Nhiều tác phẩm tân nhạc đã được thử nghiệm với sự kết hợp hai hệ thống âm bậc này. Tuy nhiên, những thử nghiệm của Thẩm Oánh, trong nhóm *Myosotis* (thầy học nhạc của tôi ở trường Chu Văn An sau này), với những bài hát cải cách đầu tiên, xây dựng trên âm giai ngũ cung, như : **Khúc Yêu Đường**, **Có Ai Sang Đồ**, hoặc **Xuân Về**, cũng như một vài bài hát khác của Dương Thiệu Tước, cũng trong nhóm *Myosotis*, như : **Tâm Hồn Anh Tìm Em**, hoặc **Vàng Trăng Sáng**, đều không chứng minh được rằng chỉ cần sử dụng âm giai ngũ cung là đủ để tạo nên những nét nhạc dân tộc. Thời đó người ta chưa có điều kiện để thực sự sưu tầm, nghiên cứu nhạc truyền thống và dân ca.

Không bao lâu, ảnh hưởng của nhạc và của thơ phương Tây (cụ thể là Pháp) đã chiếm ưu thế. Các nhạc sĩ tân nhạc dứt khoát đi theo con đường Âu hoá, sáng tác theo hệ thống âm giai thất cung, và lấy nhạc Âu Mỹ làm gương mẫu. Có thể nói rằng từ bấy đến nay, tuyệt đại đa số các bài ca cải cách, mà chúng ta vẫn hát (trừ một vài trường hợp mà tôi sẽ nói đến sau) đều đã được sáng tác với nhạc Tây (Âu Mỹ) và lời Ta !

Thời kỳ những năm 30, nước ta còn thuộc Pháp, cho nên lúc đó cũng là thời *của* Tony Rossi, *của* Mistinguett, Joséphine

Baker, Maurice Chevalier, v.v... với những bài hát chủ yếu là của Pháp, mà nhiều người Việt Nam lúc đó mê thích đến thuộc lòng. Bản thân tôi, trong suốt thời thơ ấu cũng đã từng được (hay bị) ru bởi những điệu hát này, vì một lẽ đơn giản là nhà tôi ở ngay xế cửa nhà Đĩa hát Thiên Nhiên, có cái loa, cứ mỗi tôi lại phóng ra những bài hát thời thượng, mà mỗi tối tôi lại thường được ngủ trên một chiếc chõng ngay ngoài hè, chờ được bế lên phòng mẹ ! Thời đó cũng là thời của Phùng Há, Năm Phỉ, ái Liên, với đám ba rập hát tuồng và cải lương ở Hà Nội, và các đĩa hát nội hoá do nhà Đĩa hát Thiên Nhiên phát hành. Chúng tôi vẫn thường lên đi nghe hát chui ở các rạp hát Quảng Lạc, Tố Như, Nhật Tân Ban. Song nhạc cải lương không có ảnh hưởng gì mấy đến giới thanh thiếu niên, ít nhất là ở Hà Nội. Ở miền Nam, tôi không biết như thế nào, nhưng ở Hà Nội ngày ấy, bọn trẻ chúng tôi chỉ được nghe *hát xẩm* là nhiều, và *hát châu văn* ở các ngôi đền trong khu phố, hoặc ở các nhà tư nhân, những ngày cúng giỗ. Một số ít những người lớn thì thoáng cũng biết đi nghe *hát ả đào* ở dưới Khâm Thiên, còn tuyệt đại đa số thanh thiếu niên thành thị chúng tôi không biết gì hết về *Chèo*, về *Quan họ* cũng như về các lối *hát Ví*, hát *Ca trù*, hay hát *Cửa đình*.

Sở thích của giới trẻ ở thành thị lúc bấy giờ rõ ràng là đã hướng về nhạc cải cách, nhạc Pháp, và nhạc Mỹ rồi. Không nói gì đến các trường Tây, ngay ở các trường Ta, hay nửa Ta, lúc ấy người ta cũng chỉ sính nhạc Tây, hoặc nhạc Mỹ thôi. Ở một ngày hội tổ chức tại một trường trung học nọ, người ta thấy mấy cậu thanh niên mặc đồng phục, quần dạ xám nhạt, áo vét xanh lơ thẫm (chỉ thiếu có chiếc mũ phớt !), lên sân khấu trình diễn những tiết mục Music Hall của Mỹ vừa xem được ở trên màn ảnh ! Đã có những nhạc sĩ thời ấy còn chịu ảnh hưởng cả của nhạc Nhật Bản (**Đặng Thế Phong, Con Thuyền Không Bến, Giọt Mưa Thu**). Thời bấy giờ, người ta không có điều kiện để tìm hiểu, không thấy được những cái đẹp cái hay trong nhạc dân tộc, nên đã phải đi tìm sự nhạy cảm của chính mình trong các giai điệu của nhạc nước ngoài.

Song, bản thân nhạc Âu Tây cũng biến đổi nhanh chóng, nhờ giao lưu với nhạc thế giới, đặc biệt là nhạc Bắc Mỹ. Chính nhạc nhẹ của Pháp cũng đã bị ảnh hưởng rất nhiều của nhạc Bắc Mỹ, nhất là sau Thế chiến thứ hai.

Giai điệu của các ca khúc nhạc cải cách Việt Nam, do đó, ngay từ đầu đã chịu ảnh hưởng của nhạc Âu Tây, và nhất là nhạc Bắc Mỹ. ảnh hưởng của nhạc Mỹ đã xâm nhập vào Việt Nam bằng nhiều đường, chủ yếu bằng những bộ phim ca nhạc của Mỹ, ngoài ra, bằng đài và đĩa hát. Ngoài ra, nó đã xâm nhập một cách trực tiếp hơn ở vào nhiều đợt. Tôi còn nhớ sự xuất hiện của Ban nhạc Việt-Mỹ ở Hà Nội, trong sự hỗ trợ của mọi người, vào những năm 45-46, và trào lưu chơi đàn Hạ-uy-di (Guitare hawaïenne) lúc ấy (trước đó cũng đã có một vài người chơi đàn Hạ-uy-di, như Dương Thiệu Tước, chẳng hạn). Người ta bỗng dưng sinh ra nhạy cảm và yêu thích những giai điệu lãng mạn của nhạc hải đảo Hawaii, với tiếng ngân do cây đàn Hạ-uy-di tạo nên. Một số bài hát đã được sáng tác trong âm hưởng của tiếng đàn này : **Hận Non Sông** (?) ; **Biệt Ly** của Dzoãn Mẫn, **Dur Âm** của Nguyễn Văn Tý, v.v...

Song, ảnh hưởng của nhạc Bắc Mỹ lên nền ca nhạc ở Việt Nam vào những năm 60-70 mới thật sự là quan trọng, với ca trào nhạc Pop, nhạc Folk, với Bon Dylan, và nhất là Joan Baez. Điều đáng chú ý là nhạc Pop và nhạc Folk đều bắt nguồn từ nhạc dân gian Bắc Mỹ mà ra cả, cũng như nhạc Jazz, Blues,

Rythms and Blues, là từ nhạc dân gian của người Mỹ da đen.

Quần chúng yêu nhạc càng ngày càng nhạy cảm với những loại nhạc này. Đó là một hiện tượng chỉ nên đáng mừng, vì về một mặt nào đấy, đó là một sự tiến bộ. Càng mở rộng hiểu biết về các dòng nhạc dân gian trên thế giới, về các loại nhạc Jazz, Blues, Rock, Folk, cũng như về nhạc cổ điển Âu Tây, v. v. . . người ta càng mở rộng thêm tri thức về âm nhạc, nói chung, để càng hiểu được giá trị của nhạc truyền thống nước mình.

Việc đưa những nét nhạc dân tộc lồng vào, hay hoà quyện vào những giai điệu của ca nhạc cải cách, là một việc làm khó, nhưng đáng được cổ vũ, không phải vì một chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi nào, mà chỉ vì một lẽ đơn giản là nhạc truyền thống và dân ca của mỗi dân tộc thường là những giá trị đích thực, phổ biến, mà các dân tộc khác đều có thể cảm thụ được.

Vào những năm 40, người ta thấy xuất hiện một vài bài hát có đôi chút hơi hướng dân ca, như **Buồn Tàn Thu** của Văn Cao, với giai điệu và cách ngắt nhịp khá độc đáo :

*Ai / lướt đi ngoài sương gió
Không dừng chân đến / Em bến bàng
Ôi / vừa thoáng nghe / Em mơ theo bước chân chàng...*

(**Buồn Tàn Thu**, 1943, nhạc và lời Văn Cao)

Bài này đã đem đến một sự mới mẻ thật sự vào lúc đó. Bọn trẻ chúng tôi dường như ai cũng linh cảm được điều này, nên mặc dầu khó hát, nhưng vẫn thấy thích. Lúc đầu chỉ có Phạm Duy hát (1943-45), sau có Thương Huyền, Mai Khanh, (1945-46), rồi đến Ngọc Bảo (1948-50).

Vào thời gian này, Phạm Duy cũng có vài ca khúc mà bọn trẻ chúng tôi cũng thấy hơi lạ và thích hát như : **Gươm Tráng Sĩ** (1945), **Chinh Phụ Ca** (1945). Hồi Cách Mạng lên, Mai Khanh hay hát hai bài này. Sau này, Phạm Duy đã đi xa hơn nữa trong việc khai thác dân ca với nhiều bài hát được ưa chuộng lúc ấy, như : **Tiếng Hát Trên Sông Lô** (1947), **Nương Chiều** (1947), **Về Miền Trung** (1948), **Gánh Lúa** (1949), v.v... Nhiều bài hát khác dựa vào dân ca cũng đã ra đời trong suốt hai cuộc kháng chiến : **Cô Lái Đò** của Nguyễn Đình Phúc (thơ Nguyễn Bính), **Qua Sông** của Phạm Minh Tuấn, **Quảng Bình Quê Ta Ở** của Hoàng Văn, **Xa Khơi** của Nguyễn Tài Tuệ, **Bóng Cây Kơ-nia** của Phan Huỳnh Điểu, **Những Cô Con Gái Quan Họ** của Phó Đức Phương, v.v... Đây là không kể những bài hát đã được lấy thẳng từ trong dân ca ra, rồi cải biên như : **Cây Trúc Xanh**, **Trống Cơm**, **Hoa Thơm Bướm Lượn**, **Xe Chỉ Luân Kim**, **Người Ở Người ở Đứng Về** (Quan họ), **Ru Con** (dân ca Nam Bộ), v.v...

Song song với những tìm tòi, thử nghiệm này, phải kể đến những sáng tác lẻ loi như : **Đêm Tàn Bến Ngự** của Dương Thiệu Tước, trong đó tác giả đã vận dụng dân ca một cách khá nhuần nhuyễn :

*Ai về / Bến Ngự / cho ta nhắn cùng
Nhớ chăng / non nước Hương Bình
Có những ngày xanh / lưu luyến bao tình ...*

(**Đêm Tàn Bến Ngự**, nhạc và lời Dương Thiệu Tước)

Người ta có thể hình dung được để dành bài hát này được đệm bằng nhạc cụ truyền thống, cũng như các bài **Buồn Tàn Thu**, **Chinh Phụ Ca**, **Cô Lái Đò**, **Bóng Cây Kơ-nia**, v.v...

Nhưng liệu quan niệm *trở về nguồn*, đưa dân ca vào trong các ca khúc tân nhạc, có hợp với khẩu vị của giới trẻ ngày nay,

và có phù hợp với bối cảnh kinh tế và xã hội hiện nay không ?

Mà đưa dân ca vào tân nhạc, phải chăng chỉ có thể là đưa cái tinh thần của dân ca, của nhạc dân tộc vào đó thôi, chứ đâu có thể nào đưa nguyên xi những làn điệu dân ca ?

Bởi vì, như chúng ta biết : không phải hình thức nghệ thuật truyền thống nào cũng có thể chuyên chở được những nội dung mới, và cũng phù hợp được với mỹ quan, với nhu cầu và tâm thức của quần chúng ngày nay. Điều này đã thấy rõ trong các ngành nghệ thuật tạo hình. Trong âm nhạc lại càng rõ hơn : các hình thức dân ca và nhạc truyền thống như Ca trù, Chèo, Hát Ví, Hát Văn, v.v... đã bị quên lãng trong một thời gian dài, và cho đến nay vẫn còn gặp rất nhiều khó khăn để tồn tại và phát triển, vì không có quần chúng, vì thiếu đầu tư, v.v...

Song đưa nhạc truyền thống và dân ca vào tân nhạc là một việc mà trong lịch sử âm nhạc thế giới, nhiều người đã làm, và đã trở thành một qui luật (từ Mozart, Brahms, tới Bob Dylan).

Không lẽ những người yêu nhạc ở Việt Nam, vì quá quen thuộc với các loại nhạc Âu Mỹ (Rock, Folk, Blues, Rythms and Blues, Soul, v.v...), nên dễ chấp nhận những giai điệu và những cách đệm nhạc rập khuôn trên những loại nhạc này ?

Không lẽ người ta chỉ coi giai điệu như một yếu tố phụ, một phương tiện để làm nổi những lời ca lên, và chuyên chở chúng đến tai thính giả ?

Không lẽ cái quan niệm về một nền tân nhạc với những sắc thái dân tộc sẽ không còn giá trị nữa, trong bối cảnh thế giới giao lưu ngày càng rộng rãi ?

Dẫu sao, trong một ca khúc, nhất là trong một bản tình ca, giai điệu cũng như phần nhạc đệm phải có một chất lượng cao, thì mới mong làm nổi, làm đẹp được lời ca, và mới chinh phục được những thính giả sành điệu.

Từ trước tới nay, các giai điệu, cũng như nhạc đệm trong các bài ca cải cách Việt Nam, ngoại trừ những bài có hơi hướng dân ca ra, phần lớn đều không thuộc một dòng nhạc cụ thể nào cả : cổ điển cũng không ra cổ điển, jazz cũng không ra jazz, Ta cũng không ra Ta, Tây cũng không ra Tây, thậm chí, có thể nói rằng không có một phong cách gì hết, từ các bản tình ca cho đến các bản nhạc hùng. Về mặt kỹ thuật, khâu hoà âm, và dàn nhạc đệm, nói chung, còn rất kém, chủ yếu do trình độ của các nhạc sĩ, chưa nắm vững những quy luật cơ bản về hoà âm (harmonie), hợp âm (accords), v.v...

Đưa cái tinh thần của nhạc truyền thống và của những làn điệu dân ca vào các ca khúc tân nhạc chỉ có thể đem lại cho chúng một phong cách mang sắc thái dân tộc, và một sự phong phú có giá trị phổ biến, không chỉ đối với thính giả Việt, mà còn đối với cả những người nước ngoài nhìn vào nền văn hoá Việt Nam, nghe nhạc Việt Nam và chờ đợi ở nền nhạc này những nét đặc thù.

Các tác phẩm của Phó Đức Phương, như : **Những Cô Gái Quan Họ**, **Trên Đình Phù Vân**, v.v... được quần chúng Việt Nam yêu thích từ một số năm nay, có thể được coi như là những thử nghiệm khá thành công và đáng khích lệ. Ca khúc **Chị Tôi** của Trọng Đài, cũng là tác phẩm có những nét nhạc dân ca độc đáo và không quá xa lạ với lỗ tai nhạc của quần chúng ngày hôm nay.

Văn Ngọc

Sổ tay

Quận Cam năm nay đầu đầu cũng vàng khè màu cờ “ quốc gia ”. Hè năm kia, hay mùa hè năm 1995, lần đầu tiên tôi đặt chân tới đây, muốn chụp ảnh kỉ niệm, phải đi tìm mỗi mắt mới ra một lá cờ ba sọc đỏ trên đường Bolsa hay Westminster gì đó, ngoan ngoãn đứng dưới lá cờ sao và sọc của Hoa Kỳ : bên kia đại lộ, cách đó không xa, trước quán ăn Mac Do, dưới quốc kỳ của nước Mỹ, là lá cờ đỏ với chữ M màu vàng, biểu trưng của công ti ăn uống *fastfood*. Lá cờ vàng ba sọc đỏ bên này đường, lá cờ Mac Do bên kia đường, sự tương xứng chỉ có tính hình thức. Thực chất, bên này là một sự nghiệp đã thuộc một thời xa vắng, bên kia một doanh nghiệp khổng lồ còn đang khuếch trương dài dài trong thời đại toàn cầu hoá.

Lá cờ khấp nép ấy, nghe đâu, có lịch sử của nó : một ông cụ già, trung thành với quá khứ của mình, hàng tháng trích một phần số tiền *oéo-fe* (trợ cấp xã hội) của mình để thuê một em bé mỗi ngày, sáng treo cờ, tối hạ cờ... Câu chuyện ấy không biết bao nhiêu là sự thực, bao nhiêu là hư cấu của ông bạn nhà văn đã kể lại cho tôi... Chỉ biết tôi muốn tin là thực, vì nó cảm động, càng cảm động hơn khi tôi quen gọi, và vẫn coi đó là cái cờ... ba que.

Năm nay, tôi không còn phải đi tìm lá cờ đơn lẻ đó, cũng không biết nó còn đó hay không. Dù cho ông già có thật, dù nó tiếp tục sáng sáng được treo lên, thì hè năm nay, nó cũng lọt thỏm trong rừng cờ ở khắp các thương xá Bolsa. Lần này nó lên chức : trên mái ngói của các dãy nhà hàng, nó đứng ngang với quốc kỳ Mỹ ở chính giữa, nó đứng dài dài trên mái, trần trụi khỉ thế. Nó còn được in trên những mảnh giấy dán lên cửa kính của hàng quán, dọc theo các hành lang thương xá, đôi khi tả tơi vì bị xé đi không hết, nhưng vẫn nhan nhản như lời nói của một bà cô lắm điều...

Đó là kết quả trông thấy của “ vụ Trần Trường ” hồi tết (1). Bất luận trạng thái tâm thần nào đã dẫn tới hành động của ông chủ tiệm Hi Tek đã một thời xưng thánh, rồi xưng vương trước khi trở thành ủng hộ viên khá công kênh của Nhà nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam, vụ Trần Trường đã có ít nhất vài ba tác dụng tích cực. Trước hết, và quan trọng hơn cả, nó là một màn diễn kịch tâm thần *psychodrama* tập thể, qua đó một cộng đồng sống lại những thảm kịch kinh hoàng mà họ đã trải nghiệm trên biển cả, trong (và ngoài) những trại học tập cải tạo... Cá nhân Trần Trường, lá cờ đỏ sao vàng và bức chân dung Hồ Chí Minh mà ông ta treo trên tường cửa tiệm Hi Tek đã trở thành biểu tượng cho những nỗi kinh hoàng mà họ đã trải qua. Những cuộc biểu tình kéo dài mấy tuần, với đầy đủ hỉ nộ ái ố, kể cả những cử chỉ thô tục, hài hước và... cải lương nhất, xét cho cùng là liều thuốc tâm lý hiệu quả, giúp cho người ta giải thoát khỏi quá khứ, khỏi ám ảnh. Một anh bạn Cali nhận xét rất đúng : số đông họ không phải là nạn nhân

của cuộc chiến tranh (cuộc sống tương đối thoải mái của họ trước 1975 gắn liền với nền kinh tế chiến tranh), mà là nạn nhân của *sau chiến tranh*. Và suốt gần một phần tư thế kỉ, cộng đồng này muốn sống lại, làm lại, viết lại cuộc chiến tranh trong một xã hội, một quốc gia đã làm tất cả để quên đi cuộc chiến. Trong một ý nghĩa nào đó, và nhìn vào bề sâu của tâm cảm, có thể nói vụ Trần Trường đã góp phần khấp lại một chương lịch sử, kết thúc (hơi chậm) cuộc chiến tranh 30 năm và kết thúc luôn cả 25 năm hậu chiến.

Marx (Karl, không phải Groucho) đã nói đâu đó rằng lịch sử thường cà lăm, nói lắp, lần đầu nó diễn ra dưới dạng bi kịch, lần thứ nhì nó diễn lại dưới dạng hài kịch. Vụ Trần Trường đương nhiên là như vậy. Bà chánh án Westminster quyết định Trần Trường có quyền treo cờ và chân dung, theo đúng tinh thần và câu chữ tu chính án số 1 của Hiến pháp Hoa Kỳ. Nhưng chính quyền thì dẹp tiệm Hi Tek vì tìm ra hàng lậu, băng lậu trong kho hàng : kẻ xấu miệng có thể nói ở quận Cam, thiếu gì cửa tiệm bán hàng lậu, băng lậu, sách lậu. Cho là như thế đi, nhưng thử hỏi những tiệm ấy, có tiệm nào đã huy động hàng trăm cảnh sát trong suốt mấy tuần lễ như tiệm Hi Tek của Trần Trường không ? Đó cũng là một thực tiễn của nước Mỹ, không ghi trong tu chính án nào cả, và dường như bây giờ ông Trường mới khám phá ra. Cũng như một thực tiễn khác, mà những ông bà hăng hái biểu tình bằng tay chân cũng đang trải nghiệm : đó là những bức thư đòi tiền của các luật sư. Những con số không mấy tương xứng với số tiền *oéo-fe* khiêm nhượng mà họ còn lĩnh hàng tháng. Quỹ ủng hộ của cộng đồng đâu rồi, sao không đem ra để yểm trợ ? Đó cũng là một màn hài kịch mà dư luận người Mỹ bây giờ mới khám phá, nhưng đối với cộng đồng quận Cam, nó có mùi vị chua chua, thum thum của bốn cũ soạn lại : trong bốn hộp tiền quyên góp trong những ngày hăng say biểu tình, một hộp đã không cánh mà bay, và đang là chủ đề cuộc đấu tố giữa các hội đoàn “ bảo vệ chính nghĩa quốc gia ”.



Một đề tài tranh luận khác giữa các hội đoàn là vụ Bảo tàng Bowers ở Santa Ana.

Santa Ana là một thị trấn thuộc Quận Cam, sát cạnh Garden Grove và Westminster, nơi toạ lạc của khu Little Saigon. Bowers là một viện bảo tàng nhỏ, đặt trong một cơ ngơi xinh xắn, với kiến trúc thường thấy của Trung Mỹ dưới ảnh hưởng của văn hoá Tây Ban Nha, bao quanh một vườn hoa nho nhỏ. Cho đến nay, Bowers thường tổ chức những cuộc triển lãm nhỏ, với mục đích giới thiệu những nền văn hoá Mèhicô, Inca... liên quan tới những cộng đồng nhập cư sinh sống tại California. Từ tháng 6 vừa qua, viện bảo tàng tiếp nhận một cuộc triển lãm khá lớn về nghệ thuật Việt Nam, mang tên : *Việt Nam, dòng sông uốn khúc (The Winding River)*, bao gồm hai phần. Phần thứ nhất giới thiệu Văn hoá Đông Sơn (với 3 trống đồng và nhiều hiện vật của thời kỳ đồng thau nổi tiếng). Phần thứ nhì trưng bày khoảng 70 tác phẩm của mấy chục họa sĩ Việt Nam hiện đại, từ thế hệ của những Nguyễn Phan Chánh, Nguyễn Gia Trí, qua Bùi Xuân Phái, Nguyễn Tư Nghiêm, Nguyễn Sáng... đến thế hệ trẻ hiện nay. Ngoài một số hoạ phẩm do Bộ văn hoá Việt Nam cho mượn, phần lớn các tác phẩm đều thuộc những bộ sưu tập của tư nhân (tôi để ý đến tên một phụ nữ Mỹ ở Pháp, bà Burke). Cuộc triển lãm này do trung tâm Meridian International Center chủ trì

(1) xem bài “ ...như Tết ” của Nguyễn Lộc (ĐĐ số 84, tháng 5.99).

dưới sự bảo trợ của nhiều công ti lớn như Coca Cola, General Motors... và đã khai trương năm 97 ở thủ đô Washington DC. Cũng như những cuộc triển lãm mấy năm gần đây ở Paris, Bruxelles hay Berlin, *Đòng sông uốn khúc* không thể được coi là giới thiệu toàn cảnh hội hoạ Việt Nam hiện đại, và người ta có thể tiếc, hoặc trách người tuyển chọn là đã bỏ quên tác giả này, tác giả nọ. Ở Bowers, còn có thể trách cả sự hiện diện của một vài bức tranh lẽ ra chỉ nên đợi khách ở hè đường Tự Do / Đồng Khởi. Nhưng dẫu sao, nhìn chung, đây là một cuộc triển lãm có giá trị, ít nhất nó đưa công chúng Mỹ làm quen với một số tác phẩm giá trị bằng thứ ngôn ngữ không lời của hội hoạ. Đó chắc cũng là mục đích của ban tổ chức triển lãm và ban giám đốc viện bảo tàng, song song với một thiện ý khác là tạo thêm nhịp cầu hội nhập của cộng đồng Việt Nam vào xã hội đa dân tộc của nước Mỹ.

Phải nói mục đích và thiện ý ấy chưa chắc đã trở thành hiện thực nếu không có những cuộc biểu tình chống đối ồn ào từ trước khi ngày khai mạc, và, theo lời cam kết của những hội đoàn chống cộng, sẽ tiếp tục cho đến ngày bế mạc đầu tháng 10. Nhờ đài truyền hình địa phương và báo chí (riêng trên trang chủ internet của nhật báo *Orange County Register*, trung tuần tháng 7, tôi đã điểm được 13 bài báo), cuộc triển lãm đã được dư luận biết tới, và người ta đi xem khá đông. Trên cuốn sổ vàng, tôi đọc được khá nhiều tên họ Việt Nam, không ít người đến từ San Jose, Sacramento... ở phía bắc bang California. Những sinh viên cảm ơn viện bảo tàng đã cho họ cơ hội nhìn tận mắt những trống đồng và những hiện vật của nền văn hoá Đông Sơn mà tới nay họ chỉ thấy trong sách vở. Sự tự hào chen lẫn “tủi nhục” vì cảnh tượng biểu tình ở bên kia đường.

Trước khi bước vào viện bảo tàng, tôi đã chăm chú đọc những tấm áp-phích và truyền đơn tố cáo Bowers “tuyên truyền cho cộng sản”. Đọc mà vẫn chưa tin điều mình đọc : người ta muốn dạy cho công chúng Mỹ hiểu bức tranh ông đồ ngồi vẽ câu đối tết kia là “cộng sản tuyên truyền” vì màu chủ đạo trong bức tranh là màu đỏ, mà màu đỏ thì *ai chả biết là cộng sản !* Một bức tranh khác đã gây “phẫn nộ” nơi mấy tổ chức “quốc gia” – họ đòi Bowers phải loại ra khỏi cuộc triển lãm. Bức tranh mang tên *Lòng mẹ* : một bà mẹ già đứng trước bàn thờ có mười khung ảnh những người thân, những đứa con đã hi sinh. Quả tang tuyên truyền cộng sản nhá : có chân dung bộ đội đội nón cối mang sao vàng ! Cùng xem tranh cạnh tôi có hai phụ nữ Mỹ đứng trầm ngâm. Thoạt tiên tôi tưởng họ nghĩ tới lời tố cáo mà chắc họ cũng đã đọc bên kia đường, nhưng không : họ chỉ thấy ở đây tấm lòng và nỗi đau của người mẹ, và họ chú mục tới hai khung ảnh bỏ trống : những người thân đã mất tích, ảnh cũng không có mà treo. Tôi không dám hỏi trong gia đình họ, có ai đã tham chiến ở Việt Nam không, có ai là MIA (*Missing in Action*) không : qua ánh mắt họ, tôi hiểu thế nào là sự thông cảm, hiểu sự thương đau là cái gì những con người nhân hậu có thể chia sẻ và cảm nhận, vượt qua khỏi mọi ranh giới và hàng rào ngôn ngữ.

Tôi xin gặp bà Janet Baker, giám đốc mỹ thuật của cuộc triển lãm. Bà là chuyên gia về nghệ thuật Á Đông, đặc biệt về Trung Quốc. Trong câu chuyện, bà Baker chẳng mất thời giờ giải thích tại sao bà đã cương quyết gạt bỏ mọi sức ép chính trị đối với một cuộc triển lãm nghệ thuật. Dường như bà chỉ quan tâm tới lời lên án bức tranh “*Đàn chuột lễ Phật*” (đường

như có hai nhà tu hành ra tuyên bố cho rằng đó là phỉ báng đạo Phật) : “*Tôi đọc lại sách Phật, thì thấy mọi sinh vật đều là chúng sinh. Ở động Đôn Hoàng bên Trung Quốc cũng đã có những bức tranh vẽ đề tài chuột cúng Phật*”. Tác giả bức tranh là Trần Trung Tín, tranh vẽ năm 1972. Nhìn sơ, cũng thấy nghệ sĩ vẽ trên một trang giấy báo. Tôi cho bà Baker biết thêm : 1972 là năm Nixon ném bom khu Khâm Thiên, và lúc đó, Trần Trung Tín sống vất vưởng ở Hà Nội, không được thừa nhận là hoạ sĩ, không có vật liệu để vẽ, mỗi bức tranh của anh là một tiếng thét gào thâm lặng.

Cái nhìn méo mó chính trị, nhìn đâu cũng thấy địch, thịnh hành ở Quận Cam, cũng đã từng ngự trị (và nay cũng chưa hết hẳn) ở Hà Nội. Cách đây khoảng 20 năm, nhân dịp tết năm Ngọ (chắc là 1978), Văn Cao đã bị đánh một trận tơi bời sau khi vẽ bìa số Xuân báo *Văn Nghệ* : mấy cành đào khảnh khieu (không có một cánh hoa, tuy màu hồng của hoa đã được hoạ sĩ lấy làm nền cho cả bức tranh), con ngựa thì quay đầu nhìn đuôi, cô gái Mèo thì một bàn chân bước về phía trước, chân kia quay lại phía sau, nếu không mắc tội luyến tiếc quá khứ thì ít nhất cũng là dao động, không dứt khoát tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội. Những người đánh Văn Cao năm ấy (trước cả vụ Quốc ca) nay chắc đã về hưu cả rồi, không chừng đã theo Văn Cao sang thế giới bên kia. Họ cũng có người kể tục, nhưng cái loại nhân tài ấy, quanh đi quẩn lại, cũng chỉ lèo tèo mấy mống và tấm cỡ Trần Mạnh Hảo. Hay là Ban tư tưởng văn hoá nên vận dụng “*nội lực bên ngoài*” (một cụm từ thời thượng), mời những nhà phê bình nghệ thuật ở hè đường Santa Ana về nâng cao “*nội dung tư tưởng*” trên mặt trận văn hoá ? Họ đã chẳng sáng chế ra những ông “*Hoài Việt, Việt kiều Ca-li-phoóc-nia*” để lăng mạ Trần Độ đó sao ? Nhưng ngồi ở Hà Nội mà viết văn Ca-li thì dễ lộ tẩy. Chỉ bằng mời người thật, hiệu quả hơn nhiều. Tất nhiên, các nhà “*phê bình*” kiểu này phải sửa đổi lập trường tí chút, nhưng bù lại, bài bản, mảnh khảnh, vành trong vành ngoài đã có sẵn cả rồi.



Milano mùa thu. Chỉ ghé qua đây buổi tối, không kịp thăm thủ đô kinh tế Italia. Quây quần chung quanh những miếng bánh pizza thơm phức dầu ôliu, mỡ tang, vừa giòn vừa mềm, chúng tôi được làm quen với mấy anh chị Việt Nam sống ở miền bắc Ý. Và, thú vị biết bao, được gặp chị Vinh ghé qua đây. Chị từ đảo Sardenia, miền nam xa xôi, lên chơi. Khuôn mặt, dáng người, giọng nói của một phụ nữ nông dân Thanh Hoá. Chị sang “*làm dâu*” nước Ý từ năm 1963, hơn ba mươi năm sống ở hòn đảo hầu như không có đồng hương. Trong câu chuyện, chị phải chêm nhiều tiếng Ý, cũng may không xa tiếng Pháp, nên cũng dễ hiểu. Thập niên 40, chồng chị phải lưu lạc sang Bỉ làm phu mỏ, rồi không chịu được không khí vùng mỏ, anh đào thoát bằng cách duy nhất là vào lính lê dương. Sang Việt Nam, người nông dân Sardenia ấy mới khám phá ra “*cuộc chiến tranh bẩn thỉu*” và quyết định đào ngũ, sang hàng ngũ kháng chiến. Rồi anh chị gặp nhau, thành vợ chồng, sống ở Việt Nam đến năm 1963 mới về quê. Bao nhiêu người Việt Nam, bao nhiêu phụ nữ Việt Nam sống lưu lạc như chị Vinh ? Tôi ước ao, một ngày kia, được đọc những trang hồi ký, những bài ký kể lại cuộc đời chìm nổi của những người Việt Nam ở khắp trái đất này.

Kiến Văn

Nguyễn Văn Thọ

Vườn Maria

truyện ngắn

LTS.- Cách đây 10 năm, bức tường Berlin sụp đổ, kéo theo sự cáo chung của khối gọi là xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu. Biến cố không ai tiên đoán trước được ngày tháng ấy, thực ra là một sự tất yếu, xuất phát từ bản chất chế độ xây dựng trên mô hình Stalin với chuỗi dài tội ác, và sự bất cập của nó trong công cuộc xây dựng. Song mười năm qua, khi chủ nghĩa tư bản hoành hành như mùa gậy vườn hoang, người ta có thể đo được mặt trái của sự kiện lịch sử này qua những khó khăn ngày càng chồng chất của các nước nghèo cũng như của người lao động ở các nước công nghiệp. Đúng như lời tiên tri của nhà thơ Pháp Claude Roy năm 1989 : bức tường Berlin sụp đổ là điều đáng mừng, song từ nay, cái gì sẽ làm bọn giàu có phải e dè ?

Kỷ niệm 10 năm sự kiện Berlin, chúng ta cũng không thể quên số phận của người dân Đông Đức. DĐ xin giới thiệu cùng bạn đọc truyện ngắn của Nguyễn Văn Thọ, trích từ tập truyện ngắn **Giới lạnh**, nxb Hội nhà văn, 1999.

Vườn Maria nằm giữa khu nhà vườn mênh mông. Đây là nơi chính quyền DDR đã quy hoạch, chia cho công nhân các nhà máy xung quanh, làm khu vườn nghỉ cuối tuần. Để tới đó, tôi phải đạp xe hai chục phút. Vòng vèo trên con đường rải đá dăm màu nâu, men theo dải rừng thông xanh, vòng qua cái đầm rộng, ngọn đồi thấp trồng đầy sồi và bạch dương, tôi đến một nơi hoàn toàn tĩnh mịch. Một không gian khác hẳn, cách biệt hẳn với sự ồn ào, bụi bặm, đêm cũng như ngày, của thị trấn công nghiệp, nơi tôi đang làm việc.

Bấy giờ đang vào xuân. Cơ man loài hoa đủ sắc màu, tươi thắm nở sau hàng rào thưa. Những tràng tuyết lisp đỏ thắm, như những ngọn lửa nhỏ, lung linh, huyền ảo. Thấp thoáng trong các lô vườn, tôi nhìn thấy nhiều ngôi nhà xinh xắn, đủ kiểu dáng, nép bên những tán cây. Đang mùa hoa kết trái, cả không gian như được ướp hương. Thỉnh thoảng, một cơn gió nhẹ chợt tới, cuốn ra cơ man nào những cánh hoa mỏng phớt hồng, phớt tím, bay la đà. Nom tựa hồ như một đàn bướm khổng lồ vờn rờn trong nắng vàng, trong tiếng líu lo không nghỉ của chim chóc các loại.

Vợ chồng Maria chờ sẵn tôi trong vườn. Dưới tàn cây, trên thảm cỏ xanh biếc được cắt tỉa công phu, họ trải sẵn tấm khăn màu sắc sỡ. Chai rượu vang đặt bên đám cốc, đĩa đã bày. Kế bên, kê cái giá nướng. Than củi phừng phực cháy và những xiên thịt đã bắt đầu tỏa mùi thơm phức. Tôi trao cho Maria một gói quà nhỏ như thông lệ ở đây. Vợ chồng Maria tươi cười

kéo tôi ngồi xuống thảm cỏ mịn.

Chúng tôi nói đàm câu thăm hỏi xã giao. Sau đó, trong khi chờ Maria nướng thịt và xúc xích, chồng Maria mời tôi đi thăm khắp khu vườn rộng tới mấy ngàn mét vuông của họ.

Trong vườn, anh đào đã lác đác vài chùm tím. Từng dãy dài táo và lê hồng rực màu hoa, báo hiệu một mùa quả bội thu. Rất nhiều cây ăn quả, với những cái tên nghe lạ hoắc. Chúng tôi dừng lại trước một nhà kính nhỏ. Chồng Maria chỉ cho tôi xem những luống xu hào, cải bắp, hành tây mơn mớn và đám cà chua leo đầy những trái quả mẫm mẫm, rồi nói : “ *Cậu không thể tưởng tượng ra buổi đầu tiên chúng tôi đến nhận mảnh vườn này đâu ! Khắp mặt đất toàn gạch vụn và mảnh bom. Cút rời khỏi nhà máy là chúng tôi đến đây để dọn vườn. Công việc kéo dài tới hai ba năm, mọi sự mới tạm ổn. Chúng tôi chở đi cơ man nào gạch vụn, lại mua rất nhiều mùn tro đổ lên mặt đất cần cháy để có mảnh vườn trông màu mỡ như ngày hôm nay ! ”.*

Thì ra, khu vực này trước đây là mục tiêu bắn phá của máy bay đồng minh. Bên trái là nhà máy chế tạo phụ tùng xe tăng. Bên phải, cách khu đất không xa là kho quân trang của quân đội phát xít Đức. Giữa vườn, trước kia nghe nói có một biệt thự lớn. “ *Tất cả sau chiến tranh không có một mầm cây nguyên vẹn ! ”.*

Tôi ngồi uống rượu vang chất, nghe vợ chồng Maria nhẩn nha kể về những năm tháng xa xăm sau đại chiến. Tôi mừng tượng, theo lời họ, mặt đất nham nhở, khét lẹt. Những đụn khói âm ỉ và tiếng nổ ừng ục của bom đạn. Từng đoàn người đói khát, rách rưới, kiên nhẫn cắm cổ đào bới, dọn dẹp trên khắp mặt đất, khắp các thành phố hoang tàn, đổ nát...

Tất cả với họ, mọi việc đều qua rồi, để hôm nay tôi được mục kích, khu nhà nghỉ dài tới bốn năm cây số, tươi đẹp như cõi thiên thai nơi hạ giới.

Giọng Maria đều đều trong gió nhẹ, nghe mơ hồ như tiếng vọng từ cõi xa xăm đầu đội về, hoàn toàn không ăn nhập gì với cảnh vật, không khí tuyệt diệu ở nơi đây. Tôi muốn ngã mình xuống cỏ, ngủ một giấc dưới ánh nắng ấm áp, vàng như mặt của mùa xuân...

Từ buổi đó, thỉnh thoảng vào dịp cuối tuần, tôi lại ghé thăm vườn của Maria. Còn gì tuyệt vời hơn, sau một tuần làm việc đến đứt hơi, chúng tôi được nằm dài trên thảm cỏ êm ái. Không phải chui rúc, tù hãm trong khu nhà lắp ghép cao để sợ, chúng tôi được thở hít thứ không khí trong sạch, chỉ có mùi thơm của các loài hoa và cỏ ngọt, lắng nghe tiếng líu lo không nghỉ của chim chóc đủ loại và đôi khi ném món xà lát tươi mát, ngọt lịm tự tay Maria vừa cắt trong vườn.

Sau này tôi được biết thêm, công việc vườn tược gần như một đam mê cuốn hút cuộc sống của vợ chồng Maria. Họ không mua ô tô, ít đi nghỉ mát. Dành được đồng nào, cả hai anh chị đều ném vào việc tôn tạo nhà vườn. Theo thời cuộc, họ xây nhà tạm, mắc nước, điện, mua giống má, làm nhà kính và thay đổi nhiều lần những thiết bị làm vườn. Maria có lần nói, ô tô chỉ mang lại tiếng ồn và khói bụi. Sống trong khu nhà cao tầng, với những ô cửa sổ tò vò, chị luôn có cảm giác như bị nhốt. Chỉ có ở vườn mới thực là nghỉ ngơi và thư giãn. Tôi đồng ý với chị như vậy ! Trên thực tế, phải làm việc khi nền công

nghiệp hiện đại của châu Âu đang phát triển với tốc độ chóng mặt, thần kinh của chính tôi cũng trở nên rất căng thẳng. Nhà vườn chắc không chỉ là ước mơ của riêng Maria, mà còn là cuộc giải thoát có tính cấp thiết cho con người trong xã hội phát triển này. Chẳng thế mà chồng Maria bảo, hè tới, anh sẽ coi rộng thêm hai phòng nhà vườn. Anh đã đặt mua hệ thống sưởi nước nóng, lắp thêm nhà kính, mở rộng việc trồng rau và hoa trong mùa xuân. Maria hồ hởi hẹn : “ *Xây xong nhà mới, vợ chồng mình sẽ chuyển hẳn về đây sống. Mùa đông này, cậu đến đây chơi nhé ! Khi ấy, băng tuyết sẽ phủ trắng khắp nơi. Cây cối, vườn tược dưới ánh nắng mặt trời sẽ toả sáng lấp lánh như dát bạc. Chúng ta không phải đi đâu nghỉ đông hết. Cậu sẽ nằm trên đệm ấm, uống cà phê nóng, ăn bánh ngọt và nhìn ra ngoài trời, ngắm muôn ngàn bông tuyết xóp lững lờ buông rơi ! ”* .

Hết hè rồi đến thu. Tôi thấp thỏm chờ mùa đông tới để nghiệm xem lời Maria nói thế nào. Rồi mùa đông cũng đến, nhưng mọi việc lại diễn ra không đúng như lời mời tốt đẹp của Maria.

Mùa đông đến. Người ta bảo, mười mấy năm nay mới lạnh đến thế ! Hai ba tuần liền, tuyết cứ trùng trùng rơi xuống, trắng xoá khắp mặt đất. Nhưng điều ấy không phải là nguyên nhân đảo lộn dự kiến của Maria và tôi. Thời tiết chính trị của nước Đức lên cơn sốt làm lộn phèo tất cả.

Bất đầu là sự kiện đám thanh niên Đông Đức đang du lịch tại Tiệp nhảy vào tị nạn trong sứ quán Tây Đức. Sau đó là những cuộc biểu tình ở Halle, Leipzig... Người ta đồn đại nhiều khả năng xấu có thể xảy ra trên mảnh đất gần bốn chục năm yên bình. Những lời đồn ấy cùng với các cuộc tranh luận chính trị triền miên trên các hệ thống thông tin làm cánh thợ khách Việt Nam chúng tôi lo ngại cho một cuộc hồi hương bất ngờ. Tôi và nhiều người Việt khác chẳng có bụng dạ nào mà chơi bởi thăm thú. Tôi dùng mọi thời gian rảnh tìm kiếm hàng, gửi về nhà.

Thế rồi, nước Đức phá tan bức tường chia cắt trong đêm giáng sinh. Mọi diễn biến, từ việc thủ tướng Kohl tới diễn thuyết ở Đông Đức, đến việc đổi tiền... đã xảy ra liên tục như trò chơi domino, dẫn tới việc nước Đức thống nhất.

Nước Đức mới với sự ngự trị của đồng Mác Tây Đức kéo theo nhiều đổi thay về kinh tế trên phần đất Đông Đức. Nhà máy chúng tôi dần thợ rời sau đó đóng cửa. Tôi nằm trong số người thất nghiệp đầu tiên và để kiếm sống, tôi ra đường phố buôn bán qua ngày. Tôi nghe tin, Maria thất nghiệp sau tôi nửa năm. Chẳng bao lâu, tiếp tin chồng Maria thất nghiệp, rồi lại xin được một chân đào đất trên công trường nào đó tận Berlin. Chính vì thế, chúng tôi ít khi gặp nhau như ngày làm cùng một nhà máy. Thỉnh thoảng, Maria có lại chỗ tôi chơi, nhưng không thấy chị nhắc nhở đến việc kiến tạo khu nhà vườn. Sợ Maria buồn, tôi tránh hỏi tới việc ấy, dù đôi khi không khỏi không nghĩ tới. Nhất là những ngày tuyết ngừng rơi, trời trở nên lạnh buốt. Nhìn hàng phong đã trút hết lá, được bao phủ trên cành một lớp băng lấp lánh, trong suốt như pha lê, tôi luôn tự hỏi, bao giờ thì Maria có đủ tiền xây dựng một nhà vườn như dự tính ? Bao giờ, chị nằm trên đệm ấm, mặc mùa đông trôi ngang, cùng chồng nhấm li rượu vang màu thắm đỏ và nhìn ra trời ngắm tuyết bay ?

Thời gian trôi đi hai năm. Một bữa chồng Maria đột ngột đến nhờ tôi giúp đỡ. Anh tới, hốt hải báo tin Maria bị mệt và buồn rầu nói : “ *Chúng tôi đã có lệnh của toà án trả lại khu nhà vườn cho chủ cũ. Phải dọn dẹp sạch sẽ trong vườn trước khi trao trả ! ”* . Anh nhờ tôi dùng xe ô tô chuyên chở giúp anh chuyển mấy chuyến đồ từ nhà vườn về khu tập thể.

Thứ bảy, theo lời hẹn, tôi đánh chiếc xe Bus của mình tới khu nhà vườn. Bấy giờ đã cuối hè. Có lẽ do vườn sắp bị trả nên vợ chồng Maria chẳng xén tĩa cỏ nữa. Thậm chí không có ai chăm sóc đã mọc dài tới gối. Cái nhà kính mới tu bổ hôm nào, nay bị tháo dỡ dang dở, trơ bộ sườn gầy gò và những tấm kính vỡ. Mấy luống đất đầy rau mơn mớn bữa nọ, ngả màu bạc phếch, lơ thơ còn lại dăm cây cà chua héo rũ. Chỉ có đám cây ăn quả là chẳng biết gì tới những thay đổi của thời cuộc. Táo sắp chín, ngả màu phớt hồng. Trên rặng anh đào còn sót mấy chùm quả tím sậm như những giọt máu. Năm ấy lê sai lắm ! Từng chùm quả mọng nước vớt chiu cả cành. Tôi nhìn đám mận tím rụng đầy mặt đất mà ngơ ngẩn.

Khi tôi đến vườn, chồng Maria đã khuôn gằn hết đồ trong nhà nghỉ ra ngoài hiên. Maria chạy ra đón tôi với nét mặt buồn buồn và thốt nhiên ôm chặt lấy tôi. Khi ấy, tôi chưa hiểu hết những giọt lệ của chị. “ *Mất mát nào chẳng buồn ! ”* Tôi ôm lấy Maria và xoa nhẹ bàn tay lên vai chị.

Đồ đạc trong nhà vườn của họ không nhiều. Chỉ hai chuyến Bus là tôi đã giúp họ tổng mọi thứ đến chỗ cần chuyển tới. Tuy thế, đến chiều thì công việc mới tạm ổn. Maria mời tôi dùng cơm tối ngay trong nhà vườn. Vừa ăn Maria vừa kể về cuộc đời của chị.

Cho tận tới khi ấy, tôi mới biết, Maria không phải là người Đức. Maria sinh ra trong một trang trại mà nơi đó bọn phát xít dồn những tù nhân Đông Âu tới làm việc. Chị không biết mặt mẹ. Người ta kể, mẹ chị mất ngay sau khi chị ra đời. Những người nông dân Đức tốt bụng sống quanh trang trại đã giấu giếm và nuôi dưỡng chị, giúp cho người mẹ tù Bungari xấu số. Sau đó, Hồng quân Xô viết đã tiến qua trang trại và giải thoát những tù nhân. Cha chị vốn là một chiến sĩ chống phát xít nên ông tham gia ngay vào binh đoàn quốc tế tiến về giải phóng Berlin. Hai năm sau, Maria được biết, ông đã hi sinh trong trận chiến cuối cùng. Maria, sau đó được đưa vào trại mồ côi nuôi dưỡng. Đó là những năm tháng nặng nề. Maria kể với nét mặt rất buồn : “ *Tôi sinh ra trong trại như một người tù, lớn lên trong nhà trẻ mồ côi. Cuộc sống sau chiến tranh rất thiếu thốn và với tôi, mãi mãi là những ám ảnh khủng khiếp. Những ám ảnh trại tù, những ám ảnh của tháng năm không một người thân, theo đuổi tôi. Tôi rất nhớ, thứ bảy và chủ nhật là những ngày đáng sợ nhất. Tôi bám song sắt nhà trẻ nhìn ra ngoài trời. Ấn tượng ấy đọng lại tâm trí ngay cả khi tôi trưởng thành và lấy chồng. Cuộc sống yên bình những năm tháng qua phần nào bào mòn quá khứ ấy. Nhất là từ khi có mảnh vườn này. Tôi cảm thấy cuộc sống dễ thở và tươi sáng ”* . Maria lau nước mắt : “ *Suốt mấy chục năm qua tôi luôn mơ ước sẽ cải tạo nhà vườn thành nơi ở tử tế. Tôi coi mảnh đất có khu vườn này như mảnh đất quê hương, xứ sở của tôi. Tôi đã sống và sẽ chết tại đây. Mùa hè cũng như mùa đông, tôi không phải giam hãm trong khu nhà tập thể chật chội và tù túng nữa. Sống hẳn trong nhà vườn, tôi sẽ thực sự quên đi tất cả dĩ vãng. Chúng tôi đã*

dồn tiền bạc xây cất khu vườn. Tôi hi vọng. Thế mà giờ đây chẳng còn nhà vườn nào nữa ! ”.

Rõ cả rồi ! Tôi đã hình dung ra mọi việc đã xảy ra. Tôi hoàn toàn thấu hiểu, thông cảm cho những giọt nước mắt lã chã rớt xuống từ đôi mắt mở to đầy đau khổ của Maria lúc này.

Chúng tôi ngồi im lặng đến chục phút. Sau đó, để phá tan không khí nặng nề, chồng Maria kể cho tôi nghe diễn biến chính của việc chủ cũ trở về đòi lại mảnh đất.

Tôi hình dung qua lời kể, một người đàn bà lạ hoắc, từ phía Tây thành linh đến. Với tờ khế ước đất đai đã ó vàng mấy chục năm, bà ta xuất hiện, như một phù thủy có sức mạnh tuyệt đối, phá tan cõi mơ yên bình, giản dị, chân chính của người bạn tôi. *“ Mọi sự kiện của bốn mươi năm trên đồng Đức đã chẳng còn ý nghĩa gì nữa ! ”.* Chồng Maria nhăn nhó nói tiếp : *“ Luật pháp là luật pháp mà ! Người ta không thêm tính toán gì tới công sức của vợ chồng tôi bấy lâu nay. Tay luật sư đại diện cho bà ta còn nói rằng, những rặng cây, luống hoa cũng trồng không đúng trật tự cũ. Lão ta cho hay, bà chủ dặt tính, sẽ xây lại biệt thự theo đúng vị trí thửa xưa. Như vậy, họ sẽ đốn hầu hết những cây ăn quả trong vườn ! Ông bà quả thực có nhiều công sức để trồng đám cây này ! Nhưng tương lai, nó không còn ý nghĩa gì với bà chủ nữa. Nhất là khi biệt thự được xây cất ! Chúng tôi còn chưa tính tiền công thuê đốn hạ cây đâu nhé ! Tốn vô khối thời gian và tiền bạc đấy ! Tay luật sư đã nhẫn tâm nói với tôi như thế ! Đấy cậu xem ! Gần hết cả đời người chăm chút cho mảnh vườn này, vậy mà giờ đây ! ”.*

“ Thế họ không bồi thường gì à ? ”, tôi hỏi. “ Đó là một việc hết sức tế nhị ! ”. Chồng Maria nói tiếp : *“ Thực ra luật pháp mới không quy định việc bồi hoàn cho những người được chính quyền DDR cấp đất vườn. Nhưng chính quyền mới cũng không muốn xảy ra sự kiện tụng rắc rối. Họ khuyến cáo một sự bồi hoàn nào đó, giữa hai bên tự nguyện thỏa thuận. Thường là để nhanh chóng lấy lại đất, các chủ cũ đều bồi hoàn ít nhiều. Nhưng cậu tính đi ! Ba chục ngàn bạc họ dự kiến sẽ bồi thường. Với nó, chúng tôi sẽ mua được cái gì ? Một mảnh đất khoảng hai ba trăm mét vuông, trơ trụi không một bóng cây, bây giờ cũng đến hai ba trăm ngàn DM rồi ! ”.*

Tôi rời nhà vườn Maria mà không nói được lời an ủi. Có an ủi cũng vô ích khi tôi tự mình đặt vào cảnh huống ấy. *“ Nhưng vẫn cần phải đòi tiền ! ”.* Tôi nói với họ câu nói duy nhất khi chia tay và thực sự cầu mong họ mau chóng nhận được tiền. Vót vát được ít nào hay ít đó ! Họ đều có tuổi rồi. Vả lại, Maria đang thất nghiệp, chẳng khoẻ mạnh gì cho cam. Tôi nghĩ vậy.

Suốt cả tuần ấy tôi hồi hộp chờ cú điện thoại của Maria báo tin đã nhận được tiền. Chồng chị đã bảo, đầu tuần, bà chủ cũ sẽ đến xem vườn lần cuối và họ sẽ làm biên bản bàn giao tiền. Vậy mà, đến cuối tuần Maria vẫn chưa điện tới. Sốt ruột cho bè bạn, tôi lấy xe phóng lại nhà Maria. Cả hai vợ chồng Maria đều không có nhà. Có thể họ ở vườn ! Tôi suy đoán rồi chạy xe tới khu nhà nghỉ.

Đúng như tôi dự tính. Vợ chồng Maria đều có mặt tại đó.

Trong đám bụi mùn của mù mịt, chồng Maria nhể nhể mồ hôi đang dùng máy cưa bằm nhỏ bộ xương của nhà kính. Lưỡi cưa thép quay tít, phăm phăm cắt ngọt những thanh gỗ vừa

mới sơn hòm nào. Tiếng lưỡi thép sắc lẹm chém vào gỗ, rít lên từng hồi chát chúa, nhức nhối, phá tan bầu không gian vốn tĩnh lặng, thanh bình của khu vườn.

Thấy tôi đến, Maria lau vội tay lên tạp dề chạy ra đón tận cổng.

Không nén được tò mò, tôi hỏi ngay Maria việc đền bù của chủ cũ. Nghe thế, chồng Maria ngừng tay xếp củi. Anh kéo tôi ra giữa vườn và chỉ vào hai mô đá mọc đầy rêu nhô trên đất khoảng hai chục phân nói : *“ Nhẽ ra mọi việc đều xong cả rồi, nhưng còn vướng hòn đá chết tiệt này. Ngay phút đầu tiên tới đây, bà ta đã nhong nhong đi khắp vườn và tìm ra những mô đá này. Bà ta sẫm soi, nghiêng ngó, vạch vòi rồi nói rằng, chỗ này, ngày xưa có đặt ba hòn đá. Hòn đá của ông nội tôi, của bố tôi và hòn đá thứ ba của tôi. Hòn đá thứ ba của tôi đâu ? Bà ta đã đưa ra những câu hỏi mà khi đó tôi không sao hiểu nổi ”.* Chồng Maria mặt đỏ gay, không hiểu vì nắng hay vì giận dữ. Tôi kéo anh ngồi xuống một cái ghế rồi bình tĩnh hỏi chuyện.

Thì ra, theo lời bà chủ cũ, từ cái thửa títt mù khơi nào đó, cứ mỗi thế hệ ở đây sinh ra, người chủ gia đình, trong ngày sinh nhật đầu tiên của con mình đã đặt một hòn đá. Hòn đá thứ ba, hòn đá của bà ta, đặt trong một ngày nào đó từ thập kỉ xa lắc, giờ đây không còn nữa.

“ Điều ấy, cái hòn đá chết tiệt có thật hay không, tôi không hề được biết. Còn hiện tại thì bà ta kiên quyết không giao đủ số tiền ba chục ngàn nữa. Tôi trừ của anh chị một chục ngàn ! Bà ta đã kiên quyết nói vậy. Chúng tôi cũng thể thốt và nói hết lời rằng, chúng tôi không hề đào hòn đá to như thế mà khuôn đi được. Nhưng bà chủ không tin, càng tỏ ra giận dữ. Bà bảo tôi, các anh đã phá hoại nó, đánh mất nó ! Đấy là biểu tượng duy nhất của tôi đã hiện hữu tại đây và tôi mong chờ bao nhiêu năm để gặp lại kỉ vật ấy. Vậy thì nó ở đâu ? Cả chúng tôi và bà ta đều cãi vã trước mặt tay luật sư, làm gã ta cũng ngỡ ra, chẳng hiểu đầu của tai nheo ra sao cả ”. Chồng Maria vỗ đầu bứt tai nói với tôi.

Tôi đến sát hai mô đá nhô trên mặt đất. Trông chúng chẳng khác gì những hòn đá bình thường mà người ta dùng để làm móng nhà cổ. Loại đá trắng này, tôi đã nhìn thấy nó rất nhiều dưới những bức tượng bị dỡ bỏ, trong vườn hoa trước cửa nhà máy chúng tôi, khi nước Đức thống nhất. Tôi cúi xuống. Hai hòn đá gần như giống nhau, mỗi chiều không đầy bốn chục phân.

Thật ra khi đó, tôi cũng không rõ hư thực ra sao cả. Tôi gắng hỏi chồng Maria : *“ Thái độ của bà chủ đất khi nói về hòn đá, có đáng tin cậy không ? ”.* Hiểu ý tôi, chồng Maria thật thà nói : *“ Bà ấy kể về kỉ vật của bà với một vẻ rất xúc động. Có thể trước đây đúng là có hòn đá như vậy. Nhưng ai biết được bây giờ nó ở đâu ? Chiến tranh đã tàn phá tan hoang cả nước Đức ! Đến ngôi biệt thự nhỏ của bà ta cũng chẳng còn, nói chi tới một hòn đá ! Chẳng nhẽ những người dân Đông Đức chúng tôi cũng phải chịu trách nhiệm về mọi sự thay đổi sau chiến tranh ư ? ”.* *“ Hay là bây giờ nó còn bị vùi trong lòng đất ? ”.* Tôi thả một câu vô duyên. Chồng Maria nhún vai yên lặng. Tôi quay lại phía Maria. Từ nãy đến giờ chị hoàn toàn trầm mặc. Hình như chị đang thả hồn về đâu đó. Tôi nhìn thấy đôi mắt Maria thật buồn. Không hiểu sao, tôi bắt

chợt nghĩ tới mùa đông sắp đến. Ô, rồi tuyết lại rơi. Nhưng chỉ chẳng còn nhà vườn để từ trong đó chiêm ngưỡng mùa đông Âu châu nữa. Tôi tưởng tượng ra cái ô cửa nhà tập thể như những tổ tò vò. Maria của tôi, đôi bàn tay bấu chặt vào song sắt, đôi mắt vô vọng nhìn ra ngoài trời, vô vọng nhìn những bông tuyết lạnh nhẹ nhàng, lặng lẽ rơi ! Bất giác tôi thấy lòng mình buồn vô hạn.

Chiều hôm đó, về tới nhà, tôi suy nghĩ rất nhiều. Tôi không sao đập tắt được những hình ảnh đã được nghe kể về cuộc đời của Maria.

Vợ chồng chị với tôi, ngoài tình bạn chân thành suốt mấy năm nay, Maria còn là một đồng nghiệp rất tin cậy của đám thợ Việt Nam chúng tôi trong nhà máy cũ. Bây giờ tôi mới hiểu rõ, vì sao Maria giúp đỡ những người công nhân nước ngoài như cánh Việt Nam và Cuba, tận tâm, tận lực hơn cả những người Đức. Vì sao, khi nghe kể về cuộc chiến tại Việt Nam, chị luôn tỏ ra xúc động, có khi không cầm cả nước mắt. Con người tốt bụng ấy, đã từng lao động quên mình, đã từng đi đầu trong những cuộc biểu tình, ủng hộ tổ quốc tôi, giờ đây không còn mảnh vườn mơ ước nữa. Đến việc nhận tiền cũng bị trắc trở vì một nguyên nhân hết sức vô lý kia. Maria phải nhận được đủ số tiền bồi hoàn ! Tôi phải giúp chị !

Ngay tối hôm đó, tôi đến nhà Maria và tỏ ý định sẽ đến vườn để đào xới tìm hòn đá thứ ba. Nghe ra, lúc đầu Maria cũng ái ngại lắm, song thấy tôi quá quyết tâm, anh chồng liền trao cho tôi chìa khóa vào vườn.

Thực ra không bao giờ tôi làm một công việc ngớ ngẩn ấy ! Đá nào chẳng là đá ! Tôi nghĩ vậy, và lập tức thuyết phục vợ tôi đến khu vực cửa nhà máy tìm được một hòn đá như ý muốn.

Phải tới hai tiếng đồng hồ, hì hục mãi, hết bảy lại kéo, chúng tôi mới đưa hòn đá khá nặng lên xe và chở tới nhà vườn Maria. Tôi lùi chiếc xe tải nhỏ, khéo léo qua những rặng cây, tới khu vực hai hòn đá lớn. Một giờ đồng hồ nữa trôi qua, rồi chúng tôi cũng chôn được viên đá chìm hẳn xuống lòng đất xốp và lập một hiện trường, như đã thực sự đào xới tìm thấy nó. Xong xuôi, tôi gọi điện cho Maria báo tin rằng, hòn đá chết tiệt của bà chủ bấy lâu nay vẫn nằm trong lòng đất.

Vợ chồng Maria rất ngạc nhiên và mừng rỡ khi nghe tôi báo tin. Tôi hình dung thấy Maria rất phấn khởi qua giọng nói của chị trong điện thoại.

Tôi hy vọng, mọi chuyện sẽ kết thúc như tôi mong muốn. Bà chủ mảnh đất chắc sẽ không thể nào nhận ra hòn đá năm xưa. Maria sẽ nhận đủ tiền bồi thường. Và, vợ chồng chị, trước cũng như sau, chẳng có trách nhiệm gì với hòn đá quái quỷ kia.

Thời gian chờ đợi tin hồi âm của vợ chồng Maria trôi qua rất chậm. Mãi tới cuối tuần, tôi đột ngột nhận được cú điện thoại của Maria. Chị báo tin, mọi việc đã ổn thỏa. Gia đình chị, mong muốn tôi đến vườn, với tư cách như một người thân trong nhà họ, chứng kiến việc bàn giao nhà vườn cho chủ cũ.

Cũng cần kể thêm, tôi đã hỏi hợp thể nào, trong buổi gặp gỡ của chúng tôi trên nhà vườn. Nhất là, khi tay luật sư, một gã cao lớn, có bộ mặt nhẵn nhụi phò cái quai hàm bạnh ra như gọt từ sắt thép, cứ nhìn xoáy mãi vào hòn đá thứ ba. Hòn đá

do tôi tìm thấy nằm lơ lửng giữa khoảng đất nhăm nhở.

Thật hù vía, may mà hòn đá chẳng biết nói ! Tôi thở phào khi tay luật sư rút máy điện thoại, báo cho người chủ cũ từ khách sạn gần đó, có thể đến ngay vườn.

Người chủ cũ tới nhận vườn. Đó là một người đàn bà hơn bảy tám chục tuổi, già quắt như cây muồng khô, từ trên xe Mercedes lộng lẫy bước xuống. Bà như ngọn gió mong manh, lướt qua mặt vợ chồng Maria, lướt qua những hàng cây ăn quả, qua luống hoa hồng còn nhiều bông rực rỡ, gần như đổ xụp xuống mặt đất, ôm chầm lấy tảng đá thứ ba, nói trong nức nở :

– Trời ơi ! hơn bốn chục năm nay, tao mới được nhìn thấy mày !

Cũng chỉ cách bà ta vài bước chân, Maria của tôi mếu máo, dờ khóc, dờ cười, tay cầm tờ biên bản và chiếc séc ba chục ngàn từ tay luật sư lạnh lùng.

Trong giây phút cuối cùng nơi nhà vườn ấy, tôi chợt cảm giác, mình như một nhân chứng hết sức trớ trêu của cuộc sống. Tôi vòng nhanh ra cổng vườn .

Khi ngang qua ngôi nhà trống hoác của Maria, tay luật sư đã tới đó từ lúc nào. Gã quay ra nhìn vô vào mặt tôi và đột nhiên nháy cặp mắt ranh mãnh, tủm tỉm cười. Cái nhìn và điệu bộ ấy dường như có ý bảo : “ *Này anh bạn ! Tôi biết tổng cái trò của chú mày rồi. Cái trò ấy, chỉ có thể qua mắt được mấy bà già kia thôi !* ”.

Tôi nhìn thẳng vào đôi mắt của gã.

Lúc ấy, tôi muốn quát to lên rằng, tôi chẳng có một trò chơi nào bị ỉm cả. Tôi đã lấy lại mười ngàn cho Maria. Ta cũng mang lại cho các người kỉ vật, hòn đá mà thật ra, chính các người đã đánh mất nó, hủy diệt nó, bằng sự hoang phí thời gian một cách tàn nhẫn và biết bao điều dối lừa !

Nhưng tôi im lặng. Có điều gì đó nghèn nghẹn, không thể cất thành lời.

Nước Đức, 1-1999

Nguyễn Văn Thọ

Diễn Đàn forum

Directeur de publication : Nguyễn Quang Đỗ * Imprimé par nos soins
Dépôt Légal : 178/91 * Commission Paritaire : AS 73 324 * Prix : 25 F.

Địa chỉ bưu điện :

BP 50, 92340 Bourg-La-Reine (Pháp)

Fax: từ Pháp : 01 45 88 54 58 ; quốc tế : 33 1 45 88 54 58

Địa chỉ điện tử (E-Mail):

diendan@wanadoo.fr.

<http://perso.wanadoo.fr/diendan>

Đại diện ở các nước :

Đức : Tran, Am Stadtpark 6, 92237 Sulzbach-Rosenberg

Ba Lan : điện thoại di động 0-602 394063, địa chỉ điện tử

ldloc@frikio6.onet.pl

Thẻ lệ mua báo : xin coi trang 13

Bài viết tay hay đánh máy trên một mặt giấy, hay trên đĩa Mac (font PDT) hay PC (font VNI, PDT, ABC,...) ; hoặc qua Email (bỏ dấu theo quy ước Vietnet/VIQR)